

BẢN CÁO BẠCH

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
ĐA QUỐC GIA I.D.I**

Đồng Tháp, tháng 09 năm 2014



ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I



(Giấy Chứng nhận ĐKKD số 4103001715 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 15/07/2003 và được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp thay đổi lần thứ 12 số 0303141296 ngày 20/8/2014)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 77/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 26/9/2014)



TỔ CHỨC TƯ VẤN CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB

Bản cáo bạch này và các tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I

Địa chỉ: Quốc lộ 80, cụm công nghiệp Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp
Điện thoại: 067 3680383 Fax: 067 3680 382
Website : <http://www.idiseafood.com>

Công ty Cổ phần Chứng khoán MB

Địa chỉ: 3 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 3726 2600 Fax: (84-4) 3726 2601
Website : www.mbs.com.vn
Bloomberg: MBSV<GO>

Phụ trách công bố thông tin

Họ tên: Lê Văn Chung Chức vụ: Tổng Giám Đốc
Điện thoại: 0673.680.616 Fax: 0673.680.616





CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I
(Giấy Chứng nhận ĐKKD số 4103001715 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 15/07/2003 và Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp thay đổi lần thứ 12 số 0303141296 ngày 20/8/2014)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Tên Cổ phiếu	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I
Loại Cổ phiếu	Cổ phần phổ thông
Mã Cổ phiếu	IDI
Mệnh giá	10.000 đồng
Giá bán	
1. Cho cổ đông hiện hữu	10.000 đồng/cổ phần
2. Cho cán bộ công nhân viên	10.000 đồng/cổ phần
Tổng số lượng chào bán	39.900.000 cổ phần
1. Cho cổ đông hiện hữu	38.000.000 cổ phần
2. Cho cán bộ công nhân viên	1.900.000 cổ phần
Tổng giá trị chào bán (theo mệnh giá)	399.000.000.000 đồng

Tổ chức tư vấn

Công ty Cổ phần Chứng khoán MB (MBS)

Điện thoại : (84-4) 3726 2600 Fax: (84-4) 3726 2601

Địa chỉ : 3 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội

Website : www.mbs.com.vn

Bloomberg : MBSV<GO>

Tổ chức kiểm toán

Báo cáo Kiểm toán năm 2012 và năm 2013 được kiểm toán bởi:

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCs)

Địa chỉ : 29 Võ Thị Sáu, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại : (84-8) 3820 5944 Fax : (84-8) 3820 5942

Website : www.aasc.com.vn



MỤC LỤC

I. Các nhân tố rủi ro	7
1. Rủi ro về kinh tế	7
2. Rủi ro về cơ chế chính sách và pháp luật	10
3. Rủi ro đặc thù	10
4. Rủi ro của đợt chào bán và của dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán	11
5. Rủi ro khác	15
II. Những người chịu trách nhiệm đối với nội dung bản cáo bạch	16
1. Tổ chức phát hành	16
2. Tổ chức tư vấn.....	16
III. Các khái niệm	17
IV. Tình hình và đặc điểm của tổ chức chào bán.....	19
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	19
1.1 Một số thông tin cơ bản về Công ty	19
1.2 Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	20
2. Cơ cấu tổ chức Công ty	22
3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty.....	23
4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông tại thời điểm ngày 15/07/2014.	25
4.1 Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty tại thời điểm ngày 15/07/2014.....	25
4.2 Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ nắm giữ tại thời điểm ngày 15/07/2014	25
4.3 Cơ cấu cổ đông tại thời điểm ngày 15/07/2014.....	27
5. Danh sách công ty mẹ và Công ty con của Tổ chức chào bán, những công ty mà Tổ chức chào bán đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức chào bán.	27
6. Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Công ty.....	28
7. Hoạt động kinh doanh	30
7.1 Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ	30
7.1.1 Giá trị dịch vụ qua các năm 2012, 2013 và 6 tháng đầu năm 2014.....	30
7.1.2 Chi phí sản xuất.....	32
7.2 Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả cung cấp dịch vụ của tổ chức phát hành	33
7.3 Tình hình nghiên cứu sản phẩm mới	41
7.4 Tình hình kiểm tra chất lượng dịch vụ sản phẩm	41
7.5 Trình độ công nghệ.....	42
7.6 Hoạt động Marketing.....	42
7.7 Hoạt động xã hội và quan hệ công chúng.....	43
7.8 Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền	43
7.9 Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết.....	44
8. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.....	45
8.1 Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2012, 2013 và 6 tháng đầu năm 2014.....	45
8.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo	46
9. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	47
9.1 Vị thế của Công ty trong ngành.....	47
9.2 Triển vọng phát triển của ngành.....	48



9.3 Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung của thế giới.....	49
10. Chính sách đối với người lao động.....	50
11. Chính sách cổ tức	51
12. Tình hình hoạt động tài chính.....	52
12.1 Các chỉ tiêu cơ bản.....	52
12.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	55
13. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng.....	56
14. Tài sản	72
15. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong những năm tiếp theo	74
16. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	79
17. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành	79
18. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu chào bán.....	79
V. Cổ phiếu chào bán	80
1. Loại cổ phiếu	80
2. Mệnh giá.....	80
3. Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán	80
4. Giá chào bán dự kiến.....	80
5. Phương pháp tính giá.....	81
6. Phương thức phân phối.....	81
7. Thời gian phân phối cổ phiếu.....	82
8. Đăng ký mua cổ phiếu.....	83
9. Phương thức thực hiện quyền.....	84
10. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài.....	84
11. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng.....	85
12. Các loại thuế liên quan đến hoạt động giao dịch chứng khoán	85
13. Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu.....	86
VI. Mục đích chào bán	87
VII. Kế hoạch sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán	93
VIII. Các đối tác liên quan tới đợt chào bán	95
IX. Phụ lục	96
X. Ngày tháng, chữ ký, đóng dấu của đại diện tổ chức phát hành, tổ chức tư vấn	97



BẢNG

Bảng 1: Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty.....	25
Bảng 2: Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ nắm giữ tại thời điểm ngày 15/04/2014	25
Bảng 3: Cơ cấu cổ đông tại thời điểm ngày 15/07/2014.....	27
Bảng 4: Cơ cấu doanh thu thuần của Công ty năm 2012, 2013 và 6 tháng đầu năm 2014.....	30
Bảng 5: Cơ cấu lợi nhuận gộp của Công ty năm 2012, 2013 và 6 tháng đầu năm 2014	31
Bảng 6: Cơ cấu doanh thu hoạt động tài chính	32
Bảng 7: Chi phí sản xuất kinh doanh năm 2012, 2013 và 6 tháng đầu năm 2014	32
Bảng 8: Tổng sản lượng nguyên liệu đưa vào nhà máy IDI sản xuất năm 2013	33
Bảng 9: Sản lượng và định mức năm 2012, 2013 của nhà máy.....	34
Bảng 10: Khối lượng và doanh thu xuất khẩu năm 2013.....	35
Bảng 11: Tỷ lệ các sản phẩm bán ra năm 2013	36
Bảng 12: Thị phần theo quốc gia	36
Bảng 13: Thị phần theo châu lục	37
Bảng 14: Một số hợp đồng Công ty đã và đang thực hiện.....	44
Bảng 15: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.....	45
Bảng 16: Tình hình lao động trong Công ty	50
Bảng 17: Thời gian khấu hao tài sản cố định.....	52
Bảng 18: Mức lương bình quân	52
Bảng 19: Các khoản phải nộp theo luật định	52
Bảng 20: Trích lập các quỹ theo luật định	53
Bảng 21: Các khoản phải thu	53
Bảng 22: Các khoản phải trả.....	54
Bảng 23: Chi tiết các khoản vay của Công ty đến thời điểm 30/06/2014.....	54
Bảng 24: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....	55
Bảng 25: Tình hình tài sản tính đến thời điểm 31/12/2012.....	72
Bảng 26: Tình hình tài sản tính đến thời điểm 31/12/2013.....	72
Bảng 27: Tình hình tài sản tính đến thời điểm 30/06/2014.....	72
Bảng 28: Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2014 - 2015	74
Bảng 29: Chi tiết kế hoạch doanh thu và lợi nhuận trong giai đoạn năm 2014 - 2015	74
Bảng 30: Khối lượng tiêu thụ kế hoạch năm 2014	75
Bảng 31: Doanh thu kế hoạch năm 2014	76
Bảng 32: Kế hoạch sản xuất năm 2014.....	77
Bảng 33: Kế hoạch nguyên liệu đầu vào.....	78
Bảng 34: Lịch trình phân phối cổ phiếu.....	82
Bảng 35: Kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán.....	93

HÌNH

Hình 1: Tốc độ tăng trưởng GDP qua các năm.....	7
Hình 2: Tỷ lệ lạm phát qua các năm	8
Hình 3: Sơ đồ tổ chức của Công ty	22
Hình 4: Sơ đồ bộ máy quản lý của Công ty	23

I. Các nhân tố rủi ro

1. Rủi ro về kinh tế

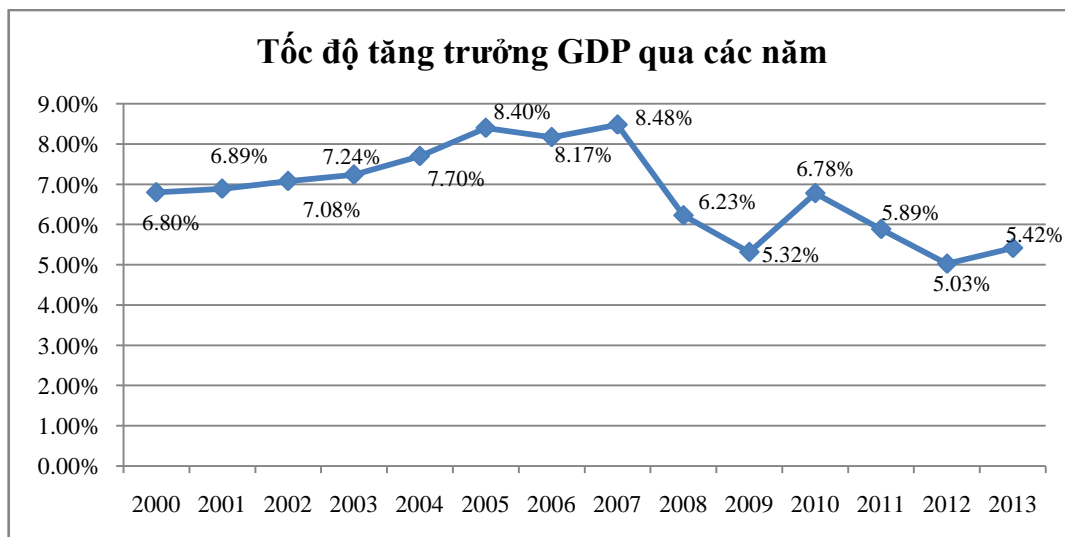
Sự biến động của các biến số kinh tế vĩ mô như tốc độ tăng trưởng, lạm phát, lãi suất, tỷ giá, chính sách của Chính phủ thực hiện điều chỉnh các biến số kinh tế vĩ mô cũng như chính sách phát triển ngành sẽ có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động và kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp.

Tăng trưởng kinh tế

Tốc độ tăng trưởng kinh tế là một trong những nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của hầu hết các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế. Tăng trưởng kinh tế nói chung sẽ làm tăng nhu cầu tiêu dùng xã hội, thúc đẩy sự gia tăng của sản lượng công nghiệp và giúp cho các doanh nghiệp mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm của mình. Những năm trở lại đây, nền kinh tế Việt Nam luôn duy trì tốc độ tăng trưởng ở mức cao và ổn định so với các nước trong khu vực và trên thế giới. Tốc độ tăng trưởng GDP trung bình giai đoạn 2004 - 2007 đạt 8,16%, phản ánh những bước tiến vững chắc, đúng hướng của Việt Nam cũng như phần nào cho thấy tiềm năng phát triển của Việt Nam trong những năm tới.

Sau khi chính thức gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) ngày 11/01/2007, nền kinh tế Việt Nam ngày càng hội nhập sâu với nền kinh tế thế giới. Sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam ngày càng gắn kết chặt chẽ với xu thế phát triển chung của thế giới. Năm 2008, nền kinh tế toàn cầu bị suy thoái nặng nề, điều này khiến cho nền kinh tế Việt Nam cũng phải chịu những ảnh hưởng đáng kể: thâm hụt thương mại ở mức kỷ lục, thất nghiệp gia tăng, thị trường chứng khoán suy giảm mạnh và sự đóng băng của thị trường bất động sản. Tốc độ tăng trưởng GDP năm 2008 của Việt Nam chỉ đạt 6,23%, thấp hơn nhiều so với mục tiêu đặt ra.

Hình 1: Tốc độ tăng trưởng GDP qua các năm



Nguồn: GSO, MBS tổng hợp

Tốc độ tăng trưởng kinh tế năm 2009 tuy vẫn thấp hơn tốc độ tăng 6,23% của năm 2008, nhưng đã vượt mục tiêu tăng 5% của kế hoạch. Tính chung cả giai đoạn 2009-

2011, tốc độ tăng trưởng GDP trung bình đạt 6,00%. Trong bối cảnh kinh tế thế giới suy thoái, nhiều nền kinh tế tăng trưởng âm, kinh tế Việt Nam đạt được tốc độ tăng trưởng dương tương đối cao như trên là một thành công. Tuy nhiên, tình hình kinh tế vẫn còn không ít khó khăn, thách thức, bao gồm những hạn chế về cân đối vĩ mô chưa đựng nhiều rủi ro tiềm ẩn; chỉ số giá tiêu dùng tăng ở mức cao; nhập siêu lớn cùng với sự suy giảm của dòng vốn đầu tư nước ngoài và những ảnh hưởng đến cán cân thanh toán, dự trữ ngoại hối...

Đến năm 2012, trong khi nền kinh tế thế giới đang có nguy cơ suy thoái kinh tế toàn cầu, đặc biệt với những cuộc khủng hoảng nợ công ở Châu Âu, thì nền kinh tế Việt Nam cũng đã có những diễn biến phức tạp. Tuy vậy, tốc độ tăng trưởng GDP cả nước năm 2012 vẫn đạt con số 5,03%.

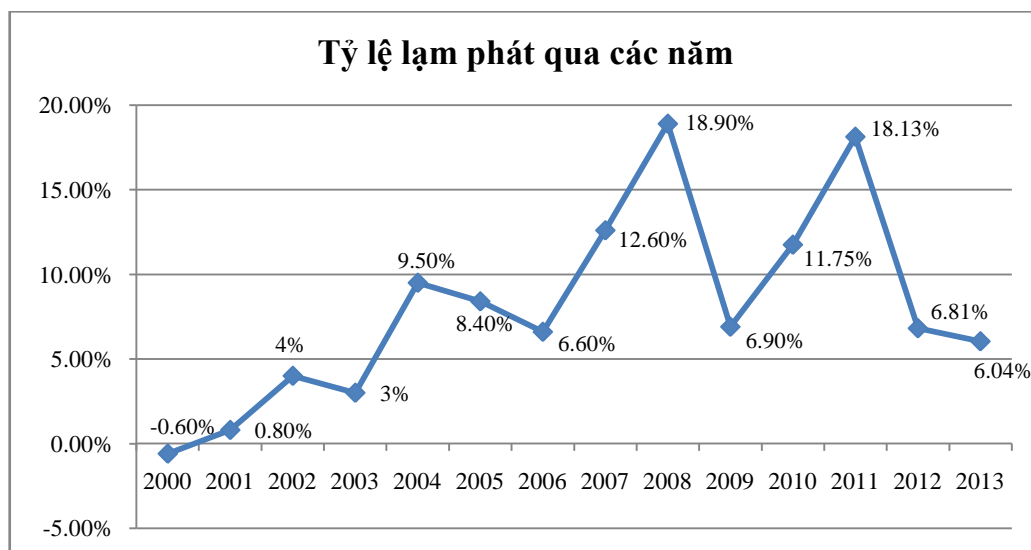
Kết thúc năm 2013, các điều kiện kinh tế vĩ mô của Việt Nam đã ổn định đáng kể so với thời kỳ bất ổn đầu năm 2012, môi trường kinh tế vĩ mô ổn định nhờ lạm phát đang trên đà suy giảm, thâm hụt thương mại và ngân sách được kiểm chế và các chính sách quản lý tiền tệ tốt hơn. Tốc độ tăng của tổng sản phẩm trong nước GDP năm 2013 đạt 5,42%, tuy thấp hơn mục tiêu đề ra là 5,5% nhưng cao hơn mức tăng 5,25% của năm 2012 và được đánh giá là khả quan, tạo tiền đề tăng trưởng bền vững trong năm 2014.

Việc áp dụng các chính sách vĩ mô một cách hiệu quả của Chính phủ sẽ là một trong những nhân tố giúp giảm rủi ro về kinh tế đối với các doanh nghiệp nói chung và các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực chế biến và xuất khẩu thủy sản nói riêng, trong đó có Công ty.

Lạm phát

Các rủi ro trong tài chính doanh nghiệp thường gắn liền với hiện tượng lạm phát trong nền kinh tế. Theo những số liệu được công bố, trong những năm gần đây Việt Nam đang đứng trước sức ép gia tăng lạm phát. Tỷ lệ lạm phát giai đoạn 2000 - 2013 cụ thể như sau:

Hình 2: Tỷ lệ lạm phát qua các năm



Nguồn: GSO, MBS tổng hợp



Trong quá trình phát triển kinh tế, lạm phát ở Việt Nam xảy ra với xu hướng tăng và biến động với biên độ khá lớn góp phần tạo ra những biến động bất thường của giá cả nguyên nhiên vật liệu đầu vào, ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu và lợi nhuận của doanh nghiệp.

Thời kỳ 1996-2003 được coi là thiếu phát, khi CPI tăng rất thấp. Thời kỳ từ 2004 đến nay là thời kỳ lạm phát cao trở lại, gần như lặp đi lặp lại, cứ 2 năm tăng cao mới có 1 năm tăng thấp hơn. Năm 2004 tăng 9,5%, năm 2005 tăng 8,4%, thì năm 2006 tăng 6,6%. Năm 2007 tăng 12,63%, năm 2008 tăng 19,89%, thì năm 2009 tăng 6,52%. Năm 2010 tăng 11,75%, năm 2011 tăng 18,13%.

Đến năm 2012, tỷ lệ lạm phát được kiểm soát với mức tăng 6,81%, bằng 1/3 so với mức tăng của năm 2011, hoàn thành chỉ tiêu dưới 10% của năm 2012 mà Chính phủ đã đạt ra từ đầu năm.

Kết thúc năm 2013, các điều kiện kinh tế vĩ mô của Việt Nam đã ổn định hơn so với thời kỳ bất ổn đầu năm 2012. Lạm phát năm 2013 được kiểm chế, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 12/2013 tăng 6,04%, thấp nhất trong 10 năm qua đạt mục tiêu đề ra là khoảng 8% với năm 2012. Đó là dấu hiệu đáng mừng cho các doanh nghiệp trong nước nói chung và Công ty nói riêng.

Lãi suất

Đối với một doanh nghiệp sản xuất thì rủi ro lãi suất là rủi ro khi chi phí trả lãi vay của doanh nghiệp cao hơn khả năng tạo ra lợi nhuận của doanh nghiệp và mức độ rủi ro về lãi suất cũng khác nhau giữa các ngành với nhau tùy theo cơ cấu nợ vay của các ngành đó.

Chính sách thắt chặt tiền tệ được thực hiện xuyên suốt trong năm 2011 nhằm đối phó với lạm phát. Thực tế trong thời gian đó, mức lãi suất trên thị trường ở mức cao và biến động mạnh. Mức lãi suất vay từ 20 - 25%/năm đã gây khó khăn lớn cho các doanh nghiệp trong việc huy động vốn đáp ứng nhu cầu kinh doanh. Trên thị trường dân cư và tổ chức kinh tế, hiện tượng cạnh tranh huy động vốn giữa các ngân hàng và vượt trần lãi suất diễn ra phổ biến trong 8 tháng đầu năm. Tuy nhiên, ngay sau khi Ngân hàng nhà nước yêu cầu các Ngân hàng thực hiện nghiêm trần lãi suất và xử phạt các tổ chức vi phạm, lãi suất huy động đã giảm về gần mức mức 14%.

Kể từ ngày 18/03/2014, Ngân hàng Nhà nước đã ban hành thông báo điều chỉnh giảm các mức lãi suất điều hành của NHNN và lãi suất tiền gửi tối đa đối với các tiền gửi bằng VND của tổ chức, cá nhân tại TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Theo đó, lãi suất tối đa áp dụng đối với tiền gửi VND không kỳ hạn và kỳ hạn dưới 1 tháng giảm từ 1,2%/năm xuống 1,0%/năm; lãi suất tối đa áp dụng với tiền gửi VND từ 1 tháng đến dưới 6 tháng giảm từ 7,0%/năm xuống còn 6,0%/năm; lãi suất tối đa áp dụng đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng tại Quỹ tín dụng nhân dân, Tổ chức tài chính vi mô giảm từ 7,5%/năm xuống 6,5%/năm. Bên cạnh đó, NHNN cũng điều chỉnh giảm lãi suất cho vay ngắn hạn bằng VND đối với một số lĩnh vực ưu tiên (nông nghiệp nông thôn, xuất khẩu, công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp công nghệ cao) từ 9%/năm xuống còn 8%/năm.

Như vậy, cùng với việc giảm lãi suất huy động theo quy định của NHNN, lãi suất cho vay cũng được giảm theo đáng kể. Đây là tín hiệu tốt cho các doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp trong lĩnh vực chế biến thủy sản nói riêng.

Tỷ giá hối đoái

Là rủi ro xảy ra khi các giao dịch kinh tế được thực hiện bằng ngoại tệ và tỷ giá hối đoái biến động theo hướng bất lợi cho doanh nghiệp.

Nhờ định hướng biên độ điều hành tỷ giá ổn định và quản lý chặt chẽ hoạt động mua bán ngoại tệ của Ngân hàng Nhà nước, tỷ giá không có nhiều biến động lớn trong năm 2013. Ngày 28/06/2013, Ngân hàng Nhà nước chính thức điều chỉnh tỷ giá từ mức 20.828 VND/USD lên 21.036 VND/USD (mức điều chỉnh 1%), đồng thời, điều chỉnh tỷ giá mua ngoại tệ lên 21.100 đồng từ ngày 7/8/2013 và tiếp tục mua ngoại tệ từ các tổ chức tính dụng tại mức giá này. Ngày 19/6/2014, Ngân hàng Nhà nước điều chỉnh tỷ giá bình quân liên ngân hàng giữa Đồng Việt Nam và Đô la Mỹ từ mức 21.036 VND/USD tăng lên 21.246 VND/USD. Việc điều chỉnh tỷ giá lần này nhằm mục đích hỗ trợ xuất khẩu trong 6 tháng cuối năm 2014 và qua đó hỗ trợ tăng trưởng kinh tế. Sau khi điều chỉnh tăng tỷ giá, Ngân hàng Nhà nước đảm bảo thực hiện đồng bộ các biện pháp và công cụ chính sách để ổn định tỷ giá và thị trường ngoại hối trên mặt bằng giá mới, góp phần thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2014.

Hiện tại, hoạt động chính của IDI là xuất khẩu thủy sản. Do vậy, chênh lệch tỷ giá hối đoái là một yếu tố tác động rất lớn đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Khi tỷ giá giữa Việt Nam đồng và Đô la Mỹ tăng, doanh nghiệp sẽ được lợi và ngược lại.

2. Rủi ro về cơ chế chính sách và pháp luật

Rủi ro về luật pháp là sự ảnh hưởng đến hoạt động của công ty khi có những thay đổi trong hệ thống các văn bản luật trực tiếp hoặc gián tiếp điều chỉnh các hoạt động của công ty, chiến lược phát triển ngành liên quan đến hoạt động của công ty. Hệ thống luật pháp có ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp. Hoạt động kinh doanh của Công ty không chỉ chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và Luật Thuế giá trị gia tăng mà còn chịu sự điều chỉnh của Luật pháp của các nước mà IDI xuất khẩu sản phẩm sang. Hiện nay, hệ thống pháp luật Việt Nam còn đang trong giai đoạn hoàn thiện với mục tiêu tạo ra một hành lang pháp lý đồng bộ và thống nhất, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Do vậy, những thay đổi trong hệ thống pháp luật liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty sẽ có ảnh hưởng đáng kể tới hoạt động của Công ty. Bên cạnh đó, IDI cũng gặp nhiều khó khăn khi các nước mà IDI xuất khẩu sản phẩm sang áp dụng các chính sách bảo hộ sản xuất trong nước, các tiêu chuẩn về vệ sinh an toàn thực phẩm, chất lượng sản phẩm...

Để kiểm soát rủi ro về mặt luật pháp, Công ty đã cập nhật những thay đổi trong môi trường luật pháp liên quan đến hoạt động của Công ty, từ đó đưa ra kế hoạch phát triển kinh doanh phù hợp. Để ngăn chặn các phát sinh theo hướng tiêu cực của rủi ro, xây dựng một hệ thống quản trị nội bộ chuẩn mực và tuân thủ các quy định của pháp luật là biện pháp Công ty đã lựa chọn và theo đuổi.

3. Rủi ro đặc thù

Rủi ro nguồn nguyên liệu: Hoạt động chế biến và xuất khẩu thủy sản nói chung phụ thuộc lớn vào nguồn nguyên liệu thủy sản trong nước. Nếu tự chủ được nguồn nguyên liệu, IDI có thể ổn định được sản xuất, đảm bảo được chất lượng sản phẩm và ổn định

được giá nguyên liệu đầu vào, từ đó, Công ty sẽ chủ động xây dựng kế hoạch bán hàng cạnh tranh, ổn định chất lượng và giá thành sản phẩm. Thực tế, với vị trí nằm ở trung tâm của đồng bằng sông Cửu Long, thuận lợi về giao thông đường thủy và đường bộ, vì vậy việc thu mua cá nguyên liệu của IDI diễn ra thuận lợi trong giai đoạn vừa qua. Tuy nhiên, để ổn định sản xuất, IDI đã xây dựng và hình thành vùng nguyên liệu tự chủ tại huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp. Hiện tại, vùng nguyên liệu tự chủ của IDI và vùng nuôi liên kết cung cấp 68,68% nhu cầu nguyên liệu, số nguyên liệu còn lại được mua ngoài từ các hộ nuôi. Cơ cấu này giúp IDI trong việc chủ động một phần nguồn nguyên liệu và giảm thiệt hại khi giá cá nguyên liệu trên thị trường biến động. Qua đây có thể thấy, nếu không có những biến động bất thường lớn thì rủi ro bị ảnh hưởng vì thiếu tự chủ nguồn nguyên liệu của IDI không cao.

Rủi ro về công suất sản xuất: Đối với IDI, ngay từ đầu Ban lãnh đạo đã định hướng phát triển Công ty trở thành doanh nghiệp xuất khẩu cá tra fillet hàng đầu Việt Nam nên đã đầu tư nhà máy thủy sản theo công nghệ tiên tiến, công suất thiết kế đạt 600 tấn nguyên liệu/ngày, cơ sở hạ tầng cũng được Công ty quy hoạch theo tiêu chuẩn của một nhà máy sản xuất hiện đại, do vậy việc mở rộng sản xuất của IDI trong tương lai là khá thuận lợi. Năm 2010, nhà máy thủy sản số 1 chính thức vận hành với công suất thiết kế 600 tấn nguyên liệu/ngày. Với công suất sau khi được lắp đặt hoàn chỉnh, IDI được đánh giá là một trong những doanh nghiệp có năng lực sản xuất cá tra fillet khá lớn, có thể đáp ứng được hầu hết các đơn đặt hàng lớn của khách hàng. Đồng thời, Công ty đã hoàn thiện vùng nuôi cá tra theo tiêu chuẩn Global G.A.P, A.S.C, B.A.P gần 6ha tại xã An Thạnh Trung, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang và 10ha ở xã Tân Hòa, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp. Có thể nói là rủi ro thiếu năng lực sản xuất đáp ứng nhu cầu khách hàng đối với IDI không đáng kể.

Rủi ro thị trường tiêu thụ: IDI là một doanh nghiệp trẻ vừa gia nhập lĩnh vực xuất khẩu thủy sản của Việt Nam. Tháng 04 năm 2008, khi nhà máy thủy sản của IDI chính thức vận hành thì nền kinh tế thế giới bắt đầu bước vào giai đoạn khó khăn, nhu cầu tiêu thụ giảm vì vậy việc phát triển thị trường xuất khẩu gặp nhiều khó khăn. Tuy nhiên, bằng sự nỗ lực, cuối năm 2008, IDI đã đứng trong top 33 trong hơn 100 doanh nghiệp xuất khẩu cá tra Việt Nam với kim ngạch xuất khẩu hơn 11,4 triệu USD. Cùng với sự phục hồi của nền kinh tế, năm 2009, IDI có tên trong top 12 về xuất khẩu cá tra, sản phẩm của Công ty được cung cấp cho khoảng 60 khách hàng tại 5 khu vực lãnh thổ, đạt kim ngạch xuất khẩu gần 32,5 triệu USD. Năm 2010, IDI đã đứng ở vị trí thứ 11 trong số các doanh nghiệp xuất khẩu cá tra ở Việt Nam và có tên trong top 10 doanh nghiệp xuất khẩu cá tra đông lạnh hàng đầu của Việt Nam vào năm 2011. Trong các năm sau, Công ty liên tục đứng trong top 5 các doanh nghiệp xuất khẩu cá tra lớn nhất của Việt Nam. Sản phẩm của Công ty đã được thị trường của nhiều nước trên thế giới chấp nhận, vì vậy rủi ro thị trường tiêu thụ của IDI đến nay đã giảm đáng kể so với thời điểm đầu hoạt động.

4. Rủi ro của đợt chào bán và của dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán

Rủi ro của đợt chào bán

Đợt chào bán diễn ra trong thời điểm nền kinh tế và thị trường chứng khoán có nhiều biến động, do đó khó tránh khỏi rủi ro từ những biến động của thị trường. Ngoài ra, đợt chào bán này không được bảo lãnh phát hành nên có thể xảy ra khả năng cổ phiếu



không được chào bán hết, điều này sẽ ảnh hưởng đến kế hoạch tài trợ vốn cho các dự án và hoạt động kinh doanh của Công ty. Trong trường hợp không chào bán hết, số tiền thu về không đủ để tài trợ cho mục đích chào bán, Công ty sẽ sử dụng nguồn vốn từ phát hành trái phiếu và các nguồn huy động khác để bổ sung. Ngoài ra, Đại hội đồng cổ đông đã ủy quyền cho Hội đồng Quản trị Công ty phân phối số lượng cổ phiếu không được đặt mua hết cho các đối tượng khác với giá bán bằng với giá chào bán cho cổ đông hiện hữu.

Về kế hoạch huy động vốn để thực hiện dự án, cụ thể là dự án nhà máy chế biến thức ăn thủy sản, theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 12207/NQ-HĐQT-IDI/2014 ngày 22/7/2014, Hội đồng quản trị đã thông qua tỷ lệ chào bán thành công tối thiểu đối với dự án xây dựng nhà máy thức ăn thủy sản là 30% tổng số tiền dự kiến thu được sử dụng để đầu tư cho dự án. Chi tiết như sau:

Mục đích	Số tiền dự kiến huy động được từ đợt phát hành này (đồng)	Số tiền tối thiểu cần huy động được từ đợt chào bán này (đồng)
Xây dựng nhà máy thức ăn thủy sản công suất 120.000 tấn/ năm	150.000.000.000	45.000.000.000

Trong trường hợp, chào bán không đủ số tiền trên cho các dự án này, để đảm bảo việc thực hiện dự án, Công ty sẽ có phương án xử lý như sau:

- Sử dụng nguồn lợi nhuận sau thuế giữ lại, hoặc các nguồn khác để đảm bảo đủ nguồn vốn đối ứng 30%, phần còn lại sẽ vay ngân hàng dùng tài sản thế chấp là tài sản hình thành từ nguồn vốn vay và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp pháp, hợp lệ của Công ty IDI hoặc của bên thứ 3 để thế chấp vay vốn bổ sung cho dự án.
- Giảm vốn đầu tư của dự án, chuyển phần dự án chưa được thực hiện sang các năm tiếp theo.

Rủi ro của dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán

Dự kiến số tiền thu được từ đợt chào bán được sử dụng để tăng vốn phục vụ mục đích bổ sung vốn trung và dài hạn cho dự án nhà máy tinh luyện dầu; xây dựng nhà máy thức ăn thủy sản; đầu tư phát triển vùng nguyên liệu; và bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Theo đó, tính rủi ro được đánh giá là không cao, chủ yếu đến từ hiệu quả hoạt động của Công ty trong tương lai.

Rủi ro pha loãng

Sau khi I.D.I chào bán cổ phiếu tăng vốn điều lệ, số lượng cổ phiếu lưu hành trên thị trường của I.D.I cũng tăng lên tương ứng.

- Tổng số cổ phiếu lưu hành hiện tại: 45.600.000 cổ phiếu
- Tổng số cổ phiếu chào bán: 39.900.000 cổ phiếu

Trong đó:



Chào bán cho cổ đông hiện hữu	38.000.000 cổ phiếu
Chào bán cho cán bộ công nhân viên	1.900.000 cổ phiếu
- Tổng số cổ phiếu lưu hành sau khi chào bán:	85.500.000 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu lưu hành tăng lên sẽ dẫn đến hiện tượng cổ phiếu của I.D.I bị pha loãng. Việc pha loãng cổ phiếu có thể gây ra các ảnh hưởng sau (*chỉ tính phần pha loãng đối với việc chào bán cho cổ đông hiện hữu*):

Thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phần (EPS): có thể suy giảm do lợi nhuận sau thuế được chia cho một lượng cổ phiếu lớn hơn. Tuy nhiên điều này còn phần nào phụ thuộc vào số tiền mà I.D.I huy động được trong đợt chào bán này để bổ sung kế hoạch kinh doanh và lợi nhuận thu được từ số tiền đó.

Công thức tính

$$EPS = \frac{\text{Lãi (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ}}$$

Trong đó:

$$\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ} = \frac{X*12 + Y1*T1 + Y2*T2}{12}$$

- ✓ X: Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành trước khi phát hành
- ✓ Y1: Khối lượng cổ phiếu sau khi trả cổ tức bằng cổ phiếu
- ✓ T1: Thời gian lưu hành thực tế trong năm của cổ phiếu sau khi trả cổ tức bằng cổ phiếu (tháng)
- ✓ Y2: Khối lượng cổ phiếu phát hành thêm
- ✓ T2: Thời gian lưu hành thực tế trong năm của cổ phiếu phát hành thêm (tháng)

I.D.I đã hoàn thành việc trả cổ tức bằng cổ phiếu vào ngày 31/07/2014. Giả sử, ngày hoàn tất đợt chào bán này của I.D.I là 30/09/2014. Khi đó:

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ sau khi trả cổ tức bằng cổ phiếu	=	$\frac{38.000.000*12 + 7.600.000*6}{12}$	=	41.800.000 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ sau khi phát hành thêm	=	$\frac{38.000.000*12 + 7.600.000*6 + 39.900.000*3}{12}$	=	51.775.000 cổ phiếu

Lợi nhuận sau thuế năm 2014 theo kế hoạch của I.D.I là 142.051.400.826 đồng.

Khi đó:

$$EPS \text{ năm 2014 (dự kiến) trước khi pha loãng} = \frac{142.051.400.826}{38.000.000} = 3.738 \text{ đồng/cổ phần}$$



EPS năm 2014 (dự kiến) sau khi pha loãng do trả cổ tức bằng cổ phiếu	=	$\frac{142.051.400.826}{41.800.000}$	=	3.398 đồng/cổ phần
EPS năm 2014 (dự kiến) sau khi pha loãng do phát hành thêm	=	$\frac{142.051.400.826}{51.775.000}$	=	2.744 đồng/cổ phần

Sau khi chào bán, EPS năm 2014 của I.D.I bị giảm 19,25% so với trước khi chào bán.

Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần (BV)

Công thức tính:

$$\text{Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Khối lượng cổ phiếu đã phát hành - Cổ phiếu quỹ}}$$

Tại thời điểm 31/12/2013, giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I là 15.198 đồng/cổ phần. Tại thời điểm kết thúc đợt chào bán, nếu tốc độ tăng vốn chủ sở hữu thấp hơn tốc độ tăng số lượng cổ phần sau đợt phát hành thì giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần sẽ giảm.

Giá trị thị trường của cổ phiếu I.D.I

Tại thời điểm chốt danh sách quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, giá thị trường của cổ phiếu IDI sẽ được điều chỉnh theo công thức sau:

$$P_{pl} = \frac{P_t + P_{r1} * I_1}{1 + I_1}$$

$$= \frac{16.000 + [10.000 * (5/6)]}{1 + 5/6} = 13.272 \text{ đồng/cổ phần}$$

Trong đó:

- ✓ Ppl: là giá cổ phiếu pha loãng;
- ✓ Pt: 16.000 đồng/cổ phần (Giá giá định ngày chốt danh sách để thực hiện quyền);
- ✓ Pr1: 10.000 đồng/cổ phần (Giá phát hành đối với quyền mua cổ phiếu)
- ✓ I1: 5/6 (Tỷ lệ tăng vốn này được tính trong trường hợp thực hiện quyền mua thêm đối với cổ đông hiện hữu với số lượng dự kiến phát hành: được tính = 38.000.000 cổ phần phát hành thêm quyền mua cho cổ đông hiện hữu/45.600.000 cổ phần đang lưu hành).

Tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết



Tỷ lệ nắm giữ cũng như quyền biểu quyết của cổ đông sẽ bị giảm một tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ mà cổ đông từ chối quyền mua trong đợt phát hành này (so với thời điểm trước ngày chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm mà cổ đông có).

Các rủi ro từ việc pha loãng cổ phiếu nêu trên không phải bao giờ cũng xảy ra đồng thời và chúng cũng không liên hệ trực tiếp với nhau. Tuy nhiên, những rủi ro này ít nhiều cũng sẽ có những tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến lợi ích của những nhà đầu tư sở hữu cổ phiếu của I.D.I, vì vậy nhà đầu tư cần có những đánh giá cẩn trọng về vấn đề này.

5. Rủi ro khác

Giá cổ phiếu của Công ty không thể không tránh khỏi những biến động chung của thị trường chứng khoán Việt Nam và thị trường chứng khoán thế giới. Đặc biệt khi cổ phiếu đã được niêm yết, các yếu tố trên càng trở nên khá nhạy cảm và ảnh hưởng trực tiếp đến giá giao dịch cổ phiếu của Công ty.

Bên cạnh đó, hoạt động kinh doanh của Công ty có thể chịu ảnh hưởng bởi những rủi ro khác như rủi ro do thiên tai, sự ảnh hưởng những biến động chính trị, xã hội trên thế giới, chiến tranh... Nếu xảy ra, những rủi ro đó sẽ có thể gây thiệt hại về con người, tài sản của Công ty hoặc làm cho số lượng khách hàng của Công ty bị giảm sút và các thị trường tiềm năng có thể mất ổn định. Những rủi ro này dù ít hay nhiều cũng sẽ có những tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.



II. Những người chịu trách nhiệm đối với nội dung bản cáo bạch

1. Tổ chức phát hành

Ông Lê Thanh Thuận	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Lê Văn Chung	Tổng Giám đốc
Ông Trương Công Khánh	Giám đốc tài chính
Ông Lê Xuân Định	Kế toán trưởng

Chúng tôi bảo đảm rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế về tài sản, tình hình, kết quả và triển vọng kinh doanh của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I.

2. Tổ chức tư vấn

Đại diện tổ chức tư vấn:	Ông Trần Hải Hà
Chức vụ:	Tổng Giám đốc, Đại diện của Công ty Cổ phần Chứng khoán MB (<i>sau đây gọi tắt là Công ty Chứng khoán MB</i>)

Bản cáo bạch này là một phần của Hồ sơ chào bán cổ phiếu ra công chúng do Công ty Chứng khoán MB tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I. Chúng tôi bảo đảm rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I cung cấp.



III. Các khái niệm

Trong Bản cáo bạch này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- Tổ chức chào bán: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I
- Công ty kiểm toán: Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn tài chính Kế toán và Kiểm toán phía Nam (AASCs) là công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2012, 2013 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I.
- Bản cáo bạch: Bản công bố thông tin của Công ty về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh nhằm cung cấp thông tin cho nhà đầu tư đánh giá và đưa ra các quyết định đầu tư chứng khoán.
- Điều lệ: Điều lệ của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I thông qua.
- Vốn điều lệ: Là số vốn do tất cả các cổ đông góp và được ghi vào Điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I.
- Cổ phần: Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau.
- Cổ phiếu: Chứng chỉ do Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I phát hành xác nhận quyền sở hữu của một hoặc một số cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I.
- Người có liên quan: Cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây:
- Công ty mẹ và công ty con (nếu có).
 - Công ty và người hoặc nhóm người có khả năng chi phối việc ra quyết định, hoạt động của công ty đó thông qua các cơ quan quản lý công ty.
 - Công ty và những người quản lý công ty.
 - Nhóm người thỏa thuận cùng phối hợp để thu tóm phần vốn góp, cổ phần hoặc lợi ích ở công ty hoặc để chi phối việc ra quyết định của Công ty.
 - Bố, bố nuôi, mẹ, mẹ nuôi, vợ, chồng, con, con nuôi, anh, chị em ruột của người quản lý công ty, thành viên công ty, cổ đông có cổ phần chi phối.

Ngoài ra, những thuật ngữ khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006 của Quốc hội, Luật Chứng khoán sửa đổi số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010 và Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 của Chính phủ, có hiệu lực từ ngày 15/09/2012 và các văn bản pháp luật khác có liên quan.



Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản cáo bạch này có nội dung như sau:

BCTC:	Báo cáo tài chính
BDS:	Bất động sản
BKS:	Ban kiểm soát
CBNV:	Cán bộ nhân viên
Công ty/ IDI:	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I
CP:	Cổ phần
DTT:	Doanh thu thuần
ĐHĐCĐ:	Đại hội đồng cổ đông
ĐKKD:	Đăng ký kinh doanh
HĐ:	Hợp đồng
HĐQT:	Hội đồng quản trị
HSX:	Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
LN:	Lợi nhuận
LNTT:	Lợi nhuận trước thuế
PR:	Công tác truyền thông và quan hệ công chúng
Thuế TNDN:	Thuế thu nhập doanh nghiệp
TNCN:	(thuế) Thu nhập cá nhân
TNDN:	(thuế) Thu nhập Doanh nghiệp
TNHH:	Trách nhiệm hữu hạn
TSCĐ:	Tài sản cố định
UBCKNN:	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
UBND:	Ủy ban nhân dân
USD:	Đô la Mỹ
VĐL:	Vốn điều lệ
VND:	Đồng Việt Nam
VSD:	Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam



IV. Tình hình và đặc điểm của tổ chức chào bán

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1 Một số thông tin cơ bản về Công ty

Tên Công ty:	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I
Tên giao dịch:	International Development and Investment Corporation
Tên viết tắt:	I.D.I
Địa chỉ:	Quốc lộ 80, cụm công nghiệp Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, huyện Lập Vò, tỉnh Đồng Tháp
Điện thoại:	067 3680383
Fax:	067 3680 382
Website:	http://www.idiseafood.com
Logo Công ty:	

Giấy chứng nhận ĐKKD: Số 4103001715 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 15/07/2003 và Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp thay đổi lần thứ 12 số 0303141296 ngày 20/8/2014

Vốn điều lệ đăng ký: 456.000.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi sáu tỷ đồng)

Vốn điều lệ thực góp: 456.000.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi sáu tỷ đồng)

Lĩnh vực kinh doanh:

- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông. Kinh doanh nhà. Kinh doanh khách sạn.
- Mua bán vật liệu xây dựng, trang trí nội thất.
- Mua bán, chế biến thủy hải sản. Nuôi trồng thủy sản. Sản xuất và chế biến thức ăn thủy sản.
- Kinh doanh bất động sản (không bao gồm kinh doanh dịch vụ bất động sản).
- Sản xuất bao bì nhựa - giấy, nước đóng chai.
- Sản xuất và đóng hộp dầu, mỡ động vật.
- Sản xuất truyền tải và phân phối điện. Khai thác đá, cát sỏi, đất sét.
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Bốc xếp hàng hóa cảng biển. Vận tải hàng hóa bằng đường bộ bằng ô tô chuyên dụng; đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới.
- Nuôi trồng, chế biến cá tra fillet đông lạnh xuất khẩu.
- Kinh doanh bất động sản.

1.2 Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I, tên gọi tắt là công ty IDI, được thành lập năm 2003, là một trong những doanh nghiệp do Công ty Cổ phần Đầu tư & Xây dựng Sao Mai tỉnh An Giang thành lập, theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103001715 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15/07/2003 và được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp thay đổi lần thứ 12 số 0303141296 ngày 20/8/2014.

Hoạt động chính của IDI liên quan chủ yếu đến việc đầu tư và kinh doanh Cụm công nghiệp Vàm Cống tại huyện Lấp Vò tỉnh Đồng Tháp cũng như đầu tư sản xuất kinh doanh các nhà máy nằm trong Cụm công nghiệp này, thuộc chuỗi giá trị nuôi trồng - chế biến - xuất khẩu cá tra và các sản phẩm phụ, sản phẩm giá trị gia tăng của cá tra. IDI được xem là một trong những công ty chế biến xuất khẩu cá tra lớn nhất của Việt Nam và là nhà cung cấp sản phẩm cá tra có uy tín trên thị trường thế giới. Bên cạnh đó, IDI còn tham gia vào lĩnh vực đầu tư kinh doanh bất động sản, chế biến bột cá mỡ cá, tinh luyện dầu ăn từ mỡ cá tra.

Quá trình phát triển của Công ty

- Năm 2003, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I được thành lập với tổng số vốn ban đầu là 29 tỷ đồng. Trong giai đoạn này, hầu hết Ban lãnh đạo và điều hành của IDI là những cán bộ chủ chốt của Công ty CP Đầu tư & Xây dựng Sao Mai tỉnh An Giang.
- Năm 2005, IDI khởi động dự án Cụm Công nghiệp Vàm Cống qui mô gần 23ha tại huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.
- Năm 2006, Công ty bắt đầu chi trả đền bù cho khu tái định cư và Cụm Công nghiệp Vàm Cống giai đoạn 1. Đồng thời, Công ty cũng khởi công xây dựng hạ tầng khu tái định cư và Cụm Công nghiệp giai đoạn 1.
- Năm 2007, IDI chính thức khởi công xây dựng nhà máy chế biến thủy sản đông lạnh số 1 và các hạng mục phụ trợ khác. Đây cũng là nhà máy đầu tiên trong Cụm Công nghiệp Vàm Cống được xây dựng. Bên cạnh đó, IDI tiếp tục chi trả tiền đền bù cho phần còn lại của Cụm Công nghiệp Vàm Cống và khởi động dự án vùng nuôi cá tra nguyên liệu của Công ty. Ngoài ra, IDI còn tham gia vào việc đầu tư các dự án bất động sản của Sao Mai.
- Năm 2008, Công ty hoàn thành xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị giai đoạn 1 và 2 của nhà máy chế biến thủy sản đông lạnh số 1 đạt công suất thiết kế 300 tấn nguyên liệu/ngày và kho lạnh có sức chứa 4.600 tấn đi vào hoạt động, chính thức ghi tên IDI vào danh sách các doanh nghiệp xuất khẩu cá tra của Việt Nam. Đồng thời, Công ty cũng tiếp tục khởi công xây dựng nhà máy chế biến phụ phẩm giai đoạn 1.
- Năm 2009, IDI tiếp tục đầu tư máy móc thiết bị giai đoạn 3 của nhà máy chế biến thủy sản đông lạnh số 1 để tiến tới đạt công suất thiết kế 600 tấn nguyên liệu/ngày và hoàn thiện nhà máy chế biến phụ phẩm giai đoạn 1 đi vào sản xuất kinh doanh.
- Năm 2010, chính thức vận hành nhà máy chế biến thủy sản đông lạnh số 1 đạt công suất thiết kế 600 tấn nguyên liệu/ngày. Dự án đầu tư Khu Trung tâm Thương mại huyện Lấp Vò thuộc tỉnh Đồng Tháp được tiến hành bồi thường giải phóng mặt



bằng trên 50 tỷ đồng với qui mô đất đai 17,37 ha, qui mô quy hoạch 14,73 ha, tổng vốn đầu tư dự kiến 147 tỷ đồng.

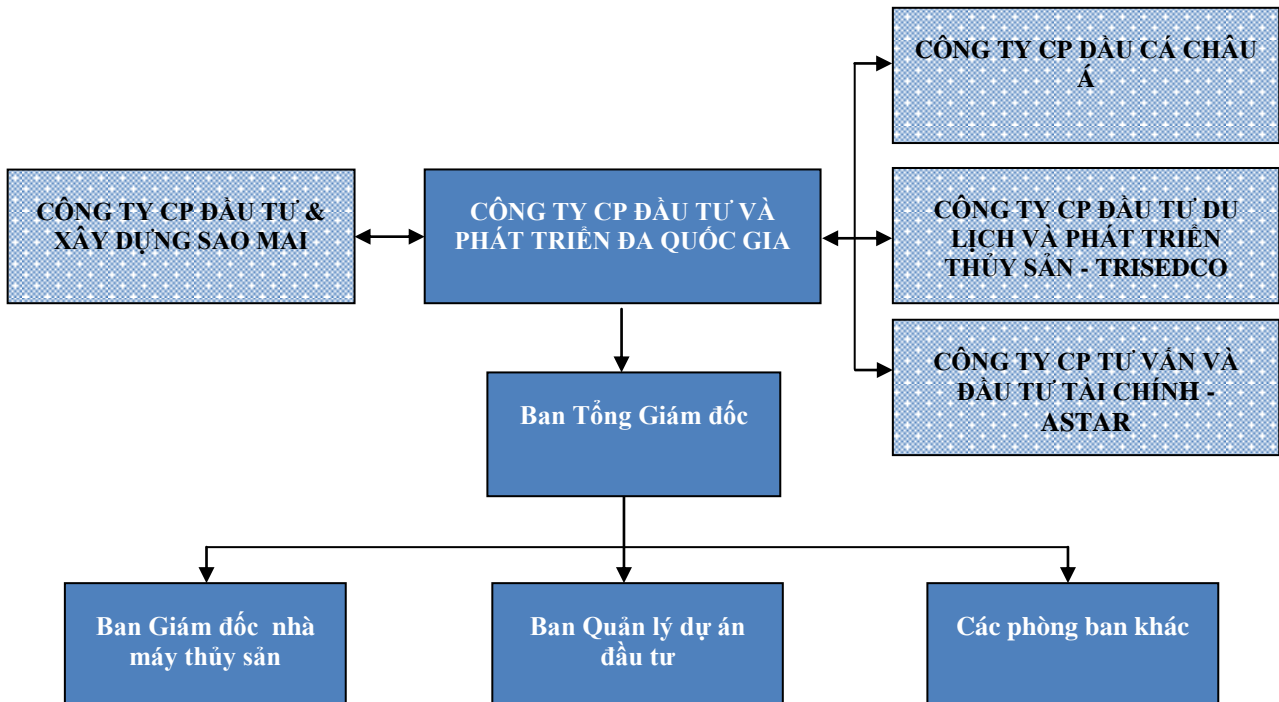
- Năm 2011, khởi công dự án Nhà máy Tinh luyện dầu cá có công suất thiết kế 100 tấn dầu cá thô/ngày với tổng vốn đầu tư khoảng 300 tỷ đồng, tổng diện tích sử dụng 10.600m². Hoàn thiện vùng nuôi cá tra theo tiêu chuẩn Global G.A.P, A.S.C, B.A.P gần 6 ha tại xã An Thạnh Trung, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang và 10ha ở xã Tân Hòa, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp
- Năm 2012, đầu tư hoàn thành nhà máy tinh luyện dầu cá công suất giai đoạn I 100 tấn/ nguyên liệu/ ngày. Dự án Khu Trung tâm Thương mại huyện Lấp Vò đã san lấp xong mặt bằng để thi công cơ sở hạ tầng.
- Năm 2013, nhà máy tinh luyện dầu cá công suất giai đoạn I 100 tấn/ nguyên liệu/ ngày đi vào hoạt động.

Với những đóng góp và thành quả đạt được, IDI hiện đã có tên trong top 5 doanh nghiệp xuất khẩu cá tra đông lạnh hàng đầu của Việt Nam và vinh dự nhận nhiều giải thưởng như:

- Tháng 10 năm 2009: UBND tỉnh Đồng Tháp tặng bằng khen về việc đã có thành tích xuất sắc góp phần phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.
- Tháng 01 năm 2010: Công ty được Hội nghề cá Việt Nam trao giải thưởng “Danh hiệu chất lượng vàng thủy sản Việt Nam năm 2009” và được Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tặng bằng khen là một trong 10 doanh nghiệp xuất sắc nhất nhận giải thưởng “Danh hiệu chất lượng vàng thủy sản Việt Nam năm 2009”.
- Tháng 03 năm 2010: Công ty được Đảng ủy Khối Doanh nghiệp thuộc Đảng bộ tỉnh An Giang khen tặng Chi bộ Thủy sản IDI đạt tiêu chuẩn cơ sở “Trong sạch, vững mạnh” tiêu biểu 3 năm liền.
- Tháng 04 năm 2010: UBND tỉnh Đồng Tháp tặng bằng khen về việc đã hoàn thành xuất sắc nghĩa vụ nộp thuế năm 2009.
- Tháng 11 năm 2010: UBND huyện Lấp Vò khen tặng có thành tích đóng góp về cơ sở vật chất cho phong trào thể dục thể thao của huyện.
- Ngày 10/01/2012: Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn tặng bằng khen do có thành tích xuất sắc tiêu biểu trong số các đơn vị đạt danh hiệu “Chất lượng vàng thủy sản Việt Nam” lần thứ hai – Năm 2012.
- Ngày 22/02/2012: Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB) trân trọng vinh danh IDI là khách hàng vàng của SHB năm 2011.
- Ngày 30/01/2013: UBND tỉnh Đồng Tháp tặng bằng khen cán bộ công nhân viên Công ty IDI đã có thành tích xuất sắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh và đóng góp an sinh xã hội trên địa bàn huyện Lấp Vò năm 2012.

2. Cơ cấu tổ chức Công ty

Hình 3: Sơ đồ tổ chức của Công ty



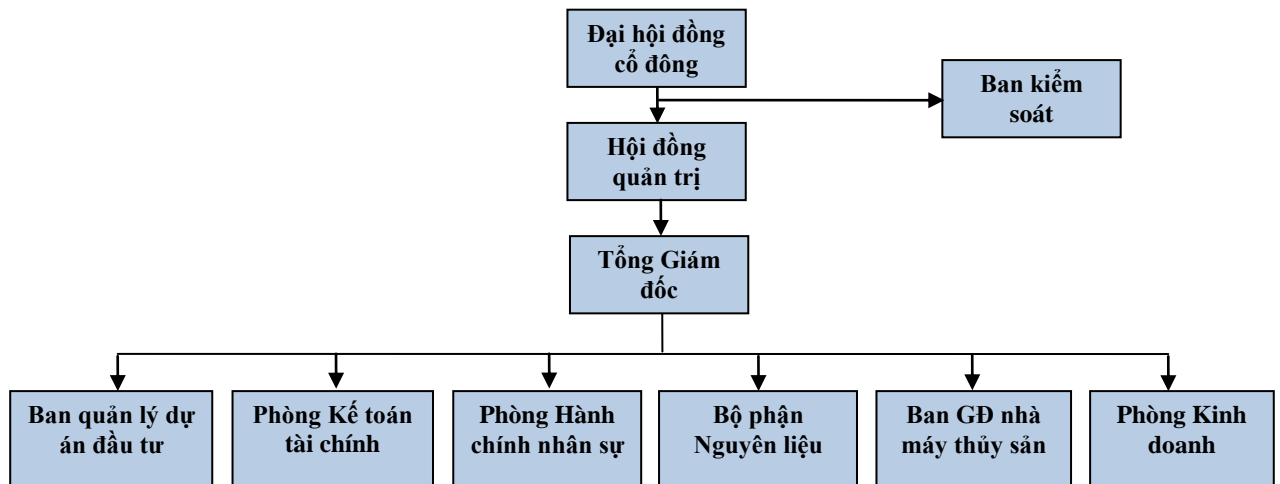
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I là doanh nghiệp hoạt động trong ngành xuất khẩu thủy sản, được Công ty Cổ phần Đầu tư & Xây dựng Sao Mai tỉnh An Giang cùng một số cổ đông khác góp vốn thành lập vào năm 2003. Hiện tại, Công ty Cổ phần Đầu tư & Xây dựng Sao Mai tỉnh An Giang nắm giữ 22,54% vốn điều lệ của IDI.
- Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản – Trisedco là doanh nghiệp do Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây Dựng Sao Mai tỉnh An Giang cùng các cổ đông khác góp vốn thành lập vào năm 2008. Chức năng của đơn vị này là thu mua toàn bộ phụ phẩm từ khâu sản xuất cá tra fillet xuất khẩu của IDI để chế biến thành các sản phẩm có giá trị như bao tử cá, bột cá, mỡ thô, phân bón lá, dầu ăn. Hiện tại, IDI nắm giữ 45,33% vốn của Trisedco.
- Công ty Cổ phần Dầu cá Châu Á (đổi tên từ Công ty Đầu tư Địa ốc và Khoáng sản châu Á- AIM) được thành lập năm 2010 với với số vốn điều lệ là 120 tỷ đồng. Hiện tại, IDI góp 21.319.000.000 đồng, tương đương 20% vốn điều lệ của AIM.
- Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư tài chính – ASTAR thành lập năm 2000 với ngành nghề kinh doanh chính là hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; nuôi trồng thủy sản nội địa; khai thác quặng kim loại và khai khoáng khác. Vốn điều lệ của ASTAR là 120 tỷ đồng. Hiện IDI nắm giữ 25% vốn điều lệ của ASTAR.
- Toàn bộ hoạt động của IDI do Ban Điều hành trực tiếp điều hành. Dưới Ban Điều hành là Ban Giám đốc nhà máy thủy sản, Ban quản lý dự án đầu tư và các Phòng Ban khác trong Công ty.

3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

Hiện tại, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I đang áp dụng theo mô hình tổ chức của Công ty Cổ phần. Mô hình quản trị này được xây dựng dựa trên mục tiêu phát triển chiến lược kinh doanh của Công ty, tuân thủ theo các quy định của Pháp luật Việt Nam và các quy định tại Điều lệ Công ty.

Qua quá trình phát triển và ngày càng kiện toàn bộ máy quản lý, hiện bộ máy quản lý của Công ty có cơ cấu tổ chức như sau:

Hình 4: Sơ đồ bộ máy quản lý của Công ty



Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, có thẩm quyền quyết định các vấn đề:

- Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm;
- Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần;
- Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;
- Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- Phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm giám đốc điều hành;
- Bổ sung và sửa đổi điều lệ Công ty;
- Các thẩm quyền khác theo Điều lệ Công ty.

Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị được Đại hội đồng cổ đông bầu ra gồm 08 thành viên với nhiệm kỳ là 05 năm, có toàn quyền nhân danh Công ty quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông như chịu trách nhiệm xây dựng các kế hoạch sản xuất kinh doanh mang tính chiến lược tổng quát và đảm bảo các kế hoạch được thực hiện thông qua Ban Tổng Giám đốc.

Ban Kiểm soát

Là bộ phận quản trị với nhiệm vụ thay mặt Đại hội đồng cổ đông tổ chức kiểm tra, giám sát tính hợp lý, hợp pháp trong quá trình điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh



của HĐQT và Ban điều hành cũng như trong ghi chép sổ sách kế toán và tài chính của Công ty.

Ban Tổng Giám đốc

Ban Giám đốc của IDI có 06 thành viên gồm 01 Tổng Giám đốc và 03 Phó Tổng Giám đốc, 01 Giám đốc tài chính và 01 Kế toán trưởng do HĐQT bổ nhiệm. Là cơ quan tổ chức điều hành, quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo các mục tiêu và kế hoạch mà HĐQT, ĐHCĐ đã thông qua.

Tổng Giám đốc là người chịu trách nhiệm chính và duy nhất trước HĐQT về tất cả các hoạt động kinh doanh của Công ty

Để điều hành có hiệu quả, Tổng Giám đốc Công ty sẽ căn cứ vào khả năng chuyên môn và năng lực quản lý của từng thành viên trong Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc ủy quyền một số quyền hạn nhất định.

Các phòng, ban khác:

▪ **Phòng Kế toán tài chính**

- Tham mưu và trực tiếp hỗ trợ Tổng Giám đốc trong các hoạt động tài chính, quản lý tài sản và các dự án đầu tư của IDI.
- Tham mưu cho Tổng Giám đốc về việc điều hành, quản lý các hoạt động kinh doanh, tính toán nguồn vốn cho các hoạt động kinh tế.
- Đảm bảo việc hạch toán sổ sách của IDI theo các chuẩn mực kế toán hiện hành, phối hợp thực hiện quyết toán và thanh lý các hợp đồng kinh tế của Công ty với khách hàng.
- Phân tích và kiểm soát hiệu quả của việc sử dụng vốn đầu tư. Phối hợp các phòng ban giải quyết công nợ khách hàng.

▪ **Phòng Hành chính nhân sự**

- Phụ trách các hoạt động về lễ tân, tiếp khách của IDI.
- Quản lý và lưu hồ sơ Công ty.
- Chịu trách nhiệm về hoạt động quản lý, tuyển dụng và đào tạo nhân sự.

▪ **Bộ phận Nguyên liệu**

- Thực hiện việc quản lý, phát triển vùng nguyên liệu nhằm đảm bảo đáp ứng đầy đủ nhu cầu nguyên liệu phục vụ sản xuất.
- Thực hiện triển khai xây dựng vùng nguyên liệu tự chủ theo kế hoạch.

▪ **Ban Giám đốc nhà máy thủy sản**

- Quản lý điều hành toàn bộ hoạt động nhà máy thủy sản. Ban Giám đốc nhà máy hiện có 4 cán bộ nhân viên.

▪ **Phòng kinh doanh**

- Phụ trách quản lý, triển khai, phát triển hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Chịu trách nhiệm xây dựng phương án kinh doanh có hiệu quả, các kế hoạch



marketing, phối hợp với các phòng ban khác nhằm triển khai các phương án mở rộng thị trường.

- Liên hệ và tiếp xúc trực tiếp với khách hàng nước ngoài trong hoạt động xuất nhập khẩu.

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông tại thời điểm ngày 15/07/2014.

4.1 Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty tại thời điểm ngày 15/07/2014

Bảng 1: Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty

TT	Tên cổ đông	Số ĐKKD/ CMND	Địa chỉ	Số cổ phần nắm giữ (cổ phần)	Tỷ lệ / VDL (%)
1	Lê Thanh Thuấn	350006170	326 Hùng Vương, TP.Long Xuyên, tỉnh An Giang	5.912.540	12,97
2	Công ty CP Đầu tư và Xây Dựng Sao Mai tỉnh An Giang <i>(Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Thanh Thuấn)</i>	1600169024	326 Hùng Vương, TP.Long Xuyên, tỉnh An Giang	10.279.774	22,54
3	Công ty CP Chứng khoán MB <i>(Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Hải Hà)</i>	116/GP- UBCK	Tầng M-3-7, Tòa nhà MB, Số 3 Liễu Giai, Phường Cống Vị, Ba Đình, Hà Nội	6.667.644	14,62
	Tổng cộng			22.859.958	50,13

Nguồn: Danh sách cổ đông của I.D.I do VSD chốt tại ngày 15/07/2014

4.2 Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ nắm giữ tại thời điểm ngày 15/07/2014

Bảng 2: Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ nắm giữ tại thời điểm ngày 15/07/2014

TT	Tên cổ đông	Số ĐKKD/CM ND	Địa chỉ	Số cổ phần nắm giữ (cổ phần)	Tỷ lệ / VDL (%)
1	Lê Thanh Thuấn	350006170	326 Hùng Vương, TP.Long Xuyên, An Giang	5.912.540	12,97
2	Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Sao Mai tỉnh An Giang <i>Đại diện theo Pháp luật:</i>	1600169024	326 Hùng Vương, TP.Long Xuyên, An Giang	10.279.774	22,54



TT	Tên cổ đông	Số ĐKKD/CMND	Địa chỉ	Số cổ phần nắm giữ (cổ phần)	Tỷ lệ / VDL (%)
	Ông Lê Thanh Thuận				
3	Nguyễn Văn Hưng	351139667	49/30, Khúc Thừa Dụ, TP. Long Xuyên	580.176	1,27
4	Lê Văn Chung	351393479	72 Trần Nhật Duật, TP.Long Xuyên	530.608	1,16
5	Lê Xuân Quế	233088390	647B/33, Trần Hưng Đạo, Long Xuyên	452.112	0,99
6	Trương Vĩnh Thành	352244166	83E1, khu Sao Mai Bình Khánh 3, TP. Long Xuyên	17.640	0,04
7	Lê Văn Cảnh	35272634	P.Bình Khánh – TP Long Xuyên	7.680	0,02
8	Phạm Đình Nam	351333247	72 Trần Nhật Duật, TP.Long Xuyên	184.200	0,40
9	Trần Văn Cừ	351700797	83E1, khu Sao Mai Bình Khánh 3, TP. Long Xuyên	924.060	2,03
10	Lê Xuân Quang	172345460	Xuân Thịnh, Triệu Sơn, Thanh Hóa	-	0,00
11	Phan Văn Đạt	350038725	544B, Hà Hoàng Hồ, TP. Long Xuyên	36.000	0,08
12	Lê Văn Thông	172321457	01 Trương Định, TP.Long Xuyên	14.400	0,03
13	Lê Văn Thành	351400599	706B Hà Hoàng Hồ, TP.Long Xuyên	7.422	0,02
14	Lê Văn Thủy	351627326	645/33 Trần Hưng Đạo, TP.Long Xuyên	101.250	0,22
15	Lê Khắc Tám	350791747	219 Nguyễn Trường Tộ, TP.Long Xuyên	120.000	0,26
	Tổng cộng			19.167.862	42,03

Nguồn: Danh sách cổ đông của I.D.I do VSD chốt tại ngày 15/07/2014.

Ghi chú: Các cổ phiếu của cổ đông sáng lập chuyển nhượng có điều kiện trong vòng 03 năm kể từ ngày Công ty thành lập (ngày 15/7/2003) theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, số lượng cổ phần của cổ đông sáng lập đã hết thời gian hạn chế chuyển nhượng.

4.3 Cơ cấu cổ đông tại thời điểm ngày 15/07/2014

Bảng 3: Cơ cấu cổ đông tại thời điểm ngày 15/07/2014.

STT	Cổ đông	Số lượng (người)	Số cổ phần (cổ phần)	Giá trị theo mệnh giá (VND)	Tỷ lệ (%)
I	Cổ đông trong nước	1.242	45.443.976	454.439.760.000	99,66
1	Cổ đông tổ chức	06	17.492.208	174.922.080.000	38,36
	Trong đó: Nhà nước	0	0	0	0
2	Cổ đông cá nhân	1.236	27.951.768	279.517.680.000	61,30
II	Cổ đông nước ngoài	05	156.024	1.560.240.000	0,34
1	Cổ đông tổ chức	02	136.812	1.368.120.000	0,30
2	Cổ đông cá nhân	03	19.212	192.120.000	0,04
	Tổng cộng	1.247	45.600.000	456.000.000.000	100%

Nguồn: Danh sách cổ đông của I.D.I do VSD chốt tại ngày 15/07/2014.

5. Danh sách công ty mẹ và Công ty con của Tổ chức chào bán, những công ty mà Tổ chức chào bán đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức chào bán.

- Công ty mẹ của Công ty: Không có
- Công ty mà tổ chức chào bán đang nắm giữ quyền kiểm soát/cổ phần chi phối: Không có
- Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức chào bán: Không có
- Công ty liên kết:

- Công ty Cổ phần Đầu tư du lịch và Phát triển Thủy sản – Trisedco

Địa chỉ: Quốc lộ 80, cụm Công nghiệp Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: Số 5203000095 ngày 15/3/2008, thay đổi lần thứ 10 ngày 23/9/2013 theo Giấy CNĐKDN CTCP số 1600895650.

Ngành nghề kinh doanh: Mua bán thủy sản và sản phẩm thủy sản đã qua chế biến; Nuôi trồng thủy sản nội địa; Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản; Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản, bán buôn thực phẩm; Sản xuất dầu, mỡ động thực vật

Vốn điều lệ: 150.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm năm mươi tỷ đồng)

Vốn góp của IDI: 68.000.000.000 đồng, tương đương 45,33% vốn điều lệ.

- Công ty Cổ phần Dầu cá châu Á (đổi tên từ Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc và Khoáng sản châu Á – AIM)

Địa chỉ: ấp An Thạnh, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp



Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp CTCP số 1401274641 ngày 2/7/2010, thay đổi lần thứ 05 ngày 26/11/2013

Ngành nghề kinh doanh: Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Xây dựng công trình dân dụng; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê

Vốn điều lệ: 120.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm hai mươi tỷ đồng*)

Vốn góp của IDI: 21.319.000.000 đồng, tương đương 20% vốn điều lệ

- Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư tài chính - ASTAR

Địa chỉ: 326 Hùng Vương, phường Mỹ Long, TP.Long Xuyên, An Giang

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp CTCP số 1600583700 ngày 12/10/2000, thay đổi lần thứ 09 ngày 14/07/2011

Ngành nghề kinh doanh: Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; Nuôi trồng thủy sản nội địa; Khai thác quặng kim loại và khai khoáng khác.

Vốn điều lệ: 120.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm hai mươi tỷ đồng*)

Vốn góp của IDI: 32.890.000.000 đồng, tương đương 33,33% vốn điều lệ

6. Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Công ty

Kể từ khi thành lập, I.D.I đã trải qua bốn (04) lần tăng vốn. Cụ thể:

▪ **Lần 1: Tăng vốn điều lệ từ 29.000.000.000 đồng lên 47.940.000.000 đồng**

- Thời gian thực hiện: Tháng 2 năm 2007

- Hình thức phát hành: Kết nạp thêm cổ đông mới là Công ty CP Đầu tư & Xây dựng Sao Mai tỉnh An Giang và chuyển nhượng cổ phần giữa các cổ đông sáng lập trong công ty

- Số lượng phát hành: 18.940.000 cổ phần

Cơ sở pháp lý:

- *Nghị quyết ĐHĐCĐ số 027/NQ-ĐHĐCĐ ngày 09/02/2007*

▪ **Lần 2: Tăng vốn điều lệ từ 47.940.000.000 đồng lên 91.474.000.000 đồng**

- Thời gian thực hiện: Tháng 8 năm 2007

- Hình thức phát hành: Chào bán riêng lẻ cho 46 nhà đầu tư, trong đó:

+ 08 cổ đông sáng lập góp thêm 14.274.000.000 đồng

+ 38 cổ đông mới với số vốn góp là 29.260.000.000 đồng

- Số lượng phát hành: 43.534.000 cổ phần

Cơ sở pháp lý:

- *Nghị quyết ĐHĐCĐ số 028/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12/08/2007*

▪ **Lần 3: Tăng vốn điều lệ từ 91.474.000.000 đồng lên 228.107.040.000 đồng**

- Thời gian thực hiện: Tháng 2 năm 2008 đến tháng 6 năm 2008



- Hình thức phát hành: Chào bán ra công chúng cho 461 nhà đầu tư
- Số lượng phát hành: 136.633.040 cổ phần

Cơ sở pháp lý:

- *Nghị quyết ĐHĐCĐ số 068/07-IDI ngày 18/09/2007;*
- *Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu ra công chúng ngày 30/06/2008.*

▪ **Lần 4: Tăng vốn điều lệ từ 228.107.040.000 đồng lên 380.000.000.000 đồng**

- Thời gian thực hiện: Tháng 7 - 8 năm 2010
- Hình thức phát hành: Chào bán riêng lẻ, trong đó:
 - + Các cổ đông sáng lập góp đủ vốn theo đăng ký kinh doanh: 12 cổ đông
 - + Chào bán cho cổ đông chiến lược là Công ty Cổ phần Đầu tư & Xây dựng Sao Mai tỉnh An Giang
- Số lượng phát hành: 151.892.960 cổ phần

Cơ sở pháp lý:

- *Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 11/05/2010;*
- *Báo cáo kiểm toán của Công ty TNHH dịch vụ tư vấn tài chính và kiểm toán Phía nam (AASCS) ngày 24 tháng 8 năm 2010.*

▪ **Lần 5: Tăng vốn điều lệ từ 380.000.000.000 đồng lên 456.000.000.000 đồng**

- Thời gian thực hiện: Quý III năm 2014
- Hình thức phát hành: Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2011 và năm 2012
- Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại thời điểm chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền
- Tỷ lệ thực hiện: 5:1 (cổ đông sở hữu 5 cổ phiếu được nhận 1 cổ phiếu mới, trong đó: tỷ lệ trả cổ tức năm 2011 bằng cổ phiếu là 10,4% và tỷ lệ trả cổ tức năm 2012 bằng cổ phiếu là 9,6%)
- Số lượng phát hành: 7.600.000 cổ phần

Cơ sở pháp lý:

- *Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 ngày 9 tháng 5 năm 2014*
- *Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức ngày 22 tháng 6 năm 2014.*

7. Hoạt động kinh doanh

7.1 Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ

Các sản phẩm dịch vụ chính của Công ty gồm có:

- Cá tra xuất khẩu: Công ty cung cấp sản phẩm không xử lý phụ gia, sản phẩm đóng túi lẻ cho hệ thống nhà hàng và siêu thị, sản phẩm dưới dạng cá fillet, cá cắt khúc, cá nguyên con,...Ngoài ra, Công ty tăng cường giảm định mức sản xuất, cắt giảm chi phí và tăng cường quản lý chất lượng sản phẩm.
- Công ty đầu tư nhà máy chế biến thủy sản số 1 với công suất thiết kế 600 tấn nguyên liệu/ngày (hoạt động trong 24 giờ) trong 03 giai đoạn:
 - Giai đoạn 1: Công suất thiết kế 150 tấn nguyên liệu/ngày, hoạt động tháng 4/2008.
 - Giai đoạn 2: Công suất thiết kế 150 tấn nguyên liệu/ngày, hoạt động tháng 8/2008.
 - Giai đoạn 3: Công suất thiết kế 300 tấn nguyên liệu/ngày, hoạt động tháng 12/2010.

Hiện tại, Công ty đang khai thác 50% công suất thiết kế và đem lại doanh thu thuần xuất khẩu và nội địa trên 79 triệu USD năm 2013.

7.1.1 Giá trị dịch vụ qua các năm 2012, 2013 và 6 tháng đầu năm 2014

Bảng 4: Cơ cấu doanh thu thuần của Công ty năm 2012, 2013 và 6 tháng đầu năm 2014

TT	Diễn giải	Năm 2012		Năm 2013		% Tăng/giảm doanh thu năm 2013 so với 2012	6 tháng đầu năm 2014	
		Doanh thu (triệu VND)	Tỷ trọng (%)	Doanh thu (triệu VND)	Tỷ trọng (%)		Doanh thu (triệu VND)	Tỷ trọng (%)
1	Doanh thu thuần bán hàng hóa, thành phẩm	1.269.433	95,36%	1.716.006	95,10%	35,18%	526.471	83,79%
2	Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	52.334	3,93%	49.780	2,76%	-4,88%	1.072	0,17%
3	Doanh thu thuần từ bất động sản đầu tư	2.503	0,19%	4.853	0,27%	93,89%	100.766	16,04%
4	Doanh thu thuần từ đầu tư xây dựng hạ tầng	6.887	0,52%	-	-	-100%	-	-
5	Doanh thu từ dầu cá	-	-	33.377	1,85%		-	-
6	Doanh thu khác	-	-	397	0,02%		-	-
	Tổng cộng	1.331.157	100%	1.804.413	100%	35,55%	628.309	100%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2012, 2013 và BCTC Quý II/2014 của I.D.I

Trong cơ cấu doanh thu thuần, lĩnh vực thủy sản giữ vị trí chủ đạo, chiếm 95,10% tổng doanh thu thuần. Doanh thu từ hoạt động này năm 2013 tăng 447 tỷ đồng tương đương

tăng 35,22% so với năm 2012. Nguyên nhân là do trong năm 2013, Công ty phát triển thị trường mới tốt, đặc biệt là thị trường Trung Quốc, bên cạnh việc giữ được các thị trường truyền thống. Đồng thời, điều này cũng cho thấy được tiềm năng phát triển rất lớn của ngành nuôi cá tra tại đồng bằng sông Cửu Long.

Doanh thu thuần từ bất động sản và đầu tư xây dựng hạ tầng chiếm tỷ trọng thấp và tăng trưởng không đáng kể do năm 2013 thị trường bất động sản gặp nhiều khó khăn nên việc hoàn thành dự án Trung tâm thương mại Lấp Vò bị chậm so với kế hoạch. Ngoài ra, cơ cấu ngành của Công ty trong thời gian tới định hướng tập trung vào việc nuôi trồng chế biến cá tra xuất khẩu chứ không còn tập trung vào mảng bất động sản và đầu tư xây dựng như trước nữa.

Bảng 5: Cơ cấu lợi nhuận gộp của Công ty năm 2012, 2013 và 6 tháng đầu năm 2014

TT	Diễn giải	Năm 2012			Năm 2013			% Tăng/giảm LN gộp năm 2013 so với 2012	6 tháng đầu năm 2014		
		LN gộp (triệu VND)	Tỷ trọng (%)	LN gộp/Tổng DTT (%)	LN gộp (triệu VND)	Tỷ trọng (%)	LN gộp/Tổng DTT (%)		LN gộp (triệu VND)	Tỷ trọng (%)	LN gộp/Tổng DTT (%)
1	Lợi nhuận gộp từ bán hàng hóa, thành phẩm	15.870	101.41%	16,217%	86.964	102%	10,36%	-13%	63.214	66,46%	10,06%
2	Lợi nhuận gộp từ hoạt động cung cấp dịch vụ	(53)	-0.02%	-0,004%	(471)	0%	-0,03%	789%	(154)	-0,17%	-0,02%
3	Lợi nhuận gộp từ bất động sản đầu tư	(1.404)	-0.66%	-0,105%	1.682	1%	0,09%	-220%	32.063	33,71%	5,10%
4	Lợi nhuận gộp từ đầu tư xây dựng hạ tầng	(1.541)	-0.72%	-0,116%	-	0%	0,00%	-100%	-	-	-
5	Lợi nhuận gộp từ đầu cá	-	-	-	(4.644)	-3%	-0,26%	-	-	-	-
	Tổng cộng	212.872	100%	16%	183.531	100%	10%	-14%	95.123	100%	4,94%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2012, 2013 và BCTC Quý II/2014 của I.D.I

Cơ cấu lợi nhuận gộp của Công ty có sự thay đổi đáng kể qua các năm. Lĩnh vực thủy sản vẫn chiếm vị trí lớn nhất trong tổng cơ cấu lợi nhuận gộp của Công ty. Do điều kiện nền kinh tế khó khăn trong năm 2012 nên Công ty bị lỗ trong hoạt động cung cấp dịch vụ, bất động sản đầu tư và đầu tư xây dựng hạ tầng.

Với định hướng tập trung vào con cá tra và xây dựng nhà máy tinh luyện mỡ cá tra nên năm 2013, Công ty bắt đầu ghi nhận doanh thu từ đầu cá, tuy nhiên do mới đi vào hoạt động nên Công ty vẫn chưa có lãi từ mảng này.

Bảng 6: Cơ cấu doanh thu hoạt động tài chính

TT	Diễn giải	Năm 2012		Năm 2013		% Tăng/giảm năm 2013 so với 2012	6 tháng đầu năm 2014	
		Giá trị (triệu VND)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu VND)	Tỷ trọng (%)		Giá trị (triệu VND)	Tỷ trọng (%)
1	Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.118	11%	454	3%	-59%	1.537	48%
2	Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.035	29%	15.517	97%	411%	1.599	50%
3	Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	5.623	53%	-	-	-	-	-
4	Lãi bán hàng trả chậm	571	5%	55	0%	-90%	71	2%
5	Khác	273	3%	-	3%	-	-	-
	Doanh thu hoạt động tài chính	10.620	100%	16.026	100%	51%	3.207	100%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2012, 2013 và BCTC Quý II/2014 của I.D.I

Doanh thu hoạt động tài chính năm 2013 tăng 5,4 tỷ đồng, tương ứng tăng 51% so với năm 2012. Kết quả này chủ yếu là do trong năm tỷ giá được điều chỉnh tăng 1% nên đã góp phần làm tăng doanh thu hoạt động tài chính của Công ty.

7.1.2 Chi phí sản xuất

Bảng 7: Chi phí sản xuất kinh doanh năm 2012, 2013 và 6 tháng đầu năm 2014

TT	Chi phí sản xuất kinh doanh	Năm 2012		Năm 2013		6 tháng đầu năm 2014	
		Giá trị (triệu VND)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu VND)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu VND)	Tỷ trọng (%)
1	Giá vốn hàng bán	1.118.285	85%	1.620.882	91%	533.186	93%
2	Chi phí tài chính	76.265	6%	62.236	3%	14.708	3%
3	Chi phí bán hàng	95.103	7%	76.895	4%	19.867	3%
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	22.199	2%	20.139	1%	5.243	1%
	Tổng cộng	1.311.852	100%	1.780.152	100%	573.004	100%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2012, 2013 và Quý II/2014 của I.D.I

- Do đặc thù của ngành thủy sản nên chi phí giá vốn của IDI chiếm tỷ trọng lớn trong tổng doanh thu thuần. Tỷ trọng này ngày càng tăng qua các năm, có tốc độ tăng nhanh hơn tốc độ tăng của doanh thu. Nguyên nhân là do trong năm 2013, lượng bán tăng nhiều hơn trong khi giá bán lại giảm.
- Chi phí tài chính năm 2013 giảm 14 tỷ đồng so với năm 2012, tương đương 18,39%. Nguyên nhân là do chi phí lãi vay giảm, đặc biệt lĩnh vực xuất khẩu có ưu thế hơn khi lãi suất vay USD tương đối thấp trong khi tỷ giá USD tăng không đáng kể. Điều này đã góp phần cải thiện kết quả kinh doanh 2013 của Công ty.

- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2013 giảm lần lượt 18,2 và 2 tỷ đồng, tương đương với tỷ lệ giảm 19,15%, và 9,28% so với năm 2012. Có thể thấy, Công ty đang kiểm soát chi phí, cải tiến và thực hiện nghiêm túc các quy trình sản xuất để hạn chế các chi phí phát sinh trong quá trình sản xuất để nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

7.2 Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả cung cấp dịch vụ của tổ chức phát hành

❖ Tình hình cá tra nguyên liệu

Tình hình cá tra nguyên liệu năm 2013 có nhiều biến động, ảnh hưởng lớn đến hiệu quả vùng nuôi. Việc xác định giá cá nguyên liệu trên thị trường là vấn đề khó, cần phải xử lý thông tin kịp thời, chính xác để có thể dự báo giá cá nguyên liệu trên thị trường từng tháng, từng quý, nửa năm, đồng thời quản lý được tỷ lệ nguyên liệu giữa cá tự nuôi, cá nuôi liên kết và cá mua ngoài.

Năm 2013, nhà máy sản xuất được 49.810 tấn cá nguyên liệu với cơ cấu cá được cung cấp cho nhà máy như sau: cá tự nuôi và nuôi liên kết chiếm tỷ lệ 68,68%, tương ứng với 34.213 tấn và phần còn lại là mua ngoài với tỷ lệ 31,32%, tương ứng với 15.597 tấn. Với cơ cấu đầu vào như trên, giá thành phẩm bình quân năm 2013 là 22.602 đồng/kg, giảm so với 22.937 đồng/kg năm 2012. Cơ cấu này giúp Công ty có giá thành ổn định và tương đối thấp, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

Bảng 8: Tổng sản lượng nguyên liệu đưa vào nhà máy IDI sản xuất năm 2013

Tháng	Sản lượng cá tra nguyên liệu (kg)	Đơn giá bình quân trong tháng (đồng/kg)	Thành tiền
1	4.227.303	22.216	93.912.318.188
2	1.545.616	22.583	34.904.435.352
3	4.177.679	23.598	98.586.724.843
4	3.899.916	22.000	85.799.693.326
5	3.965.807	22.204	88.055.084.487
6	4.796.941	21.950	105.291.311.875
7	4.743.571	23.330	110.668.966.430
8	5.012.407	22.640	113.479.560.946
9	3.282.181	22.664	74.386.401.050
10	4.482.754	22.797	102.195.032.008
11	4.815.570	22.837	109.972.835.348
12	4.860.549	22.401	108.883.393.011
Tổng	49.810.294	22.602	1.126.135.756.864

- Đối với cá mua ngoài:* Đầu năm 2013, giá cá tra nguyên liệu thấp chỉ khoảng 19.500 đồng/kg, nhưng những tháng cuối năm lại tăng lên 23.000 đồng/kg. Việc giá cá biến động mạnh gây ra nhiều rủi ro cho người nuôi cá trong khi các điều kiện của người nông dân không dễ để thực hiện nuôi. Các chính sách cho vay nuôi cá bị thắt chặt, người dân thiếu vốn, trong khi giá bán bấp bênh dẫn đến tình trạng



treo ao, doanh nghiệp gặp khó khăn trong việc dự đoán tình hình nguyên liệu trong thời gian 6 - 9 tháng. Trước tình hình đó, IDI đã tạo được lòng tin của những hộ dân từ khâu tư vấn giá, đến các cam kết mua và thanh toán đúng hạn. Do đó, với hơn 30% lượng cá phải mua ngoài để phục vụ nhu cầu của nhà máy, Công ty vẫn có thể chủ động, chốt giá với người nuôi. Tuy nhiên, chất lượng cá không thể đáp ứng cho các thị trường khắt khe như Mỹ hay châu Âu.

- **Đối với cá nuôi liên kết:** Năm 2013, sản lượng cá đầu tư liên kết là 31.253 tấn cá với giá thành bình quân khoảng 21.500 - 22.000 đồng/kg. Hình thức này sẽ giúp các hộ nông dân đang gặp khó khăn về tài chính và không dự báo được giá cá trong tương lai. Các hộ nông dân lựa chọn hình thức này rất an toàn, và nhận khoản phí với giá từ 4.300 - 4.600 đồng/kg tùy từng thời điểm. Đồng thời, hình thức này tận dụng kỹ thuật cũng như kinh nghiệm của hộ nuôi, Công ty không phải bỏ ra một khoản tiền lớn để đầu tư dài hạn cho ao nuôi, giảm áp lực tài chính cho Công ty. Việc liên kết này đã hỗ trợ những đơn hàng xuất khẩu cá nhỏ mà mua ngoài không có để kịp thời phục vụ đơn hàng xuất khẩu.
- **Đối với vùng nuôi của Công ty:** Công ty có 2 vùng nuôi là An Thạnh Trung và Tân Hòa. Để đạt hiệu quả trong quá trình nuôi, mỗi vùng nuôi đều bố trí người quản lý, theo dõi, ghi chép, cấp phát thức ăn, theo dõi sử dụng thuốc, mọi thu chi của vùng nuôi đều được công khai. Hệ số thức ăn của các hầm đều dưới 1,55kg, chi phí thuốc nằm trong khoảng 380 – 405 đồng/kg cá nguyên liệu. Đây là giá thành hợp lý. Ngoài ra, hai vùng nuôi đã hình thành được quy trình nuôi, cách xử lý khi gặp dịch bệnh, cách nhận diện quá trình tăng trưởng của cá. Do đó, chỉ tiêu diện tích nuôi trồng đến năm 2014 sẽ được mở rộng và dự kiến tăng thêm khoảng 30 ha.

Để đáp ứng được đơn hàng xuất khẩu, Công ty đang thực hiện các chương trình quản lý chất lượng như sau:

- Vùng nuôi Tân Hòa đang thực hiện theo tiêu chuẩn ASC, kinh phí khoảng 600 triệu đồng. Hiện, UBND tỉnh Đồng Tháp đã thực hiện hỗ trợ 65 triệu đồng, WWS hỗ trợ 40%, phần còn lại do Proconco hỗ trợ.
- Vùng nuôi An Thạnh Trung đã được cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn Global GAP, BAP. Với tiêu chuẩn BAP đây là tiêu chuẩn áp dụng cho các lô hàng vào thị trường Mỹ.

Trong năm 2013, Công ty đã mua tổng cộng 44.808 tấn thức ăn để cung cấp cho vùng nuôi của Công ty và vùng nuôi liên kết. Trong đó, Công ty mua của Proconco là 18.662 tấn thức ăn chiếm tỷ trọng 41,65%, Công ty thức ăn Việt Thắng là 14.313 tấn thức ăn chiếm tỷ trọng 31,94%, phần còn lại chủ yếu là của Công ty thức ăn Vina. Năm 2013, giá thức ăn tương đối ổn định và các công ty có nhiều chính sách để hỗ trợ IDI. Trong năm 2014, Công ty sẽ đầu tư nhà máy và tự sản xuất thức ăn để cung cấp cho vùng nuôi của Công ty cũng như vùng nuôi liên kết, và xa hơn là bán cho các đại lý và người nông dân.

❖ **Tình hình sản xuất cá tra tại nhà máy đông lạnh**

Bảng 9: Sản lượng và định mức năm 2012, 2013 của nhà máy

Chỉ tiêu	2012	2013	% Tăng/giảm năm 2013 so với 2012
----------	------	------	----------------------------------



Sản lượng nguyên liệu (kg)	39.345.530	48.484.363	23,23%
Thành phẩm (kg)	20.891.968	25.165.611	20,46%
Công suất cuối năm (kg/ngày)	180.000	200.000	11,11%
Định mức	2,011	2,020	-0,45%

Sản lượng năm 2013 tăng thêm so với năm 2012 là 20%, tuy nhiên định mức tổng đối với cá quay phụ gia bình thường cao hơn năm 2012, vì trong năm 2013, nhà máy sản xuất cá sang Mỹ rất nhiều, lượng cá xuất khẩu sang Mỹ chiếm khoảng 25% so với cá thường. Khi sản xuất cá xuất sang Mỹ đòi hỏi chất lượng cao nên cá phải tạo hình sạch hơn, đẹp hơn.

Công suất hiện tại của nhà máy:

- + Size từ 1000gr/con trở lên: 222 tấn/ngày
- + Size từ 850 - 1000gr/con: 210 tấn/ngày
- + Size từ 750 - 850gr/con: 200 tấn/ngày
- + Size từ 700 - 750gr/con: 185 tấn/ngày
- + Size từ 650 - 700gr/con: 160 tấn/ngày
- + Size nhỏ hơn 650gr/con: 145 tấn/ngày

Ngoài phụ thuộc vào size cá, công suất nhà máy còn phụ thuộc vào quy cách hàng hóa sản xuất (làm cá đồ hoặc cá nguyên con càng nhiều thì công suất nhà máy sẽ cao hơn).

❖ **Tình hình kinh doanh**

Khối lượng và doanh thu xuất khẩu

Bảng 10: Khối lượng và doanh thu xuất khẩu năm 2013

Tháng	Khối lượng có mặt băng (tấn)	Trị giá (USD)
1	2.691,00	5.602.298
2	1.270,80	2.358.762
3	2.160,39	4.750.789
4	2.297,06	4.791.785
5	2.733,18	6.620.379
6	2.638,96	5.755.559
7	2.995,26	6.967.988
8	3.190,01	7.364.333
9	3.321,40	7.624.706
10	3.899,52	9.095.673
11	3.690,75	8.380.879
12	3.787,83	9.307.722
Tổng	35.880,22	78.620.963



Tỷ lệ các sản phẩm bán ra

Bảng 11: Tỷ lệ các sản phẩm bán ra năm 2013

Sản phẩm	Khối lượng gross (kg)	Tỷ lệ
Fillet tạo hình sạch	28.283.287	81,09%
Fillet cá đỏ	3.316.225	8,99%
Cá nguyên con	2.575.390	7,38%
Cá cắt khúc	885.318	2,54%
Tổng	34.880.220	100%

Thị trường và khách hàng mới

Năm 2013, Công ty đã xuất khẩu đến 130 khách hàng tại 5 châu lục và trong đó có các thị trường mới như Angola, Bermuda, Costa Rica, Cộng hòa Dominica, Đông Timor, Honduras, Jordani, Lybia, Nam Phi.

Bảng 12: Thị phần theo quốc gia

STT	Quốc gia	Doanh số (USD)	Tỷ trọng
1.	Mỹ	31.384.147	39,92%
2.	Brazil	11.072.084	14,08%
3.	Colombia	11.066.127	14,08%
4.	Trung Quốc	7.606.018	9,67%
5.	Mexico	4.877.611	6,20%
6.	Hong Kong	4.048.406	5,15%
7.	Ả rập Saudi	2.164.150	2,75%
8.	Angery	1.254.527	1,60%
9.	Malaysia	900.887	1,15%
10.	Tây Ban Nha	659.040	0,84%
11.	Ucraina	554.250	0,70%
12.	Ấn Độ	383.860	0,49%
13.	Philippines	318.400	0,40%
14.	New Zealand	262.900	0,33%
15.	Canada	229.058	0,29%
16.	Cộng hòa Dominica	221.520	0,28%
17.	CostaRica	192.790	0,25%
18.	Chile	176.145	0,22%
19.	Singapore	164.265	0,21%
20.	Peru	161.415	0,21%
21.	Thổ Nhĩ Kỳ	152.750	0,19%
22.	Đức	143.785	0,18%
23.	UAE	110.005	0,14%
24.	Bungary	102.288	0,13%



25.	Jordan	92.160	0,12%
26.	Hà Lan	78.169	0,10%
27.	Puerto Rico	63.000	0,08%
28.	Honduras	54.200	0,07%
29.	Bồ Đào Nha	44.775	0,06%
30.	Lybia	41.000	0,05%
31.	Bermuda	21.946	0,03%
32.	Đông Timor	19.286	0,02%
	Tổng	78.620.964	100%

Bảng 13: Thị phần theo châu lục

Châu lục	Doanh số (USD)	Tỷ trọng
Châu Mỹ	59.520.043	75,71%
Châu Á	15.807.437	20,11%
Châu Âu	1.735.057	2,21%
Châu Phi	1.295.527	1,65%
Châu Úc	262.900	0,33%
Tổng	78.620.964	100%

- Thị trường EU: tình hình kinh tế một số quốc gia khối EU đang phục hồi dần như Tây Ban Nha, Ý, Hy Lạp là tín hiệu khả quan, cá tra sẽ được hồi phục mạnh tại khu vực thị trường này.
- Thị trường Mỹ: đây là thị trường rất tiềm năng và đang đứng đầu về doanh số trong năm 2013. Đây cũng là thị trường có giá bán hấp dẫn đối với các công ty xuất khẩu cá tra. Tuy nhiên, thuế chống bán phá giá áp dụng cho cá tra của Việt Nam tại Mỹ đang rất cao. Do đó, Công ty đang tìm kiếm các thị trường mới tại Nam Mỹ.
- Thị trường Trung Quốc và Hồng Kông: Mặc dù Trung Quốc là một trong số các nước xuất khẩu thủy sản lớn trên thế giới nhưng nhu cầu nhập thủy sản cao, đặc biệt là sản phẩm cá tra, nguồn cung cấp protein giá thấp, thích hợp với mọi tầng lớp người dân. Đây là thị trường hứa hẹn cho sản phẩm thủy sản Việt Nam nói chung và cá tra nói riêng.

❖ **Tình hình các dự án đầu tư**

- *Xây dựng trại cá giống*
 Chất lượng cá giống suy giảm là một thực trạng đáng lo ngại, làm giảm hiệu quả nuôi nghiêm trọng. Nguyên nhân chính là chất lượng đàn cá bố mẹ đã bị thoái hóa, lai cận huyết, sự cạnh tranh thiếu lành mạnh giữa các cơ sở sản xuất cá bột, cho cá đẻ ép, đẻ non, đẻ nhiều lần trong năm dẫn đến nhiều hệ lụy kèm theo.



Trước những thách thức trên và với mục tiêu phát triển bền vững, Công ty nhận thấy việc cần thiết phải xây dựng một trung tâm giống hiện đại, ứng dụng công nghệ hiện đại từ việc lai tạo, phát triển những gen tốt cho cá tra giống tốt để khắc phục những nhược điểm hiện tại như rút ngắn thời gian nuôi, giảm hệ số thức ăn, nâng cao sức đề kháng cho cá,... Từ đó, sẽ giảm chi phí cho việc nuôi cá, kiểm soát giá thành trong việc nuôi, nâng cao chất lượng cá thành phẩm giúp cho sản phẩm của Công ty có chất lượng tốt, có tính cạnh tranh hơn và là một trong những chìa khóa để phát triển bền vững con cá tra Việt Nam.

▪ *Phát triển vùng nuôi cá*

Với mục tiêu khép kín về chuỗi sản xuất cá tra, bên cạnh việc đầu tư trại cá giống hiện đại, Công ty tiếp tục đầu tư phát triển vùng nuôi của mình để đảm bảo nguồn nguyên liệu cung cấp cho chuỗi sản xuất, cũng như đảm bảo chất lượng cá và kiểm soát giá thành.



Do đó, Công ty dự kiến mở rộng vùng nuôi đến năm 2017, diện tích vùng nuôi là 150 ha, đạt các tiêu chuẩn Global G.A.P, A.S.C, B.A.P. Kết hợp với hình thức nuôi liên kết, nuôi gia công với người nông dân để đảm bảo cơ cấu nguyên liệu cung cấp cho nhà máy đông lạnh đạt khoảng 75-80% so với nhu cầu. Các chính sách hỗ trợ đi kèm để giúp người nông dân gắn bó lâu dài, đồng hành cùng Công ty trên tinh thần hợp tác cả hai cùng có lợi.

▪ *Dự án nhà máy chế biến cá số 2*

Công suất thiết kế của nhà máy đông lạnh số 1 là 300 tấn nguyên liệu/ngày (hoạt động 12 giờ). Hiện tại, nhà máy hoạt động với công suất 250 tấn nguyên liệu/ngày và dự kiến sẽ đạt 300 tấn nguyên liệu/ngày vào cuối năm 2014.



Với số lượng cá thu hoạch từ vùng nuôi kết hợp với vùng nuôi liên kết và nuôi gia công ngày càng được mở rộng, việc xây dựng thêm nhà máy chế biến cá đông lạnh số 2 là tất yếu. Dự kiến nhà máy sẽ được khởi công vào năm 2016, với trang thiết bị hiện đại của châu Âu. Số vốn đầu tư ước tính khoảng 400 tỷ đồng. Dự kiến cuối năm 2018 sẽ hoàn thành và đi vào sản xuất với 25% công suất.

▪ *Dự án Nhà máy tinh luyện dầu cá:*



Tại Việt Nam, với sản phẩm cá tra nuôi mỗi năm hơn 1 triệu tấn, lượng dầu (mỡ) cá tra thô thu được ít nhất là 140.000 tấn mỗi năm. Dầu cá tra thô được kiểm nghiệm không chứa cholesterol, chứa nhiều các axit béo không no MUFA, PUFA (lớn hơn 70%) thiết yếu cho cơ thể, đặc biệt là EPA, DHA (lớn hơn 0,4%), thành phần đặc biệt quan trọng đối với não người và không thể tìm thấy trong dầu thực vật. Ngoài ra, dầu cá tra còn chứa nhiều vitamin A, D, E,... và các khoáng chất khác. Cá tra Việt Nam đạt tiêu chuẩn xuất khẩu đi các thị trường khắt khe như Mỹ, EU,... nên dầu (mỡ) cá tra cũng đạt an toàn vệ sinh thực phẩm, không nhiễm vi sinh, kháng sinh cấm, cũng như dư lượng thuốc bảo vệ thực vật. Trong khi đó, nhu cầu dầu mỡ của người tiêu dùng ngày càng cao và hướng về những sản phẩm an toàn, bổ dưỡng.

Từ những lý do trên, Công ty đã đầu tư công nghệ tinh luyện dầu cá hiện đại của Tập đoàn Desmet – Vương quốc Bỉ, duy nhất tại Việt Nam hiện nay đảm bảo cho ra sản phẩm hoàn hảo và chính thức được bán trên thị trường trong nước từ tháng 4 năm 2014. Nhà máy tinh luyện mỡ cá tra của Công ty có công suất thiết kế 200 tấn nguyên liệu/ngày. Giai đoạn 1 công suất đạt 100 tấn/ngày đã đi vào hoạt động đầu tháng 7 năm 2013, tạo ra 97 tấn thành phẩm mỗi ngày, cung cấp ra thị trường các nhóm sản phẩm DẦU LỎNG (OLEIN) và DẦU ĐẶC (STEARIN).



Dầu lỏng (Olein)

Dầu lỏng có đặc tính tương đương như dầu nành và dầu hướng dương, hay dầu oliu thuộc phân khúc dầu ăn cao cấp tại thị trường Việt Nam.



Dầu đặc (Stearin)

Dầu đặc thu được sau tinh luyện có thể được sử dụng để chiên các sản phẩm trong ngành công nghiệp thực phẩm như mì ăn liền, bánh snack, khoai tây chiên, trái cây chiên đóng gói,... Ngoài ra, stearin còn là nguyên liệu chủ yếu và quan trọng nhất để chế biến shortening và margarine – sản phẩm sử dụng phổ biến trong công nghiệp thực phẩm, bánh kẹo.

▪ *Dự án nhà máy chế biến thức ăn thủy sản*

Hiện tại, mỗi năm Công ty mua thức ăn cho cá từ các công ty chế biến thức ăn với doanh số hàng năm gần 900 tỷ đồng và ngày càng tăng cùng với sự phát triển của Công ty. Trước tình hình đó, Ban điều hành Công ty đã có kế hoạch đầu tư nhà máy chế biến thức ăn thủy sản, dự kiến khởi công cuối năm 2014. Nhà máy được

đầu tư thiết bị, công nghệ hiện đại từ Châu Âu, sản phẩm dự kiến sẽ tốt hơn thức ăn thủy sản của các công ty hiện tại đang bán ở Việt Nam. Vốn đầu tư dự kiến là 200 tỷ đồng, công suất thiết kế giai đoạn 1 là 400 tấn nguyên liệu/ngày. Dự kiến cuối năm 2015 sẽ hoàn thành và đi vào sản xuất. Nhà máy tận dụng nguồn nguyên liệu bột cá từ nhà máy Trisedco nên có nguồn nguyên liệu ổn định, nằm trong chuỗi giá trị khép kín của Công ty. Đồng thời, điều này góp phần hạ giá thành sản phẩm, nâng cao giá trị gia tăng cho sản phẩm đầu ra và có tính chất cạnh tranh hơn so với đối thủ.

- *Dự án Khu trung tâm thương mại huyện Lấp Vò*: đã san lấp và giải phóng xong mặt bằng, đang xây dựng hệ thống điện, đường, hệ thống thoát nước... Về cơ bản đạt khoảng 70% tiến độ. Dự kiến Quý III/2014, sẽ hoàn thành và đưa vào khai thác. Tuy nhiên, định hướng của Công ty là tập trung vào mảng sản xuất và chế biến thủy sản, do đó trong Quý II năm 2014 vừa qua, Công ty đã ký hợp đồng chuyển nhượng dự án bất động sản cho ASM với số tiền 105 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế thu từ hợp đồng này trên 25 tỷ đồng.

7.3 Tình hình nghiên cứu sản phẩm mới

- Công ty sản xuất cá tra fillet xuất khẩu và thụ phẩm sản xuất thành các sản phẩm có giá trị khác nhau như bao tử cá, bong bóng, bột cá, mỡ thô, phân bón lá, dầu cá,... làm tăng giá trị sản phẩm khi cung cấp ra thị trường.
- Nhà máy tinh luyện dầu cá sẽ đưa sản phẩm mới ra thị trường, nhằm nâng giá trị mỡ thô từ cá tra. Mỡ cá qua tinh luyện sẽ ngăn chặn và điều trị bệnh tim mạch, chứng căng thẳng, bệnh viêm khớp, các bệnh về viêm kinh niên khác và sự rối loạn hệ miễn dịch, đồng thời DHA là thành phần quan trọng đến sự phát triển của não. Tầm quan trọng của omega-3 PUFA dẫn đến giá trị thương mại của dầu cá được tinh luyện đó là giá trị thực phẩm cho sức khỏe con người. Chất lượng và tính ổn định làm cho dầu cá ngày càng quan trọng hơn.
- Nhà máy chế biến thức ăn thủy sản ra đời sẽ sử dụng triệt để bột cá do Trisedco sản xuất, nhằm cung cấp lượng thức ăn cho nuôi trồng thủy sản, tạo một dây truyền khép kín trong chuỗi sản xuất kinh doanh.
- Nghiên cứu mua bán và chế biến gạo là mặt hàng có mức tiêu thụ ổn định, là lương thực thiết yếu đối với nhu cầu đời sống hàng ngày, khi giá biến động thì nhu cầu về lương thực của người dân vẫn không thay đổi. Lợi thế hơn nữa là nhà máy nằm ở vùng trung tâm của diện tích lúa gạo lớn nhất cả nước.

7.4 Tình hình kiểm tra chất lượng dịch vụ sản phẩm

- Công ty đang áp dụng chương trình quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn HACCP do Việt Nam quy định, được Cục Quản Lý Chất Lượng Nông lâm sản và Thủy sản (Nafiqud) công nhận và cấp code EU DL 479 chứng nhận hàng hóa đạt tiêu chuẩn xuất khẩu.
- Đặc biệt là đang áp dụng hệ thống quản lý chất lượng và được cấp chứng nhận đạt tiêu chuẩn quốc tế như ISO 9001, 2008, BRC 20077, IFS, HALAL, GLOBAL G.A.P, FDA, ISO 17025:2005 (VILAS 443). . . Đây là bằng chứng với khách hàng,

là hàng hóa sản xuất ra đạt chất lượng tốt, đáp ứng các quy định khắt khe nhất của thị trường thế giới.

7.5 Trình độ công nghệ

- Dây chuyền và trang thiết bị chế biến hiện đại. Chương trình quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm quốc tế. Nhà máy nằm tại trung tâm vùng nguyên liệu và nguồn nhân lực chế biến cá tra và nằm trong một cụm công nghiệp riêng nên dễ dàng mở rộng phát triển.
- Vận chuyển cá nguyên liệu đến dây chuyền chế biến, đường đi của bán thành phẩm rất hợp lý, đơn giản hóa công tác quản lý và tiết kiệm chi phí. Không gian bên ngoài sản xuất gọn gàng, sạch sẽ và mỹ quan, thân thiện với môi trường.
- Thiết bị cấp đông và chế biến xuất xứ từ Nhật Bản, Châu Âu và Mỹ, hoạt động ổn định, sản xuất hàng chất lượng cao, cho phép bán tự động và tự động hóa các hoạt động sản xuất. Công nhân có kỹ năng lao động lành nghề. Cán bộ quản lý sản xuất là những người có kinh nghiệm làm việc lâu năm. Những điều này đã đem đến cho Công ty có một giá thành sản xuất hợp lý.
- Đầu năm 2011, nhà máy chế biến số 1 đã hoàn thành 100% với công suất thiết kế 600 tấn nguyên liệu/ngày.
 - + Nhà xưởng sản xuất 15.000 m², hệ thống thiết bị cấp đông, công cụ dụng cụ chế biến đáp ứng được công suất 600 tấn nguyên liệu/ngày. Kho lạnh có sức chứa 4.600 tấn cá thành phẩm.
 - + Hệ thống xử lý nước, cấp nước đạt tiêu chuẩn Châu Âu, công suất xử lý 240m³ nước/giờ. Hệ thống xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn nước loại A được phép thải ra môi trường theo quy định của Việt Nam. Công suất xử lý 240m³ nước/giờ.
 - + Hệ thống cấp điện, trạm điện công suất 3.750 KVA và hai máy phát điện dự phòng 3.250 KVA. Trạm cân cá với 2 trạm cân điện tử tự ghi tải trọng mỗi bàn cân 10 tấn.
 - + Nhà ăn cho cán bộ và công nhân sức chứa 3.000 người. Xưởng cơ khí sửa chữa. Trung tâm kiểm nghiệm. Hệ thống sân đường nội bộ, cây xanh. Đội xe vận tải hàng hóa (nguyên liệu và hàng lạnh).
 - + Trụ sở làm việc đưa vào sử dụng, hoàn thành trạm phát điện thứ 2 có công suất 3.750KVA, nhà để xe công nhân, bể chứa nước sạch 500 m³, bể ly tâm nước thải, bờ kè cập sông Lấp Vò, ...
- Cuối năm 2013, Công ty cũng đã hoàn thành dự án nhà máy tinh luyện dầu cá với dây chuyền máy móc hiện đại được nhập từ Châu Âu và hoàn toàn tự động. Nhà máy hoạt động dựa vào hệ thống điều khiển trung tâm gồm 4 máy vi tính được lập trình và điều chỉnh các thông số cho nhà máy dầu theo yêu cầu. Bên cạnh đó, đội ngũ cán bộ quản lý vận hành nhà máy được Ban lãnh đạo Công ty sàng lọc, đào tạo chuyên nghiệp để làm chủ công nghệ tinh luyện dầu có thể nói là hiện đại nhất thế giới.

7.6 Hoạt động Marketing

- Công ty tham gia các hội chợ thủy sản lớn trong nước và quốc tế, tham gia các kỳ xúc tiến thương mại ở nước ngoài do VASEP và VCCI tổ chức; tổ chức quảng cáo



trên các báo quốc tế, đăng tải trên các trang web chuyên ngành thủy sản; tích cực hoạt động chăm sóc khách hàng.

- Hàng năm, Công ty tham gia các kỳ hội chợ lớn chuyên ngành thủy sản như hội chợ VIETFISH ở Việt Nam, CONXERMA ở Tây Ba Nha, GUGTFOOD ở Dubai – UAE, hội chợ BOSTON ở Mỹ, hội chợ thực phẩm ở Nga, hội chợ BRUSSEL ở Bỉ để xây dựng thương hiệu, giới thiệu sản phẩm và xúc tiến bán hàng, nhằm tiếp cận và tìm kiếm khách hàng mới.
- Công ty quảng cáo hình ảnh trên báo Seafood International, Intrafish. Đăng thông tin trên trang web SEAEX, quảng cáo trên trang web của VASEP.
- Công ty mời khách hàng đến thăm nhà máy để tạo niềm tin và thuyết phục khách mua hàng. Định kỳ gửi phiếu thăm dò khách hàng để lắng nghe ý kiến đóng góp, từ đó có biện pháp điều chỉnh phục vụ khách hàng ngày một tốt hơn.
- Công ty tìm kiếm khách hàng qua báo đài, mạng internet và sự giới thiệu của các doanh nghiệp trong ngành, của bạn hàng.
- Thị trường mới, công ty sử dụng những kênh phân phối có sẵn, duy trì và phát triển mối quan hệ mua bán với khách hàng truyền thống, tìm kiếm mở rộng các khách hàng mới.

7.7 Hoạt động xã hội và quan hệ công chúng

- Công ty làm tốt công tác xã hội từ thiện ở địa phương và nhiều tỉnh thành khác trong cả nước. Công ty quảng bá thương hiệu trên báo, đài trung ương và địa phương như VTV1, HTV7, HTV9, TH Cần Thơ, TH Vĩnh Long, TH An Giang, TC Thủy sản, TC Chứng khoán, Báo Đầu tư tài chính, Báo An Giang,..nhằm tạo ấn tượng đẹp về IDI đến với mọi người.
- Ngoài ra, Công ty tuân thủ chặt chẽ các quy định của pháp luật, tạo mối quan hệ tốt với cơ quan chức năng và các đối tác giúp xây dựng hình ảnh, thương hiệu IDI.
- Trong năm 2013, Công ty đã chia sẻ với đồng bào bà con nghèo tỉnh Đồng Tháp để đón xuân. Công ty đã tặng 160 phần quà cho bà con nghèo và 40 phần quà cho bệnh nhân nghèo huyện Lấp Vò.

7.8 Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

- Biểu tượng logo của Công ty:



- Website của Công ty: <http://www.idiseafood.com>
- Logo IDI được Cục sở hữu trí tuệ thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ Việt Nam cấp chứng nhận đăng ký nhãn hiệu theo Quyết định số 5472/QĐ-SHHTT ngày 24/3/2009
- Danh mục sản phẩm dịch vụ mang nhãn hiệu:
 - Nhóm 29: Thủy hải sản đã qua chế biến cá tra, cá basa, tôm mực, nghêu sò



- Nhóm 35: Hoạt động giới thiệu và quảng bá thương hiệu, mua bán thủy hải sản
- Nhóm 40: Chế biến thủy hải sản
- Nhóm 44: Nuôi trồng thủy sản cá nước ngọt gồm cá tra, cá basa, lươn, các loại cá biển như cá bob, cá ngừ, nuôi trồng thủy hải sản

7.9 Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Bảng 14: Một số hợp đồng Công ty đã và đang thực hiện

STT	Hợp đồng	Khách hàng	Thời hạn	Trị giá hợp đồng (USD)	Trị giá hợp đồng (VNĐ)
1	HĐMB (TATS)	Cty CP Thức ăn chăn nuôi Việt Thắng	Từ 01/12/2013 -> 01/12/2014		10.000.000.000
2	HĐMB (Cá NL)	Trương Thái Dương	Từ 17/04/2014 -> 17/05/2014		8.187.194.700
3	HĐMB (Cá NL)	Võ Hồng Đào	Từ 14/06/2014 -> 04/07/2014		3.884.966.800
4	HĐXK	EXPORT PACKERS COMPANY LIMITED	Từ 21/06/2014-> 31/08/2014	878,800	
5	HĐXK	WUHAN LIANGZHONGXIN G SUPPLY CHAIN MANAGEMENT CO., LTD	Từ 18/06/2014-> 20/07/2014	74,794.5	
6	HĐXK	BONISIMO DEL MAR SA DE CV	Từ 02/07/2014-> 31/07/2014	675,840	
7	HĐXK	SLS COMPANY CO., LTD	Từ 25/06/2014-> 20/10/2014	365,600	
8	HĐXK	HART LIMITED	Từ 11/06/2014-> 21/08/2014	106,806	

Nguồn: I.D.I

8. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

8.1 Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2012, 2013 và 6 tháng đầu năm 2014

Bảng 15: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Chỉ tiêu	Năm 2012 (Triệu VND)	Năm 2013 (Triệu VND)	% Tăng/ giảm của năm 2013 so với 2012	6 tháng đầu năm 2014 (Triệu VND)
Tổng giá trị tài sản	1.468.353	1.845.614	26%	1.721.634
Doanh thu thuần	1.331.157	1.804.414	36%	628.309
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	212.872	183.531	-14%	95.123
Doanh thu hoạt động tài chính	10.620	16.026	51%	3.207
Chi phí tài chính	76.265	62.236	-18%	14.708
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	29.926	40.288	35%	58.511
Lợi nhuận khác	1.839	(541)	-129%	28
Lợi nhuận trước thuế	31.766	39.747	25%	58.539
Lợi nhuận sau thuế	36.589	41.099	12%	50.556
Tỷ lệ trả cổ tức (%)	9,6%	10%		

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2012, 2013 và BCTC Quý II/2014 của I.D.I

- Tổng tài sản Công ty năm 2013 tăng 377 tỷ đồng, tương đương tăng 26% so với năm 2012. Khoản tăng này chủ yếu đến từ việc tăng trong tài sản cố định, phải thu khách hàng và đầu tư dài hạn. Cụ thể là:
 - Tài sản cố định năm 2013 của Công ty tăng 53%, tương đương 224 tỷ đồng so với năm 2012. Trong đó, tài sản thuê tài chính tăng mạnh từ 6 tỷ đồng năm 2012 lên 103 tỷ đồng năm 2013. Nguyên nhân chủ yếu đến từ việc thuê tài chính cho các trang thiết bị của nhà máy dầu cá. Ngoài ra, việc Công ty đầu tư vào Trung tâm thương mại huyện Lập Vò, xây dựng nhà máy tinh lọc dầu cá khiến khoản mục chi phí xây dựng cơ bản dở dang tăng hơn 50 tỷ đồng so với năm 2012, tương đương mức tăng 124%.
 - Trong năm 2013, Công ty phát sinh thêm khoản mục đầu tư dài hạn vào Công ty Cổ phần Nhứt Hồng theo Hợp đồng liên doanh số 03/HĐLD-2013/NH-IDI ngày 01/10/2013 và Biên bản họp HĐQT số 02/BB-HĐQT ngày 5/2/2013 trị giá 9 tỷ đồng.
 - Với việc đẩy mạnh xuất khẩu sản phẩm ra thị trường nước ngoài, các khoản phải thu khách hàng của Công ty, đặc biệt là khách hàng nước ngoài trong năm 2013 cũng tăng 56% so với năm 2012, tương đương 228 tỷ đồng.



- Doanh thu thuần năm 2013 tăng 473 tỷ đồng với tỷ lệ tăng 36% so với năm 2012. Với tốc độ tăng khá nhanh của doanh thu cho thấy Công ty có những chính sách bán hàng cũng như mở rộng thị trường là hợp lý. Bộ phận kinh doanh của Công ty không ngừng tìm kiếm và nâng số khách hàng của Công ty lên với số đơn đặt hàng tăng mạnh so với năm trước. Trong năm, Công ty cho vận hành nhà máy tinh lọc dầu cá và đã cho doanh thu từ mảng này.
- Lợi nhuận sau thuế năm 2013 tăng 4,5 tỷ đồng so với năm 2012, tương ứng 12%. Kết quả này chưa cao và chỉ hoàn thành 50% kế hoạch đề ra cho năm 2013 nhưng vẫn cho thấy nỗ lực của ban lãnh đạo Công ty khi năm 2013 là một năm kinh tế gặp nhiều khó khăn đối với các doanh nghiệp, trong đó có các doanh nghiệp thủy sản. Để giữ vững thị trường và thị phần, Công ty đã phải hạ giá bán từ đó làm cho biên lợi nhuận tương đối thấp. Đầu năm 2014, nền kinh tế nói chung đã sáng sủa hơn, từ đó các đơn hàng và khách hàng của Công ty tăng dần lên. Kết quả 6 tháng đầu năm 2014, lợi nhuận sau thuế của Công ty đã đạt 50,5 tỷ đồng.

8.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

a. Thuận lợi:

- Từ khi được thành lập, IDI luôn nhận được sự hỗ trợ về mặt tài chính của Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sao Mai tỉnh An Giang. Đặc biệt là các thành viên Ban lãnh đạo của IDI phần lớn đã từng tham gia hoạt động tại Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sao Mai tỉnh An Giang, vì vậy được kế thừa kinh nghiệm trong việc quản lý điều hành cũng như phát triển hoạt động kinh doanh.
- Xuất khẩu thủy sản là một trong những lĩnh vực mang lại ngoại tệ cho Việt Nam, do đó Công ty luôn được sự quan tâm và tạo điều kiện thuận lợi để phát triển của địa phương.
- Nhà máy của IDI có vị trí thuận lợi về giao thông đường thủy, vì vậy thuận lợi trong quá trình vận chuyển nguồn nguyên liệu cá từ các vùng nuôi lân cận và vận chuyển sản phẩm từ nhà máy lên các cảng tại TP.Hồ Chí Minh.
- Lãi suất tiếp tục giảm giúp giảm chi phí vay của Công ty và thuận lợi cho việc huy động vốn phục vụ sản xuất kinh doanh.
- Công ty đã xây dựng vùng nuôi riêng và triển khai các vùng nuôi liên kết, giúp Công ty chủ động được 75 - 80% nguồn nguyên liệu cho nhu cầu nhà máy chế biến, ổn định giá và đầu vào trong quá trình sản xuất.
- Nhà máy tinh lọc dầu cá chạy thử nghiệm và đi vào hoạt động, tạo thêm doanh thu cho Công ty trong mảng chế biến dầu cá.

b. Khó khăn:

- Bên cạnh nhiều thuận lợi, các doanh nghiệp xuất khẩu của Việt Nam trong đó có IDI đã gặp nhiều khó khăn trong việc áp dụng các quy định của WTO về vấn đề kiểm soát chất lượng sản phẩm, truy xuất nguồn gốc sản phẩm.
- Năm 2013, kinh tế thế giới và Việt Nam tiếp tục trải qua nhiều khó khăn, nhu cầu tiêu dùng ở nhiều khu vực chưa phục hồi.



- Giá cá tra nguyên liệu trong năm có nhiều biến động khiến Công ty gặp khó trong việc dự đoán, chủ động về nguồn nguyên liệu sản xuất.
- Trong năm 2013, nhiều doanh nghiệp thủy sản gặp khó khăn về đầu ra, cùng với áp lực xoay vòng vốn nên đã bán phá giá, buộc Công ty cũng phải hạ giá bán để giữ vững thị phần và thị trường nên đã làm ảnh hưởng tới biên lợi nhuận trong năm.
- Đối với lĩnh vực bất động sản, một số dự án của IDI bị chậm tiến độ triển khai do tình hình khó khăn chung của thị trường bất động sản năm 2013.

9. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

9.1 Vị thế của Công ty trong ngành

Công ty được thành lập năm 2003 với số vốn ban đầu là 29 tỷ đồng, và sau hơn 4 năm kể từ khi Công ty khởi công nhà máy chế biến thủy sản đông lạnh số 1 vào năm 2007, IDI đã liên tục có tên trong top 5 doanh nghiệp xuất khẩu cá tra đông lạnh hàng đầu của Việt Nam từ năm 2011 đến nay. Đến cuối năm 2013, Công ty có 250 khách hàng tại nhiều quốc gia và vùng lãnh thổ tại năm châu lục.

Để giữ vững cũng như mở rộng hơn nữa thị trường và thị phần trong ngành xuất khẩu thủy sản, chiến lược phát triển của Công ty trong thời gian tới bao gồm:

- Tiếp tục phát triển toàn diện con cá tra, cá basa theo hướng bền vững, thành một ngành sản xuất hàng hóa lớn, tổ chức sản xuất hợp lý, có năng suất, chất lượng, hiệu quả, có thương hiệu uy tín, có khả năng cạnh tranh cao và hội nhập vững chắc vào kinh tế thế giới. Đồng thời Công ty cũng từng bước nâng cao trình độ chuyên môn, đời sống vật chất và tinh thần cho cán bộ công nhân viên, gắn với bảo vệ môi trường sinh thái;
- Đổi mới và ứng dụng khoa học công nghệ trong nuôi và chế biến thủy sản, bảo quản sản phẩm để giảm tổn thất sau sản xuất. Hình thành các vùng nuôi công nghiệp tập trung có quy mô diện tích lớn theo tiêu chuẩn GlobalGAP, ASC, BAP phù hợp với từng thị trường, tạo sản lượng cá tra công nghiệp lớn phục vụ xuất khẩu và tiêu thụ trong nước, gắn với truy xuất nguồn gốc, xây dựng thương hiệu thủy sản uy tín, chất lượng cao;
- Tập trung đối tượng có thị trường tốt, đã có truyền thống, có thương hiệu, chủ động sản xuất giống và quy trình sản xuất. Áp dụng các tiêu chuẩn kỹ thuật và công nghệ tiên tiến, công nghệ cao và sản xuất giống, tập trung nguồn lực để tạo nguồn giống sạch bệnh, trước hết đối với con cá tra;
- Giữ vững thị phần trên các thị trường lớn như EU, Nam Mỹ, Hoa Kỳ, Trung Quốc,...đồng thời không ngừng mở rộng thị trường để tăng thị phần trên các thị trường tiềm năng khác như Nga, Hàn Quốc, Trung Đông, các nước Đông Âu, Trung Mỹ, Canada, ASEAN và Úc. Bên cạnh đó, Công ty cũng củng cố và phát triển chế biến thủy sản nội địa, mở rộng thị trường trong nước trên cơ sở đa dạng hóa các sản phẩm để phù hợp với thị hiếu tiêu dùng của người Việt Nam;
- Tổ chức sản xuất thủy sản liên hoàn theo chuỗi giá trị sản phẩm. Hình thành hệ thống kênh phân phối thủy sản trong và ngoài nước. Xây dựng mối quan hệ liên kết, chia sẻ lợi ích giữa các công ty, người nuôi, nhà khoa học nhằm tạo môi trường

thuận lợi nâng cao hiệu quả sản xuất. Đặc biệt chú trọng giám sát các cơ sở chế biến thức ăn, chế phẩm sinh học, thuốc thú y phục vụ nuôi thủy sản, đảm bảo chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm, bảo đảm hài hòa lợi ích giữa các công đoạn trong chuỗi giá trị của quá trình sản xuất thủy sản, đồng thời tạo sự công bằng giữa các thành phần kinh tế và giữa các lực lượng lao động tham gia sản xuất thủy sản.

9.2 Triển vọng phát triển của ngành

Ngành cá tra

Năm 2014 được dự đoán sẽ mang lại nhiều cơ hội kinh doanh và hợp tác mới cho Việt Nam, điển hình là Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương – TPP. Bên cạnh đó, Việt Nam đang thúc đẩy quá trình đàm phán nhiều hiệp định thương mại và hợp tác khác như Cộng đồng Kinh tế chung Đông Nam Á (AEC), Hiệp định thương mại tự do với Châu Âu hay Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP) nhằm tạo động lực tăng trưởng mới cho nền kinh tế, đặc biệt là mở rộng các thị trường xuất khẩu cho hàng hóa trong nước.

Đối với sản phẩm cá tra, sản phẩm xuất khẩu chủ lực, chiếm hơn 25% tổng kim ngạch xuất khẩu thủy sản của Việt Nam năm 2013, ngày càng có nhiều trại nuôi cá tra đạt chứng nhận Global GAP, ASC, BAP... đáp ứng được những tiêu chí khắt khe của các thị trường Mỹ, Châu Âu, Nhật Bản cũng như các yêu cầu chọn lựa của người tiêu dùng toàn cầu.

Cùng với sự bùng nổ dân số, nhu cầu tiêu thụ thực phẩm toàn cầu ngày càng tăng cao, trong đó có sản phẩm cá tra. Cá tra đã trở thành loài cá phổ biến tại thị trường Châu Âu và nằm trong top 10 sản phẩm thủy sản được ưa chuộng và tiêu thụ nhiều nhất tại thị trường Mỹ nhờ được chế biến đa dạng, giàu giá trị dinh dưỡng với giá cả hợp lý hơn các loài cá thịt trắng khác.

Trong năm 2014, những cản trở sự phát triển của ngành cá tra tại Việt Nam được tháo gỡ như tình trạng mất cân đối giữa sản lượng nuôi trồng và nhu cầu tiêu thụ đã dần được cải thiện, lãi suất giảm,... Hiện nay, chỉ những doanh nghiệp thật sự ổn định, có vốn, thị trường và kỹ thuật nuôi mới còn tồn tại và phát triển trong ngành do nhiều nhà đầu tư trong những năm qua không chịu được sự khó khăn của ngành nên đã rút lui. Đây là những thành phần chủ lực góp phần đưa ngành cá tra phát triển trong tương lai.

Ngành dầu cá

Dầu cá, một sản phẩm không hề xa lạ với mọi người vì từ lâu đã được biết đến như là thực phẩm tốt cho tim mạch, sáng mắt, bổ não. Dầu cá phổ biến vẫn là loại được trích ly từ cá đánh bắt ở vùng biển sâu như cá hồi, cá ngừ, cá trích, . . và sản lượng rất hạn chế không đáp ứng đủ nhu cầu của người tiêu dùng.

Việt Nam có một lượng dầu (mỡ) cá tra dồi dào mà không một quốc gia nào khác có được. Với sản lượng cá tra nuôi mỗi năm hơn 1 triệu tấn thì lượng dầu (mỡ) cá tra thô thu được ít nhất là 140.000 tấn mỗi năm. Dầu (mỡ) cá tra thô không chứa cholesterol, chứa nhiều các axit béo không no MUFA, PUFA (lớn hơn 70%) rất thiết yếu cho cơ thể, đặc biệt là EPA, DHA (lớn hơn 0,4%), thành phần đặc biệt quan trọng đối với não người và không thể tìm thấy trong dầu thực vật. Ngoài ra, dầu cá tra còn chứa nhiều vitamin A, D, E... và các khoáng chất khác. Bên cạnh đó, do cá tra Việt Nam rất an

toàn vệ sinh để xuất khẩu đi các nước nên dầu (mỡ) cá tra cũng rất an toàn vệ sinh thực phẩm, không nhiễm vi sinh, kháng sinh cấm cũng như dư lượng thuốc bảo vệ thực vật. Với nguồn cung dồi dào và lợi ích lớn cho sức khỏe, ngành dầu cá được đánh giá cao về tiềm năng phát triển.

9.3 Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung của thế giới

Việt Nam có môi trường khí hậu và thiên nhiên thuận lợi trong phát triển ngành thủy sản. Đây là một trong những ngành được chính phủ ưu tiên phát triển để trở thành ngành kinh tế mũi nhọn trong dài hạn của đất nước, do đó có nhiều chính sách khuyến khích, hỗ trợ. Cùng xu hướng tăng nhu cầu tiêu thụ thực phẩm nói chung và hàng thủy sản trên toàn cầu do bùng nổ dân số và sự phát triển của nền kinh tế thế giới, dự báo sản lượng sản xuất thủy sản Việt Nam sẽ tiếp tục tăng trong thời gian tới.

Sản phẩm cá tra của Việt Nam đã xây dựng được thương hiệu trên thị trường thế giới, do đó có nhiều thuận lợi trong việc tiêu thụ sản phẩm, mở rộng thị trường xuất khẩu. Đặc biệt, trong giai đoạn 2013 – 2017, ngành cá tra Việt Nam được Chương trình Switch Asia của Liên minh Châu Âu ủng hộ và hỗ trợ một phần tài chính để thực hiện dự án “Xây dựng chuỗi cung ứng cá tra bền vững tại Việt Nam” (SUPA), với mục tiêu đến năm 2020 Việt Nam là nước sản xuất, chế biến và xuất khẩu cá tra an toàn, phát triển bền vững về kinh tế, môi trường, xã hội.

Đối với sản phẩm dầu cá, hiện nay nhu cầu về dầu mỡ của người tiêu dùng trên thế giới ngày càng tăng cao, đặc biệt là ở các nước đang phát triển như Việt Nam và đang ngày càng hướng về các sản phẩm an toàn và bổ dưỡng. Sản phẩm dầu cá với công nghệ tinh luyện hiện đại cho ra dầu thành phẩm hảo hạng sẽ đáp ứng đúng nhu cầu của thị trường.

Với định hướng và triển vọng phát triển của ngành nói trên, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I đã có chiến lược phát triển dài hạn cho Công ty với việc hoàn thiện chuỗi giá trị sản phẩm. Theo đó, kế hoạch và chiến lược phát triển của Công ty năm 2014 như sau:

- Nhanh chóng khai thác lượng vốn đầu tư đã bỏ ra như hoạt động triệt để công suất nhà máy, đồng thời chuyển giao dự án Trung tâm Thương mại huyện Lập Vò cho Công ty Cổ phần Đầu tư & Xây dựng Sao Mai tỉnh An Giang thu về nguồn thu từ lĩnh vực bất động sản. Trong tháng 6/2014, IDI đã thực hiện ký hợp đồng chuyển nhượng dự án bất động sản với số tiền 105 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế thu về hơn 25 tỷ đồng.
- Tiếp tục liên kết với các hộ nuôi cá tra, đảm bảo chủ động 75-80% nguồn nguyên liệu đạt chất lượng, ổn định cho nhu cầu nguyên liệu nhà máy;
- Mở rộng đầu tư vùng nguyên liệu đi kèm với xây dựng và phát triển trung tâm giống chất lượng cao;
- Đưa nhà máy tinh luyện dầu vào vận hành và sẽ hoạt động được 50% công suất thiết kế trong năm 2014. Đồng thời xây dựng thương hiệu dầu ăn của Công ty và sẽ giữ vững vị trí số 1 là nhà sản xuất dầu cá cho hiện tại và tương lai;
- Xây dựng nhà máy chế biến thức ăn cho cá tra để cung cấp cho vùng tự nuôi và vùng nuôi liên kết;

- Xây dựng nhà máy bao bì để sản xuất và cung cấp bao bì cho nhà máy sản xuất cá tra và nhà máy tinh luyện dầu;
- Mở rộng thị trường xuất khẩu sang Châu Phi, Nam Mỹ, Trung Quốc, Ấn Độ, các nước SNG, Ucraina, Mỹ thông qua các hội chợ, chương trình xúc tiến thương mại, quảng bá trên các phương tiện truyền thông nước ngoài;
- Thiết lập chi nhánh ở một số thị trường mới để tăng cường khả năng bán hàng như Trung Quốc, Ucraina, Nam Mỹ, Mỹ...
- Tiếp tục giảm chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm, cũng như định mức sản xuất;
- Cải tiến và nâng cao chất lượng hàng hóa, đảm bảo xây dựng một thương hiệu đẹp với khách hàng;
- Triệt để khai thác mọi nguồn vốn để đảm bảo đủ vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Tiếp tục đào tạo và phát triển nguồn nhân lực theo chiều sâu.

Có thể thấy rằng, định hướng và chiến lược phát triển của IDI là phù hợp với sự phát triển của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung của thế giới.

10. Chính sách đối với người lao động

Tình hình lao động

Chất lượng nguồn nhân lực là một trong những yếu tố quan trọng quyết định sự phát triển của Công ty, vì vậy Công ty luôn đặt mục tiêu xây dựng đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp lên hàng đầu trong chiến lược phát triển của mình. Tính đến thời điểm 31/12/2013, tổng số lao động trong Công ty là 2.528 người. Cơ cấu lao động cụ thể như sau:

Bảng 16: Tình hình lao động trong Công ty

Phân theo trình độ học vấn	Số lượng(người)
Trình độ đại học và trên đại học	101
Trình độ cao đẳng	25
Trình độ trung cấp và kỹ thuật viên	54
Dưới trung cấp	43
Công nhân phổ thông	2.305
Tổng cộng	2.528

(Nguồn: I.D.I)

Chính sách đối với người lao động

Năm 2013, Công ty tuyển dụng hơn 500 công nhân và liên kết với trung tâm dạy nghề đào tạo sơ cấp cho toàn bộ lao động phổ thông. Đây là lực lượng lao động tương đối lớn do tăng năng suất sản xuất nhưng Công ty vẫn luôn đảm bảo các chế độ chính sách đối với người lao động theo quy định của luật lao động như ốm đau, thai sản,...

Thu nhập bình quân của cán bộ công nhân viên là 8 triệu đồng/người/tháng, công nhân là 4,5 triệu đồng/người/tháng. Công ty thực hiện chính sách thưởng trong các ngày lễ



như 8/3, 1/5, 2/9, Tết Dương lịch và Âm lịch. Mỗi tháng, Công ty đều có thưởng cho những công nhân đi làm đủ công, chấp hành tốt các quy định.

Công ty hỗ trợ suất ăn trưa mỗi ngày và đồng phục mỗi năm. Riêng lực lượng lao động trực tiếp được trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động và tuân thủ an toàn lao động.

Chính sách tuyển dụng và đào tạo

- Xây dựng lương thưởng theo hướng sáng tạo và đóng góp của người lao động. Thi đua sản xuất, cải tiến tăng năng suất, tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Tuyển lao động có kinh nghiệm, đáp ứng yêu cầu công việc, trẻ và có tay nghề cao;
- Đào tạo, bồi dưỡng về HACCP, GMP, SQF, kỹ năng quản lý, kỹ năng nghiệp vụ cho công nhân và nhân viên tại nhà máy;
- Đào tạo nhân viên mới để nắm rõ nội quy lao động, trách nhiệm quyền hạn được giao, phương pháp và kỹ năng thực hiện công việc;
- Đào tạo từ đơn giản đến phức tạp, từ cấp thấp đến cấp cao, nhân viên thuộc bộ phận nào sẽ được phụ trách bộ phận đó, hướng dẫn, đào tạo và phân công;
- Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi về thời gian và kinh phí cho người lao động nâng cao trình độ và kiến thức.

11. Chính sách cổ tức

Căn cứ Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng quản trị đề xuất sau khi đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông. Cụ thể:

- Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của Công ty;
- Công ty chỉ được trả cổ tức cho cổ đông khi Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập các quỹ Công ty và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- Ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.

Do phải tập trung nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh, mở rộng thị trường và thích ứng với khủng hoảng toàn cầu, Hội đồng quản trị Công ty chưa chia cổ tức các năm 2011 và 2012 bằng tiền mặt cho cổ đông. Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 đã thông qua việc chia cổ tức năm 2011 và năm 2012 bằng cổ phiếu với tỷ lệ thực hiện là 20%/vốn điều lệ (Mỗi cổ đông sở hữu 5 cổ phiếu được nhận 1 cổ phiếu mới). Trong đó, cổ tức năm 2011 là 10,4% bằng cổ phiếu và cổ tức năm 2012 là 9,6% bằng cổ phiếu (tỷ lệ này được tính căn cứ vào lợi nhuận sau thuế của năm 2011, 2012 của Công ty). Đồng thời, Đại hội đồng cổ đông cũng thông qua việc thực hiện chi trả cổ tức năm 2013 bằng tiền mặt với tỷ lệ là 10% vốn điều lệ (1.000 đồng/cổ phiếu).

12. Tình hình hoạt động tài chính

12.1 Các chỉ tiêu cơ bản

❖ Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I luôn sử dụng và quản lý vốn góp của cổ đông và vốn kinh doanh theo đúng các quy định của pháp luật và đúng mục đích quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

❖ Trích khấu hao tài sản

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và khấu hao lũy kế:

- Nguyên giá tài sản cố định được phản ánh theo giá trị thực tế.
- Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với tỷ lệ khấu hao quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể:

Bảng 17: Thời gian khấu hao tài sản cố định

Nhóm tài sản cố định	Số năm khấu hao
Nhà cửa vật kiến trúc	10 – 20
Máy móc, thiết bị	06
Phương tiện vận tải	06
Thiết bị dụng cụ quản lý	05

Nguồn: I.D.I

❖ Mức lương bình quân

Bảng 18: Mức lương bình quân

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013
Mức lương bình quân (triệu VND/người/tháng)	7	8

Nguồn: I.D.I

Thu nhập bình quân hàng tháng của người lao động tăng trưởng đều qua các năm và ở mức tương đối cao so với các doanh nghiệp cùng ngành.

❖ Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty luôn thực hiện tốt các khoản nợ đến hạn. Căn cứ vào báo cáo tài chính kiểm toán 2012, Công ty đã thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ.

❖ Các khoản phải nộp theo luật định:

Bảng 19: Các khoản phải nộp theo luật định

Diễn giải	31/12/2012 (VND)	31/12/2013 (VND)	30/06/2014 (VND)
Thuế giá trị gia tăng	11.310.659.252	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	94.798.642	-	-



Thuế thu nhập doanh nghiệp	(4.278.538.522)	-	5.360.769.317
Thuế thu nhập cá nhân	156.629.460	51.592.608	51.868.725
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	34.662.372	-	-
Thuế tài nguyên	9.126.000	6.435.000	7.440.000
Các loại phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	42.567.900	-	-
Tổng cộng	7.369.905.104	58.027.608	5.420.078.042

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2012,2013 và BCTC Quý II/2014 của I.D.I

Công ty luôn thực hiện nghiêm túc việc thanh toán các khoản phải nộp theo luật định đúng quy định của Nhà nước.

❖ **Trích lập các quỹ theo luật định**

Công ty thực hiện việc trích lập các quỹ theo đúng Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật hiện hành.

Bảng 20: Trích lập các quỹ theo luật định

Diễn giải	31/12/2012 (VND)	31/12/2013 (VND)	30/06/2014 (VND)
Quỹ đầu tư phát triển	8.170.687.361	10.000.139.589	11.000.139.589
Quỹ dự phòng tài chính	8.170.687.361	10.000.139.589	11.000.139.589
Tổng cộng	16.341.374.722	20.000.279.178	22.000.279.178

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2012, 2013 và BCTC Quý II/2014 của I.D.I

❖ **Tình hình công nợ hiện nay**

- *Các khoản phải thu*

Bảng 21: Các khoản phải thu

Chỉ tiêu	31/12/2012 (VND)	31/12/2013 (VND)	30/06/2014 (VND)
Các khoản phải thu ngắn hạn	478.786.032.634	702.867.218.316	549.757.450.613
Phải thu của khách hàng	399.649.597.430	625.421.180.985	481.055.359.832
Trả trước cho người bán	32.897.281.998	26.953.177.099	50.865.913.536
Các khoản phải thu khác	74.629.254.019	80.479.793.017	47.823.110.030
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(28.390.100.813)	(29.986.932.785)	(29.986.932.785)
Các khoản phải thu dài hạn	-	-	-

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2012, 2013 và BCTC Quý II/2014 của I.D.I

Công ty luôn kiểm soát các khoản phải thu một cách chặt chẽ. Khả năng thanh toán của khách hàng luôn được đánh giá và kiểm tra. Do vậy, các khoản phải thu của Công ty



đều đảm bảo được khả năng thu hồi.

▪ Các khoản phải trả

Bảng 22: Các khoản phải trả

Khoản mục	31/12/2012 (VND)	31/12/2013 (VND)	30/06/2014 (VND)
Nợ ngắn hạn	839.321.108.380	1.200.868.943.197	1.022.224.672.377
Vay và nợ ngắn hạn	574.310.683.778	788.109.578.429	823.408.027.640
Phải trả người bán	205.417.791.302	263.652.526.133	140.195.865.922
Người mua trả tiền trước	26.207.686.231	19.888.216.057	22.731.615.046
Thuế và các khoản phải nộp NN	7.369.905.104	58.027.608	5.420.078.042
Phải trả người lao động	12.226.406.428	16.978.250.016	9.387.070.856
Các khoản phải trả, phải nộp khác	10.310.761.371	108.500.916.192	16.806.690.526
Quỹ khen thưởng phúc lợi	3.477.874.166	3.681.428.762	4.275.324.345
Nợ dài hạn	90.733.988.124	67.237.651.635	63.340.535.219
Vay và nợ dài hạn	90.332.395.574	67.237.651.635	63.340.535.219
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	401.592.550	-	-
Tổng cộng	930.055.096.504	1.268.106.594.832	1.085.565.207.596

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2012, 2013 và BCTC Quý II/2014 của I.D.I

▪ Chi tiết các khoản vay của Công ty đến thời điểm 30/06/2014

Bảng 23: Chi tiết các khoản vay của Công ty đến thời điểm 30/06/2014

Đối tượng vay	Mục đích vay	Số tiền vay (VND)	Số tiền vay (USD)	Thời hạn vay	Lãi suất vay %/năm	
					VND	USD
Vay ngắn hạn						
Ngân hàng Vietcombank An Giang	Nuôi trồng chế thủy hải sản xuất khẩu	90.025.000.000	9,900,000	6 tháng	7,5%	3,0%
Ngân hàng Thương Mại CP Sài Gòn CN An Giang			2,235,169	9 tháng		5,82%
Ngân hàng TMCP Á Châu CN An Giang		-	1,250,000	6 tháng		5,0%
Ngân Hàng Phát Triển An Giang		109.900.000.000		Dưới 12 tháng	8,7%	
Ngân hàng Nông Nghiệp và PTNT Lấp Vò		-				
Ngân hàng TMCP Sài		-	2,155,000	6 tháng		3,3%



Gòn - Hà Nội An Giang						
Ngân Hàng TMCP HDBank, PGD Phú Lâm TP HCM		28.605.000.000	1,876,869	6 tháng	8,5%	6,3%
Ngân Hàng Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam Kiên Giang		34.764.875.600	6,699,634	6 tháng	8,0%	4,5%
Vay dài hạn						
Ngân hàng Thương Mại CP Sài Gòn (USD)	Đầu tư máy móc chế biến thủy hải sản xuất khẩu	13.296.000.000	198,060			
Cty TNHH MTV cho thuê tài chính NH Á Châu		45.516.093.900				
Cty TNHH MTV cho thuê tài chính NH VCB		4.649.122.804				
Tổng		326.756.092.304	24,314,732			

Nguồn: I.D.I

12.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 24: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2012	Năm 2013
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,11	0,89
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,61	0,70
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	0,63	0,69
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	1,73	2,20
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Doanh thu thuần/Vốn chủ sở hữu	%	245,55%	323,43%
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	%	90,81%	108,90%
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	2,75%	2,28%
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	6,75%	7,37%
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	2,50%	2,48%
Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	2,25%	2,23%
Thu nhập trên cổ phần (EPS)	đồng/CP	963	1.082

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2012 và 2013 của I.D.I



13. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu		Tỷ lệ %/ VĐL
			Cá nhân	Đại diện	
Hội đồng quản trị					
1	Ông Lê Thanh Thuận	Chủ tịch HĐQT	5.912.540		12,97
2	Ông Nguyễn Văn Hưng	Phó Chủ tịch HĐQT	580.176		1,27
3	Ông Lê Xuân Quế	Thành viên HĐQT	452.112		0,99
4	Ông Lê Văn Chung	Thành viên HĐQT	530.608		1,16
5	Ông Trương Vĩnh Thành	Thành viên HĐQT	17.640		0,04
6	Ông Phạm Đình Nam	Thành viên HĐQT	184.200		0,40
7	Ông Trần Hải Hà	Thành viên HĐQT	0		0
8	Bà Nguyễn Thùy Thương	Thành viên HĐQT	0		0
Ban Kiểm soát					
1	Ông Lê Hoàng Cương	Trưởng Ban Kiểm soát	0		0
2	Ông Lê Thanh Dũng	Thành viên Ban Kiểm soát	0		0
3	Bà Nguyễn Thị Hương	Thành viên Ban Kiểm soát	0		0
Ban Giám đốc					
1	Ông Lê Văn Chung	Tổng Giám đốc	530.608		1,16
2	Ông Lê Văn Cảnh	Phó Tổng Giám đốc	7.680		0,02
3	Ông Phạm Đình Nam	Phó Tổng Giám đốc	184.200		0,40
4	Ông Lê Đình Lịch	Phó Tổng Giám đốc	0		0
Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng					
1	Ông Trương Công Khánh	Giám đốc tài chính	0		0
2	Ông Lê Xuân Định	Kế toán trưởng	0		0

Sơ yếu lý lịch Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

❖ Ông Lê Thanh Thuận - Chủ tịch HĐQT

Họ và tên: **LÊ THANH THUẬN**
 Giới tính: Nam
 Ngày tháng năm sinh: 10/3/1958
 Nơi sinh: Xuân Thịnh, Triệu Sơn, Thanh Hóa
 CMND: 350006170 cấp ngày 17/01/2008 tại tỉnh An Giang
 Quốc tịch: Việt Nam
 Dân tộc: Kinh
 Quê quán: Triệu Sơn, Thanh Hóa
 Địa chỉ thường trú: 326 Hùng Vương, phường Mỹ Long, TP Long



Xuyên, An Giang

Điện thoại: 0673.680.616

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng

Quá trình công tác:

- 1977 – 1979 Cán bộ Sở Xây dựng An Giang
- 1979 – 1980 Cán bộ Sở quản lý nhà đất An Giang
- 1980 – 1982 Cán bộ Ban Xây dựng, UBND tỉnh An Giang
- 1982 – 1986 Chánh văn phòng Ủy ban xây dựng cơ bản Nhà nước An Giang
- 1986 – 1992 Giám đốc Công ty liên doanh Kiến trúc An Giang
- 1992 – 1995 Giám đốc xí nghiệp Xây dựng Tây Sông hậu thuộc Công ty xây dựng Miền Tây, Bộ Xây dựng
- 1997 – nay Tổng Giám đốc kiêm Bí thư Đảng bộ Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Sao Mai tỉnh An Giang
- 2003 – nay Chủ tịch HĐQT Công ty Đầu tư và Phát triển đa quốc gia I.D.I

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Sao Mai tỉnh An Giang; Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch và Phát triển thủy sản – Trisedco

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ: 5.912.540 cổ phiếu

Trong đó:

- + Sở hữu cá nhân: 5.912.540 cổ phiếu, chiếm 12,97% vốn điều lệ
- + Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan:

STT	Họ tên	Quan hệ với người khai	Số CMND	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%)
1.	Lê Ngọc Xuyên	Anh	170774361	27.600	0,06%
2.	Lê Văn Thông	Anh	172321457	14.400	0,03%
3.	Lê Văn Thủy	Em	351627326	101.250	0,22%
4.	Lê Văn Chung	Em	351393479	530.608	1,16%
5.	Lê Văn Thành	Em	351400599	7.422	0,02%



6.	Lê Thị Thiên Trang	Con	351916791	360.000	0,79%
7.	Võ Thị Thanh Tâm	Vợ	351343854	120.000	0,26%
8.	Lê Thị Nguyệt Thu	Con	351593182	253.440	0,56%

❖ Ông Nguyễn Văn Hưng – Phó Chủ tịch HĐQT

Họ và tên: **NGUYỄN VĂN HUNG**
 Giới tính: Nam
 Ngày tháng năm sinh: 18/5/1954
 Nơi sinh: Hồng Ngự, Đồng Tháp
 CMND: 351139667 cấp ngày 18/04/2007 tại Tỉnh An Giang
 Quốc tịch: Việt Nam
 Dân tộc: Kinh
 Quê quán: Hồng Ngự, Đồng Tháp
 Địa chỉ thường trú: 49/30 Khúc Thừa Dụ, P Mỹ Bình, TP Long Xuyên, An Giang
 Điện thoại: 0673.680.616
 Trình độ văn hóa: 12/12
 Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng
 Quá trình công tác:

- 1975 -1988 Công tác tại phòng chính trị tỉnh đội An Giang
- 1988 -1989 Giám đốc Xí nghiệp Cát – Sở XD Tỉnh An Giang
- 1990 Trưởng phòng tổ chức Sở Kinh tế đối ngoại tỉnh An Giang
- 1990 – 1995 Đội trưởng Đội quản lý thị trường Tỉnh An Giang
- 1995 – 1997 Thanh tra Sở thương mại du lịch tỉnh An Giang
- 1992 – 1995 Giám đốc xí nghiệp Xây dựng Tây Sông hậu thuộc Công ty xây dựng Miền Tây, Bộ Xây dựng
- 1997- nay Phó chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sao Mai.

Chức vụ hiện nay Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Phó chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sao Mai, Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch & Phát triển Thủy sản.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không
 Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không
 Các khoản nợ đối với Công ty: Không



Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ: 580.176 cổ phiếu
Trong đó:
+ *Sở hữu cá nhân:* 580.176 cổ phiếu, chiếm 1,27% vốn điều lệ.
+ *Được ủy quyền đại diện:* 0 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan: Không

❖ Ông Lê Xuân Quế - Thành viên HĐQT

Họ và tên: **LÊ XUÂN QUẾ**
Giới tính: Nam
Ngày tháng năm sinh: 1968
Nơi sinh: Triệu Sơn, Thanh Hóa
CMND: 351259440 cấp ngày 08/02/2005 tại Tỉnh An Giang
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Quê quán: Triệu Sơn, Thanh Hóa
Địa chỉ thường trú: 647B/33 Tôn Thất Thuyết, TP Long Xuyên, An Giang
Điện thoại: 0673.680.616
Trình độ văn hóa: 12/12
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng
Quá trình công tác:

- 1992 – 1996 Công tác tại xí nghiệp Tây Sông Hậu, Bộ Xây dựng
- 1997 – 2003 Giám đốc Xí nghiệp Phương Nam;
- 2003 – nay Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Sao Mai.

Chức vụ hiện nay Thành viên HĐQT Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Sao Mai., Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Du lịch & Phát triển Thủy Sản - Trisedco
Hành vi vi phạm pháp luật: Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không
Các khoản nợ đối với Công ty: Không
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ: 452.112 cổ phiếu
Trong đó:
+ *Sở hữu cá nhân:* 452.112 cổ phiếu, chiếm 0,99% vốn điều lệ



+ Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan: Không

❖ Ông Lê Văn Chung – Thành viên HĐQT

Họ và tên: **LÊ VĂN CHUNG**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 1964

Nơi sinh: Triệu Sơn, Thanh Hóa

CMND: 351393479 cấp ngày 09/06/2010 tại Tỉnh An Giang

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Triệu Sơn, Thanh Hóa

Địa chỉ thường trú: 72, Trần Nhật Duật, TP Long Xuyên, An Giang

Điện thoại: 0673.680.434

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí.

Quá trình công tác:

- 1985 – 1987 Công tác tại Xí nghiệp Liên hiệp Đường sắt Huế.
- 1987 – 1991 Lao động tại CHDC Đức
- 1991 – 1994 Công tác tại Công ty liên doanh kiến trúc An Giang
- 1994 – 1996 Đội trưởng xây dựng Công ty Xây dựng Miền Tây
- 1997- nay Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư & Xây dựng Sao Mai

Chức vụ hiện nay

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:

Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Đa Quốc Gia.

Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư & Xây dựng Sao Mai; Thành viên HĐQT Công ty CP Đầu tư Du lịch & Phát triển Thủy Sản

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ: 530.608 cổ phiếu

Trong đó:

+ Sở hữu cá nhân: 530.608 cổ phiếu, chiếm 1,16% vốn điều lệ

+ Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phiếu



Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ
của những người liên quan:

STT	Họ tên	Quan hệ với người khai	Số CMND	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%)
1.	Lê Ngọc Xuyên	Anh	170774361	27.600	0,06
2.	Lê Văn Thông	Anh	172321457	14.400	0,03
3.	Lê Thanh Thuận	Anh	350006170	5.912.540	12,97
4.	Lê Văn Thủy	Anh	351627326	101.250	0,22
5.	Lê Văn Thành	Em	351400599	6.180	0,02

❖ Ông Trương Vĩnh Thành – Thành viên HĐQT

Họ và tên: **TRƯƠNG VĨNH THÀNH**
Giới tính: Nam
Ngày tháng năm sinh: 7/7/1977
Thôn Giang Nam, Phước Hiệp, Tuy Phước, Bình Định
Nơi sinh: Định
CMND: 352244166 cấp ngày 04/03/2010 tại tỉnh An Giang
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Quê quán: Triệu Sơn, Thanh Hóa
Địa chỉ thường trú: Thôn Giang Nam, Phước Hiệp, Tuy Phước, Bình Định
Điện thoại: 0673.680.616
Trình độ văn hóa: 12/12
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng
Quá trình công tác:

- 1999 – 2001 Phó phòng, trợ lý giám đốc, trưởng phòng kỹ thuật Cty CP Đầu tư và Xây dựng Sao Mai.
- 2001 – 2004 Giám đốc Cty tư vấn thiết kế Điện hình An Giang, Trưởng phòng KCS, Trưởng phòng Marketing Cty CP Đầu tư và Xây dựng Sao Mai
- 2005 – 2007 Trưởng phòng Quản lý Đầu tư Cty CP Đầu tư và Xây dựng Sao Mai kiêm Phó Tổng Giám đốc Cty CP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia.
- 2008 – 2011 Tổng Giám đốc Cty CP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia.

Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I



Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Phó Tổng Giám đốc Cty CP Đầu tư và Xây dựng Sao Mai; thành viên HĐQT Công ty Trisedco.
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ:	17.640 cổ phiếu
<i>Trong đó:</i>	
+ Sở hữu cá nhân:	17.640 cổ phiếu, chiếm 0,04% vốn điều lệ.
+ Được ủy quyền đại diện:	0 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan:	Không

❖ Bà Nguyễn Thùy Thương – Thành viên HĐQT

Họ và tên:	NGUYỄN THÙY THƯƠNG
Giới tính:	Nữ
Ngày tháng năm sinh:	03/12/1983
Nơi sinh:	Thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, Hà Nội
CMND:	012401449 cấp ngày 18/9/2010 tại Hà Nội
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Việt Hùng, Đông Anh, Hà Nội
Địa chỉ thường trú:	P508, 17T10, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại:	0983.312.830
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
Quá trình công tác:	
▪ T4/2005 – T6/2008	Chuyên viên tư vấn Tài chính DN – Công ty chứng khoán Thăng Long
▪ T6/2008 – T6/2010	Phó phòng Tư vấn TCDN – Khối dịch vụ Ngân hàng đầu tư – Công ty chứng khoán Thăng Long (Nay là Công ty chứng khoán MB)
▪ T6/2010 – nay	Trưởng phòng Tư vấn TCDN – Khối dịch vụ Ngân hàng đầu tư – Công ty CP chứng khoán MB
Chức vụ hiện nay	Trưởng phòng tư vấn TCDN – Công ty chứng khoán MB
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không



Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ:	0 cổ phiếu
<i>Trong đó:</i>	
+ Sở hữu cá nhân:	0 cổ phiếu
+ Được ủy quyền đại diện:	0 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan:	Không

❖ Ông Trần Hải Hà–Thành viên HĐQT

Họ và tên:	TRẦN HẢI HÀ
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	26/07/1980
Nơi sinh:	Hà Nội
CMND:	012168414 cấp ngày 3/8/2010 tại Hà Nội
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	Số 1, Khu A2, Tập thể Đại học KTQD, Đồng Tâm, Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại:	0938026666
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Tài chính – Ngân hàng
Quá trình công tác:	
▪ 7/2002-9/2003	Cán bộ Tín dụng tại VP Bank
▪ 9/2003-11/2009	Phó Giám đốc PGD Trưởng phòng QHKKH tại BIDV
▪ 11/2009-4/2011	Phó Giám đốc Khối KHL và ĐCTC Hội sở tại MB Bank
▪ 4/2011-5/2013	Giám đốc Chi nhánh Hải Phòng tại MB Bank
▪ Từ 06/2013 – nay	Tổng giám đốc Công ty CP chứng khoán MB (MBS)
Chức vụ hiện nay	Tổng giám đốc Công ty CP chứng khoán MB (MBS)
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không



Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ: 0 cổ phiếu

Trong đó:

+ *Sở hữu cá nhân:* 0 cổ phiếu

+ *Được ủy quyền đại diện:* 0 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan: Không

Sơ yếu lý lịch Ban Kiểm soát

❖ Ông Lê Hoàng Cương – Trưởng Ban kiểm soát

Họ và tên:	LÊ HOÀNG CƯƠNG
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	1985
Nơi sinh:	Thanh Đông A-Tân Hiệp-Kiên Giang
CMND:	370 990 568
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Hà Nam Ninh
Địa chỉ thường trú:	21N1, KDC Bình Khánh 3 - P. Bình Khánh - Long Xuyên - An Giang
Điện thoại:	0673.680.616
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kế toán
Quá trình công tác:	Kế toán tại Cty CP Đầu tư & Phát Triển Đa Quốc Gia. Đến năm 2009, làm kế toán tại Cty CP Đầu Tư & Xây Dựng Sao Mai An Giang. Giám đốc tài chính công ty CP Đầu Tư Du Lịch & Phát Triển Thủy Sản (Trisedco) và năm 2014 đến nay, được bầu vào ban kiểm soát Cty CP Đầu tư & Phát Triển Đa Quốc Gia (IDI).
▪ <i>Năm 2008</i>	
▪ <i>Năm 2013- nay</i>	Trưởng ban kiểm soát Công ty CP Đầu Tư & Phát Triển Đa Quốc Gia
Chức vụ hiện nay	Giám đốc tài chính công ty CP Đầu Tư Du Lịch & Phát Triển Thủy Sản
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:	
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ:	0 cổ phiếu



Trong đó:

+ *Sở hữu cá nhân:* 0 cổ phiếu

+ *Được ủy quyền đại diện:* 0 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của
những người liên quan: Không

❖ Bà Nguyễn Thị Hương – Thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên: **NGUYỄN THỊ HƯƠNG**
Giới tính: Nữ
Ngày tháng năm sinh: 1984
Nơi sinh: Long Điền B, Chợ Mới, An Giang
CMND: 351 573 787
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Quê quán: Hà Lai, Hà Trung, Thanh Hóa
Địa chỉ thường trú: Số 34D3. Lý Bôn, Bình Khánh, Long Xuyên,
An Giang.
Điện thoại: 0673.680.616
Trình độ văn hóa: 12/12
Trình độ chuyên môn: Cao Đẳng Kế Toán
Quá trình công tác:

- *Năm 2007-2010* Kế toán Cty CP Đầu Tư & Xây Dựng Sao Mai tỉnh An Giang.
- *Năm 2011- 2013* Kế toán tại công ty cổ phần Tư Vấn & Đầu Tư Tài Chính
- *Năm 2014* Kế toán Công ty Cổ Phần Địa Ốc và Khoáng Sản Châu Á, Thành viên ban kiểm soát Công ty CP Đầu Tư & Phát Triển Đa Quốc Gia

Thành viên ban kiểm soát Công ty CP Đầu Tư & Phát Triển Đa Quốc Gia
Chức vụ hiện nay
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Kế toán Công ty Cổ Phần Địa Ốc và Khoáng Sản Châu Á
Hành vi vi phạm pháp luật: Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không
Các khoản nợ đối với Công ty: Không
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ: 0 cổ phiếu
Trong đó:
+ *Sở hữu cá nhân* 0 cổ phiếu



+ Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan:

STT	Họ tên	Quan hệ với người khai	Số CMND	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%)
1	Nguyễn Văn Kim	Cha ruột	351764277	116.388	0.26%

❖ Ông Lê Thanh Dũng – Thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên: **LÊ THANH DŨNG**
Giới tính: Nam
Ngày tháng năm sinh: 1990
Nơi sinh: Triệu Sơn, Thanh Hóa
CMND: 173 526 473
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Quê quán: Triệu Sơn, Thanh Hóa
Địa chỉ thường trú: KDC Sao Mai, An Giang, An Thạnh, Bình Thà
Lấp Vò, Đồng Tháp
Điện thoại: 0673.680.616
Trình độ văn hóa: 12/12
Trình độ chuyên môn: Cử nhân QTKD
Quá trình công tác:

- Năm 2012 Kế toán tại Công ty CP Đầu Tư Du Lịch và Phát Triển Thủy Sản (Trisedco).
- Năm 2013- nay Phó phòng kế toán công ty CP Đầu Tư Du Lịch & Phát Triển Thủy Sản (Trisedco) và năm 2014 đến nay, được bầu vào ban kiểm soát Cty CP Đầu tư & Phát Triển Đa Quốc Gia (IDI).
Thành viên ban kiểm soát Công ty CP Đầu Tư & Phát Triển Đa Quốc Gia

Chức vụ hiện nay Phó phòng kế toán công ty CP Đầu Tư Du Lịch & Phát Triển Thủy Sản
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:
Hành vi vi phạm pháp luật: Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không
Các khoản nợ đối với Công ty: Không
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ: 0 cổ phiếu
Trong đó:



+ Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu
+ Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan: Không

Sơ yếu lý lịch Ban Giám đốc

❖ Ông Lê Văn Chung–Tổng Giám đốc

Xem chi tiết thông tin ở trên

❖ Ông Phạm Đình Nam–Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên: **PHẠM ĐÌNH NAM**
Giới tính: Nam
Ngày tháng năm sinh: 08/02/1969
Nơi sinh: Thiệu Hóa , huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa
CMND: 351333247 cấp ngày 29/06/2008 tại tỉnh An Giang
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Quê quán: Thiệu Hóa, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa
Địa chỉ thường trú: 19/04 Trần Hưng Đạo – P.Mỹ Quý –Tp Long Xuyên – An Giang
Điện thoại: 0673.680.616
Trình độ văn hóa: 12/12
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng
Quá trình công tác:
▪ 1987 – 1990 Đi bộ đội
▪ 1991 – 1993 Đội trưởng đội xây dựng số 6 thuộc xí nghiệp xây dựng Tây Sông Hậu
▪ 1994 – 1997 Đội xây dựng thuộc xí nghiệp xây dựng Tây Sông Hậu
▪ 1998 – 2005 Giám đốc xí nghiệp phương nam thuộc công ty Xây dựng Sao Mai .
▪ 2006 – 2009 Giám đốc ban quản lý Dự án Sao Mai Bến Tre
▪ 2009 – 2012 Phó tổng giám đốc Công ty Trisedco.
Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I
Chức vụ hiện nay
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:
Hành vi vi phạm pháp luật: Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không



Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ:	184.200 cổ phiếu
<i>Trong đó:</i>	
+ Sở hữu cá nhân:	184.200 cổ phiếu, chiếm 0,40% vốn điều lệ.
+ Được ủy quyền đại diện:	0 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan:	Không

❖ Ông Lê Văn Cảnh – Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên:	LÊ VĂN CẢNH
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	10/09/1975
Nơi sinh:	Xuân Thịnh , huyện triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa
CMND:	352272634 cấp ngày 11/08/2010 tại tỉnh An Giang
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Xuân Thịnh , huyện triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa
Địa chỉ thường trú:	46 Lê Hoàn, phường Bình Khánh, TP Long Xuyên, tỉnh An Giang.
Điện thoại:	0673.680.616
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư xây dựng
Quá trình công tác:	
▪ 2000 – 2005	Đội trưởng đội xây dựng số 9 thuộc Công ty Cổ Phần Đầu Tư & Xây Dựng Sao Mai tỉnh An Giang.
▪ 2005 – 2006	Trưởng phòng kinh doanh thuộc Công ty Cổ Phần Đầu Tư & Xây Dựng Sao Mai tỉnh An Giang.
▪ 2006 – 2010	Phó giám đốc Ban quản lý dự án Công ty Cổ Phần Đầu Tư & Xây Dựng Sao Mai tỉnh An Giang.
▪ 2010 – nay	Phó tổng giám đốc Công ty Cp Đầu Tư & Phát Triển Đa Quốc Gia IDI.
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Không
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ:	7.680 cổ phiếu



Trong đó:

+ Sở hữu cá nhân: 7.680 cổ phiếu, chiếm 0,02% vốn điều lệ.

+ Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan: Không

❖ Ông Lê Đình Lịch - Phó Tổng Giám Đốc

Họ và tên: **LÊ ĐÌNH LỊCH**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 12/05/1957

Nơi sinh: Dân Quyền, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

CMND: 1132423305

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Dân Quyền, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Địa chỉ thường trú: Khu dân cư, cụm CN Vàm Cống, An Thạnh, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.

Điện thoại: 0673.680.616

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân sư phạm (tiếng Nga), Kỹ sư xây dựng

Quá trình công tác:

- 1975 – 1978 Học tại Liên Xô (cũ)
- 1979 – 1993 Tham gia xây dựng thủy điện Sông Đà Hòa Bình.
- 1993 – 1997 Quản đốc phân xưởng May công nghiệp Tổng đội thanh niên Sông Đà.
- 1997 – 2007 Phó giám đốc, Chủ tịch HĐQT kiêm giám đốc Công ty May xuất khẩu 3-2 Hòa Bình.
- 2007 – 2009 Giám đốc chi nhánh Công ty CP Đầu Tư & Xây Dựng Sao Mai tại tỉnh Hòa Bình.
- 2009– nay Phó tổng giám đốc Công ty CP Đầu Tư & Phát Triển Đa Quốc Gia.

Chức vụ hiện nay Phó tổng giám đốc Công ty CP Đầu Tư & Phát Triển Đa Quốc Gia.

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không



Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ: 0 cổ phiếu
Trong đó:
+ Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu
+ Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan: Không

Sơ yếu lý lịch Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng

❖ Ông Trương Công Khánh – Giám đốc tài chính

Họ và tên: **TRƯƠNG CÔNG KHÁNH**
Giới tính: Nam
Ngày tháng năm sinh: 13/3/1987
Nơi sinh: Lấp Vò, Đồng Tháp
CMND: 341365203
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Quê quán: Lấp Vò, Đồng Tháp
Địa chỉ thường trú: An Lạc, Định An, Lấp Vò, Đồng Tháp
Điện thoại: 0969691333
Trình độ văn hóa: 12/12
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán – Kiểm toán
Quá trình công tác:

- 7/2009-11/2010 Ban kiểm toán nội bộ Công ty CP tập đoàn kỹ nghệ gỗ Trường Thành.
- 12/2010 - 10/2013 Kế toán trưởng Công ty CP Đầu tư Địa ốc và Khoáng sản Châu Á
- 10/2013 Giám đốc tài chính Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I
- 9/2013 Trưởng ban Kiểm soát của Sao Mai

Chức vụ hiện nay Giám đốc tài chính Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
Hành vi vi phạm pháp luật: Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không
Các khoản nợ đối với Công ty: Không
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ: 0 cổ phiếu



Trong đó:

+ *Sở hữu cá nhân:* 0 cổ phiếu

+ *Được ủy quyền đại diện:* 0 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan: Không

❖ Ông Lê Xuân Định – Kế toán trưởng

Họ và tên: **LÊ XUÂN ĐỊNH**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 04/03/1985

Nơi sinh: Minh Khoi, Nông Công Thanh Hóa.

CMND: 172620734

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Minh Khoi, Nông Công Thanh Hóa.

Địa chỉ thường trú: Số 333, Ấp An Thạnh, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.

Điện thoại: 0673.680.616

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán.

Quá trình công tác:

▪ *Năm 2007* Làm việc tại phòng kế toán Công ty CP Đầu Tư & Phát Triển Đa Quốc Gia

▪ *Năm 2011- nay* Kế toán trưởng Công ty CP Đầu Tư & Phát Triển Đa Quốc Gia

Chức vụ hiện nay Kế toán trưởng Công ty CP Đầu Tư & Phát Triển Đa Quốc Gia

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ: 0 cổ phiếu

Trong đó:

+ *Sở hữu cá nhân:* 0 cổ phiếu

+ *Được ủy quyền đại diện:* 0 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan: Không

14. Tài sản

Giá trị tài sản theo báo cáo tài chính kiểm toán tại thời điểm 31/12/2012, 31/12/2013 và 30/06/2014 như sau:

Bảng 25: Tình hình tài sản tính đến thời điểm 31/12/2012

Tài sản	Nguyên giá (VND)	Giá trị hao mòn (VND)	Giá trị còn lại (VND)
Tài sản cố định hữu hình	363.071.807.791	56.584.666.264	306.487.141.527
Nhà cửa, vật kiến trúc	88.088.653.536	3.916.325.822	84.172.327.714
Máy móc, thiết bị	265.936.424.951	48.218.539.826	217.717.885.125
Phương tiện vận tải,	4.882.129.959	2.530.829.114	2.351.300.845
Thiết bị quản lý	1.402.045.839	727.163.087	674.882.752
Tài sản cố định khác	2.762.553.506	1.191.808.415	1.570.745.091
Tài sản cố định thuê tài chính	10.120.565.166	3.947.437.974	6.173.127.192
Tài sản cố định vô hình	66.797.846.018	40.541.272	66.757.304.746

Nguồn: I.D.I

Bảng 26: Tình hình tài sản tính đến thời điểm 31/12/2013

Tài sản	Nguyên giá (VND)	Giá trị hao mòn (VND)	Giá trị còn lại (VND)
Tài sản cố định hữu hình	437.083.475.448	83.098.818.838	353.984.656.610
Nhà cửa, vật kiến trúc	125.038.095.202	6.537.968.518	118.500.126.684
Máy móc, thiết bị	304.205.661.489	72.052.245.471	232.153.416.018
Phương tiện vận tải	4.793.108.140	3.007.920.218	1.785.187.922
Thiết bị, dụng cụ quản lý	947.102.800	491.094.723	456.008.077
Tài sản cố định khác	2.099.507.817	1.009.589.908	1.089.917.909
Tài sản cố định thuê tài chính	108.293.929.612	5.675.243.633	102.618.685.979
Tài sản cố định vô hình	97.562.073.291	772.869.423	96.789.203.868

Nguồn: I.D.I

Bảng 27: Tình hình tài sản tính đến thời điểm 30/06/2014

Tài sản	Nguyên giá (VND)	Giá trị hao mòn (VND)	Giá trị còn lại (VND)
Tài sản cố định hữu hình	437.122.418.175	90.407.809.625	346.714.608.550
Nhà cửa, vật kiến trúc	162.885.416.694	9.098.069.594	153.787.347.100
Máy móc, thiết bị	266.397.282.724	76.590.697.555	189.806.585.169
Phương tiện vận tải	4.793.108.140	3.099.139.391	1.693.968.749



Tài sản	Nguyên giá (VND)	Giá trị hao mòn (VND)	Giá trị còn lại (VND)
Thiết bị, dụng cụ quản lý	947.102.800	527.947.262	419.155.538
Tài sản cố định khác	2.099.507.817	1.091.955.823	1.007.551.994
Tài sản cố định thuê tài chính	108.293.929.612	6.832.801.835	101.461.127.777
Tài sản cố định vô hình	97.562.073.291	1.014.794.262	96.520.279.029

Nguồn: I.D.I

15. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong những năm tiếp theo
Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2014 – 2015

Bảng 28: Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2014 - 2015

Chỉ tiêu	Năm 2014		Năm 2015	
	Kế hoạch (triệu VND)	% tăng giảm so với năm 2013	Kế hoạch (triệu VND)	% tăng giảm so với năm 2014
Vốn điều lệ	1.000.000	163%	1.000.000	-
Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh	2.955.691	64%	4.005.651	36%
Lợi nhuận trước thuế	150.082	278%	252.786	68%
Lợi nhuận sau thuế	142.051	246%	241.948	70%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	4,8%	-	6,0%	-
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	14,2%	-	24,2%	-
Cổ tức (%)	10%	-	10%	-

Nguồn: I.D.I

Căn cứ để đạt được kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong giai đoạn 2014 - 2015

Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Công ty được lập căn cứ vào dự đoán và ước tính dựa trên các thông tin giả định tại thời điểm lập kế hoạch. Các ước tính này có thể được điều chỉnh khi tình hình thực tế có nhiều thay đổi.

Căn cứ chi tiết để đạt được kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức nêu trên:

Bảng 29: Chi tiết kế hoạch doanh thu và lợi nhuận trong giai đoạn năm 2014 - 2015

Chỉ tiêu	Năm 2014 (triệu VND)	Năm 2015 (triệu VND)
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.955.691	4.005.651
Giá vốn hàng bán	2.568.116	3.419.338
Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	387.575	586.313
Doanh thu tài chính	18.415	18.415
Chi phí tài chính	80.248	100.415
Chi phí bán hàng	138.340	189.013
Chi phí quản lý doanh nghiệp	37.320	62.514
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	150.082	252.786
Chi phí thuế TNDN hiện hành	8.031	10.838
Lợi nhuận sau thuế	142.051	241.948

Nguồn: I.D.I

❖ **Về kinh doanh cá tra fillet xuất khẩu**

Chiến lược phát triển trong lĩnh vực kinh doanh cá tra xuất khẩu bao gồm:

- Tập trung vào những thị trường mới tiềm năng như Nga, Mỹ, Trung Quốc, Nam Mỹ, Bắc Phi, Nam Phi,...;
- Nâng công suất sản xuất của nhà máy và nâng doanh thu thủy sản của Công ty đạt mức khoảng 2.300 tỷ đồng và đạt lợi nhuận trước thuế khoảng 106 tỷ đồng;
- Đảm bảo ổn định hoạt động sản xuất – kinh doanh tạo công việc ổn định cho người lao động trong vùng;
- Nâng hạng của IDI lên top 4 nhà máy chế biến và xuất khẩu cá tra lớn nhất Việt Nam;
- Ngoài ra, trong quý II/2014, Công ty bắt đầu nuôi các loại cá có vây như cá rô phi, cá diêu hồng để bổ sung thêm sản phẩm mới cho xuất khẩu, đồng thời cố gắng sản xuất và xuất khẩu lô đầu tiên sang thị trường Mỹ;
- Định hướng chuyển đổi cơ cấu thị trường nhằm hạn chế rủi ro;
- Đối với những thị trường hiện có, Công ty tiếp tục củng cố khách hàng, tăng sự hài lòng, và tần suất mua lại của các khách hàng qua việc chăm sóc, phân loại khách hàng và phân khúc thị trường để có chiến lược hợp tác lâu dài;
- Công ty và phòng kinh doanh tập trung mạnh vào các thị trường tiềm năng và kế hoạch bán hàng mỗi tháng dự kiến theo cơ cấu thị trường như sau Mỹ (dự kiến 20 container/tháng), Trung Quốc (dự kiến 50 container/tháng), Trung Đông (20 container/tháng), Mexico (20 container/tháng), Trung và Nam Mỹ (30 container/tháng), các thị trường khác (30 container/tháng). Công ty cũng sẽ mở rộng thị trường mới ở một số nước châu Phi như Ai Cập, Nigeria, Nam Phi, Algeri, Úc, New Zealand,..Đồng thời, Công ty cũng tập trung vào thị trường EU;
- Mặt khác, Công ty sẽ quan tâm nhiều đến khách hàng là hệ thống siêu thị, nhà hàng, các nhà chế biến sản phẩm giá trị gia tăng từ cá tra để có những đơn hàng dài hạn (6-12 tháng) và duy trì sản xuất ổn định.

Bảng 30: Khối lượng tiêu thụ kế hoạch năm 2014

Đơn vị: Tấn

Tháng	Fillet trắng	Fillet hồng lợt	Fillet hồng	Fillet vàng lợt	Fillet thịt đỏ	Cắt khúc	Nguyên con	Tổng cộng
1	725	1.328	242	120	483	161	161	3.220
2	423	775	141	71	282	94	94	1.880
3	604	1.107	201	101	402	134	134	2.683
4	665	1.219	222	111	443	147	147	2.954
5	504	1.208	201	101	402	134	134	2.684
6	604	1.450	242	120	483	161	161	3.221
7	604	1.450	242	120	483	161	161	3.221
8	604	1.450	242	120	483	161	161	3.221
9	604	1.450	242	120	483	161	161	3.221
10	654	1.570	262	130	524	174	174	3.488



11	654	1.570	262	130	524	174	174	3.488
12	786	1.440	262	130	524	174	174	3.490
Tổng	7.431	16.017	2.761	1.374	5.516	1.836	1.836	36.771

- Luôn xem chất lượng là yếu tố then chốt trong chế biến hàng xuất khẩu và luôn luôn nâng cao chất lượng sản phẩm.
- Kiểm tra giám sát chặt chẽ từ khâu nuôi cá, thu mua cá và từng khâu trong chế biến và xuất hàng.
- Cam kết mang lại cho khách hàng sản phẩm chất lượng tốt, đảm bảo tính ổn định của chất lượng sản phẩm.
- Không ngừng cải tiến quy trình sản xuất chế biến nhằm đạt hiệu quả cao nhất.
- Đào tạo đội ngũ nhân viên và cán bộ kỹ thuật, quản lý chất lượng nhằm không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm và tạo sự hài lòng cho khách hàng.
- Nhà máy sẽ cải tiến quy trình sản xuất, cắt giảm chi phí chế biến nhằm đảm bảo sản phẩm có giá thành cạnh tranh hấp dẫn khách hàng.
- Đối với thị trường cao cấp, Công ty sẽ tăng cường tiếp thị và đẩy mạnh sản phẩm cao cấp như cá tra fillet trắng và trắng hồng không xử lý phụ gia, cá tra fillet được chế biến từ nguyên liệu có chứng nhận Global GAP, BAP, ASC, sản phẩm đóng túi lẻ, cá fillet tẩm bột, cá fillet xông CO₂, cá tra fillet cắt miếng, cá xiên que, cá cuộn (sản phẩm mới), và sản phẩm block công nghiệp cung cấp cho các nhà chế biến cá finger, portion,...
- Ngoài ra, với chứng nhận ASC, BAP, BRC,.. Công ty cũng sẽ tiếp cận hệ thống siêu thị lớn của Mỹ như Walmart, Costco, US food service,...
- Đối với thị trường bình dân, Công ty tiếp tục phát huy những sản phẩm thông thường như các loại cá fillet tạo hình sạch, fillet thịt đỏ, cá cắt khúc, cá nguyên con,... nhằm đáp ứng công suất sản xuất của hai xưởng, giảm áp lực cạnh tranh và tăng doanh thu.

Bảng 31: Doanh thu kế hoạch năm 2014

Đơn vị: Đô la Mỹ

Tháng	Fillet trắng	Fillet hồng lọt	Fillet hồng	Fillet vàng lọt	Fillet thịt đỏ	Cắt khúc	Nguyên con	Tổng cộng
1	2.117.230	3.849.572	696.290	342.683	1.038.528	363.987	358.735	8.767.025
2	1.235.294	2.246.550	405.690	202.754	606.346	212.514	209.448	5.118.596
3	1.763.871	3.208.943	578.323	288.424	864.365	302.946	298.575	7.305.447
4	1.942.011	3.533.605	638.745	316.981	952.522	332.336	327.541	8.043.741
5	1.471.840	3.501.719	578.323	288.424	864.365	302.946	298.575	7.306.192
6	1.763.871	4.203.222	696.290	342.683	1.038.528	363.987	358.735	8.767.316
7	1.763.871	4.203.222	696.290	342.683	1.038.528	363.987	358.735	8.767.316
8	1.763.871	4.203.222	696.290	342.683	1.038.528	363.987	358.735	8.767.316
9	1.763.871	4.203.222	696.290	342.683	1.038.528	363.987	358.735	8.767.316
10	1.909.887	4.551.075	753.834	371.239	1.126.685	393.378	387.701	9.493.799



11	1.909.887	4.551.075	753.834	371.239	1.126.685	393.378	387.701	9.493.799
12	2.295.369	4.174.234	753.834	371.239	1.126.685	393.378	387.701	9.502.440
Tổng	21.700.873	46.429.661	7.944.033	3.923.715	11.860.293	4.150.811	4.090.917	100.100.303

- Thu hút nhân viên bán hàng giỏi và đào tạo lực lượng bán hàng kế thừa.
- Tập trung bán hàng vào những thị trường tiềm năng.
- Ưu tiên những khách hàng có uy tín, thanh toán tốt, mua hàng ổn định và ưu tiên những phương thức thanh toán nhanh nhằm tạo vòng quay vốn nhanh, tăng hiệu quả kinh doanh.
- Tạo sự khác biệt so với các công ty cùng ngành nghề qua việc luôn đảm bảo 3 yêu cầu quan trọng của khách hàng là “giá tốt, chất lượng tốt, dịch vụ tốt”.
- Tổ chức những đợt tham dự hội chợ thủy sản quốc tế như hội chợ Boston – USA tháng 3/2014, hội chợ Brussel – Bỉ tháng 5/2014 và tổ chức các chuyến đi khảo sát thị trường và làm việc với khách hàng như chuyến khảo sát khu vực Nam Mỹ Brazil, Colombia, Peru, khu vực châu Phi như Ai Cập, Nam Phi, Angery,...

Bảng 32: Kế hoạch sản xuất năm 2014

Đơn vị: Tấn

Tháng	Fillet trắng	Fillet hồng lợt	Fillet hồng	Fillet vàng lợt	Fillet thịt đỏ	Cắt khúc	Nguyên con	Tổng cộng
1	728	1.334	243	121	485	162	162	3.235
2	425	778	142	71	283	94	94	1.887
3	607	1.112	202	101	404	135	135	2.696
4	668	1.224	223	111	445	148	148	2.967
5	506	1.213	202	101	404	135	135	2.696
6	607	1.456	243	121	485	162	162	3.236
7	607	1.456	243	121	485	162	162	3.236
8	607	1.456	243	121	485	162	162	3.236
9	607	1.456	243	121	485	162	162	3.236
10	657	1.577	263	131	526	175	175	3.504
11	657	1.577	263	131	526	175	175	3.504
12	789	1.446	263	131	526	175	175	3.505
Tổng	7.465	16.085	2.773	1.382	5.539	1.847	1.847	36.938

- Luôn tìm hiểu và cải tiến quy trình sản xuất, định mức sản xuất để có giá thành tốt hơn.
- Đảm bảo lực lượng công nhân lành nghề nhằm ổn định sản xuất và chất lượng sản phẩm.
- Luôn lắng nghe những phản hồi của khách hàng và ứng dụng những tiến độ công nghệ và kỹ thuật tiên tiến nhất trong chế biến và quản lý nhà máy.
- Tăng cường nâng cao nghiệp vụ đội ngũ quản lý nhà máy, quản lý chất lượng sản phẩm nhằm luôn đáp ứng mọi nhu cầu về chất lượng sản phẩm.



- Tuyển dụng và đào tạo thêm đội ngũ quản lý nhà máy, công nhân để đáp ứng nhu cầu tăng công suất hoạt động nhà máy.

Bảng 33: Kế hoạch nguyên liệu đầu vào

Đơn vị: Tấn

Tháng	Khối lượng cá T1	Khối lượng cá T2	Tổng số nguyên liệu/tháng
1	4.035	2.173	6.208
2	2.353	1.267	3.620
3	3.363	1.811	5.174
4	3.700	1.992	5.692
5	3.104	2.070	5.174
6	3.725	2.483	6.208
7	3.725	2.483	6.208
8	3.725	2.483	6.208
9	3.725	2.483	6.208
10	4.036	2.690	6.726
11	4.036	2.690	6.726
12	4.372	2.354	6.726
Tổng	43.899	26.979	70.878

- Diện tích vùng nuôi riêng của Công ty là 30 ha với sản lượng 11.000 – 12.000 tấn cá nguyên liệu /năm, chiếm 15% tổng sản lượng nguyên liệu cần cho nhà máy;
- Diện tích vùng nuôi liên kết là 110 ha, tổng sản lượng là 40.000 – 45.000 tấn cá nguyên liệu, chiếm 65%;
- Còn lại khoảng 20% nhu cầu nguyên liệu của nhà máy (13.000 tấn) được thu mua từ nông dân.

Nhìn chung, xí nghiệp nuôi trồng và phòng thu mua nguyên liệu sẽ đảm bảo đủ sản lượng nguồn nguyên liệu (khoảng 70.000 tấn) cho chế biến đảm bảo tính khả thi của kế hoạch kinh doanh năm.

❖ Về kinh doanh dầu ăn

- Mục tiêu sau khi nhà máy chiết rót đóng chai hoàn thành thì với dầu nền được sản xuất ra, Công ty sẽ cho ra 4 dòng sản phẩm: dầu ăn dinh dưỡng cao cấp, dầu ăn dinh dưỡng; dầu cooking; dầu shortening (bắt đầu bán ra thị trường tháng 5/2014).

Các chỉ tiêu dinh dưỡng rất tốt và giá thành cạnh tranh cao so với các dầu ăn hiện tại nên Công ty sẽ tập trung vào thị trường trong nước. Bên cạnh đó, Công ty cũng tìm kiếm khách hàng ngoài nước, và nhắm đến các hệ thống siêu thị lớn ở các nước như Mỹ, châu Âu,...để xuất khẩu.

- Công ty tập trung vào việc quảng cáo thương hiệu thông qua các kênh truyền hình, hội thảo tại các thành phố lớn như TP.Hồ Chí Minh, Hà Nội,...
- Đồng thời, Công ty chủ động tìm đối tác độc quyền có đủ năng lực tài chính để phân phối dầu tại các tỉnh có tiềm năng.



- Công ty đảm bảo cho công suất nhà máy hoạt động trên 50% công suất và doanh thu về mảng dầu này năm 2014 đạt 520 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế khoảng 29 tỷ đồng.

❖ **Về kinh doanh bất động sản**

Trong Quý II năm 2014, Công ty đã ký hợp đồng chuyển nhượng dự án bất động sản với số tiền 105 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế thu từ hợp đồng này trên 25 tỷ đồng.

16. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Với tư cách là một tổ chức tư vấn tài chính chuyên nghiệp, Công ty Cổ phần Chứng khoán MB đã tiến hành thu thập các thông tin; nghiên cứu, phân tích và đánh giá một cách cẩn trọng và hợp lý về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I. Căn cứ trên năng lực hiện tại và triển vọng phát triển trong tương lai, nếu không có những biến động bất thường gây ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp, thì kế hoạch lợi nhuận mà Công ty đã đề ra trong những năm tới là phù hợp và khả thi, kế hoạch trả cổ tức cho cổ đông của Công ty trong năm 2014, 2015 có thể được đảm bảo thực hiện.

Chúng tôi xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, căn cứ vào những thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính - chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Những nhận xét nêu trên chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư. Nhà đầu tư cần tự mình phân tích và đưa ra các quyết định đầu tư phù hợp với mục đích, chiến lược đầu tư của mình.

17. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành

Công ty cam kết báo cáo Đại hội đồng cổ đông gần nhất về việc thông qua nội dung số tiền tối thiểu cần thu được và phương án xử lý trong trường hợp không chào bán đủ số tiền tối thiểu cần huy động từ đợt phát hành cổ phiếu năm 2014 được Hội đồng quản trị thông qua tại Nghị quyết số 12207/NQ-HĐQT-IDI ngày 22 tháng 07 năm 2014 .

18. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu chào bán

Không có.



V. Cổ phiếu chào bán

1. Loại cổ phiếu

Cổ phần phổ thông

2. Mệnh giá

10.000 đồng/cổ phần

3. Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán

- Số lượng phát hành: **39.900.000 cổ phần**

- Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu, cán bộ công nhân viên

➤ **Phát hành cho cổ đông hiện hữu**

- Số lượng phát hành: 38.000.000 cổ phiếu
- Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần
- Tỷ lệ thực hiện: 6:5 (Cổ đông sở hữu 6 cổ phiếu được mua thêm 5 cổ phiếu mới)
- Phương án làm tròn, phương án xử lý cổ phiếu lẻ, phương án xử lý cổ phiếu không đặt mua hết:

+ Phương án làm tròn, phương án xử lý cổ phiếu lẻ: Đối với cổ phiếu lẻ (nếu có) phát sinh khi thực hiện quyền, để đảm bảo không vượt quá số lượng phát hành, số lượng cổ phiếu phát hành thêm mà cổ đông sở hữu quyền được mua sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị.

+ Số lượng cổ phiếu mà cổ đông hiện hữu được mua nhưng từ chối mua toàn bộ hoặc một phần sau khi phân phối cho cổ đông hiện hữu, ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty phân phối lại cho các đối tượng khác, với giá bán bằng giá chào bán cho cổ đông hiện hữu (10.000 đồng/cổ phần), đảm bảo đợt phát hành tăng vốn được thành công và đem lại lợi ích cao nhất cho Công ty và cổ đông.

*Ví dụ: Cổ đông A có tên trong danh sách tại ngày đăng ký cuối cùng sở hữu 123 cổ phiếu, khi đó cổ đông sẽ được mua số cổ phần như sau: $(123*5)/6 = 102,5$ cổ phiếu, làm tròn xuống là 102 cổ phiếu.*

➤ **Phát hành theo chương trình lựa chọn cho cán bộ công nhân viên:**

- Số lượng phát hành: 1.900.000 cổ phần.
- Giá bán: 10.000 đồng/cổ phần.
- Danh sách được mua cổ phần do Hội đồng quản trị quyết định. Cổ phần này hạn chế chuyển nhượng trong thời hạn 01 năm, kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.

4. Giá chào bán dự kiến

- Cho cổ đông hiện hữu: 10.000 đồng/cổ phần
- Cho cán bộ công nhân viên: 10.000 đồng/cổ phần



5. Phương pháp tính giá

Nguyên tắc xác định giá phát hành được dự trên cơ sở giá trị sổ sách, giá thị trường và đánh giá mức độ pha loãng cổ phần dự kiến sau khi phát hành.

- Giá trị sổ sách: Tại thời điểm 31/12/2013

$$\begin{aligned} \text{Giá trị sổ sách trên} & & & & \text{Vốn chủ sở hữu} \\ \text{mỗi cổ phần} & = & & & \text{Khối lượng cổ phiếu đã phát hành - Cổ phiếu quỹ} \\ & = & \frac{577.507.435.990}{38.000.000 - 0} & = & \frac{15.198}{\text{đồng/CP}} \end{aligned}$$

- Giá trị thị trường của cổ phiếu IDI:

Tại thời điểm chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, giá thị trường của cổ phiếu IDI sẽ được điều chỉnh theo công thức sau:

$$\begin{aligned} \text{Ppl} & = \frac{\text{Pt} + \text{Pr1} * \text{I1}}{1 + \text{I1}} \\ & = \frac{16.000 + 10.000 * (5/6)}{1 + 5/6} = \frac{13.273}{\text{đồng/cổ phần}} \end{aligned}$$

Trong đó:

- ✓ Ppl: là giá cổ phiếu pha loãng;
- ✓ Pt: 16.000 đồng/cổ phần (Giá giả định ngày chốt danh sách để thực hiện quyền mua);
- ✓ Pr1: 10.000 đồng/cổ phần (Giá phát hành đối với quyền mua cổ phiếu phát hành thêm)
- ✓ I1: 5/6 (Tỷ lệ tăng vốn này được tính trong trường hợp thực hiện quyền mua thêm đối với cổ đông hiện hữu với số lượng dự kiến phát hành: được tính = 38.000.000 cổ phần phát hành thêm quyền mua cho cổ đông hiện hữu/45.600.000 cổ phần đang lưu hành).

Đợt phát hành cổ phiếu của I.D.I được chào bán cho cho cổ đông hiện hữu, cán bộ nhân viên. Do tính chất ưu tiên của đối tượng phân phối, đồng thời căn cứ vào tình hình thị trường chứng khoán, nhu cầu sử dụng vốn của I.D.I, giá trị thị trường và giá trị sổ sách của cổ phiếu I.D.I được tính toán, cũng như trên cơ sở phân tích mức độ pha loãng giá sau khi phát hành và dự kiến giá trị thị trường, giá trị sổ sách và mức độ pha loãng giá tại thời điểm phát không biến động nhiều nên giá chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và cán bộ nhân viên là 10.000 đồng/cổ phần.

6. Phương thức phân phối

- Đối với các cổ đông đã lưu ký chứng khoán: Phân phối thông qua các thành viên lưu ký.



- Đối với các cổ đông chưa lưu ký chứng khoán: Phân phối tại trụ sở Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I.

Thời điểm cụ thể chốt danh sách cổ đông được quyền mua cổ phiếu phát hành thêm sẽ được Công ty công bố tới tất cả các cổ đông trong vòng 07 ngày kể từ ngày Công ty nhận được Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

7. Thời gian phân phối cổ phiếu

Việc phân phối cổ phần chào bán thêm dự kiến sẽ được tiến hành tối đa trong vòng 90 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán có hiệu lực. Thời gian phát hành dự kiến là Quý III/2014.

Bảng 34: Lịch trình phân phối cổ phiếu

Chào bán cho cổ đông hiện hữu

STT	Nội dung công việc	Thời gian
1	Nhận được cấp phép chào bán chứng khoán ra công chúng.	D
2	Xác định ngày lập Danh sách sở hữu cuối cùng và thông báo chốt danh sách cổ đông với Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) và Sở Giao dịch Chứng Hà Nội để triển khai.	D + 5
3	Công bố thông tin về đợt chào bán trên báo điện tử hoặc báo viết trong 03 số liên tiếp.	D đến D +7
4	Ngày giao dịch không hưởng quyền.	D + 10
5	Ngày đăng ký cuối cùng.	D + 12
6	Phối hợp cùng VSD phân bổ và thông báo danh sách phân bổ quyền mua cổ phiếu đến các thành viên lưu ký và các cổ đông chưa lưu ký chứng khoán.	D + 18 đến D + 24
7	Các cổ đông hiện hữu tiến hành đăng ký, chuyển nhượng quyền và nộp tiền mua cổ phần	D + 25 đến D + 45
8	Thành viên lưu ký (TVLK) tổng hợp việc thực hiện quyền của cổ đông hiện hữu và chuyển về cho VSD.	D + 52
9	VSD gửi danh sách cổ đông thực hiện quyền mua và chuyển tiền vào tài khoản phong tỏa	D + 54
10	Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu với UBCKNN; Nộp Hồ sơ đăng ký lưu ký bổ sung và đăng ký niêm yết bổ sung	D + 57
11	Nhận giấy phép lưu ký bổ sung và đăng ký niêm yết bổ sung	D + 67
12	Công bố báo chí về việc niêm yết bổ sung	D + 67
13	Trao trả giấy chứng nhận sở hữu cổ phần cho các cổ đông chưa	D + 58 đến D



STT	Nội dung công việc	Thời gian
	lưu ký	+ 68
14	Cổ phiếu được chào bán thêm chính thức giao dịch	D + 70

Chào bán cho cán bộ công nhân viên

STT	Nội dung công việc	Thời gian
1	Nhận giấy phép đăng ký chào bán cổ phiếu của UBCKNN	D
2	Xác định danh sách CBCNV được mua	D đến D + 5
3	Công bố thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định	D đến D+7
4	CBCNV đăng ký và nộp tiền mua cổ phần	D + 14 đến D + 47
5	Gửi báo cáo kết quả chào bán cho UBCKNN Nộp hồ sơ đăng ký lưu ký bổ sung và đăng ký niêm yết bổ sung	D + 57
6	Nhận giấy phép lưu ký bổ sung và đăng ký niêm yết bổ sung	D + 67
7	Công bố báo chí về việc niêm yết bổ sung	D + 67
8	Trao trả giấy chứng nhận sở hữu cổ phần cho các cổ đông chưa lưu ký <i>Lưu ý: Cổ phiếu được chào bán cho cán bộ công nhân viên bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán</i>	D + 58 đến D + 68

8. Đăng ký mua cổ phiếu

▪ Cổ đông hiện hữu

Thời gian đăng ký mua cổ phiếu sẽ phụ thuộc vào thời gian phân phối cổ phiếu. Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I sẽ thông báo thời gian đăng ký cụ thể trong Bản thông báo phát hành và đảm bảo thời hạn đăng ký mua chứng khoán cho nhà đầu tư tối thiểu là 20 (hai mươi) ngày theo đúng quy định. Danh sách cổ đông tại thời điểm chốt danh sách là cơ sở đăng ký thực hiện quyền mua cổ phần mới chào bán theo tỷ lệ được mua đã quy định. Các cổ đông mở tài khoản và lưu ký cổ phiếu ở thành viên lưu ký nào sẽ đăng ký thực hiện quyền tại thành viên lưu ký đó. Cổ đông chưa thực hiện lưu ký thì đăng ký thực hiện quyền tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I.

▪ Cán bộ công nhân viên:

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I sẽ tiến hành thông báo về đợt chào bán tới các CBCNV có tên trong danh sách được mua cổ phần. CBCNV



tiến hành đăng ký và nộp tiền mua cổ phần tại trụ sở chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I theo thủ tục và trong thời hạn hai mươi ngày. Thời gian cụ thể sẽ có thông báo sau.

9. Phương thức thực hiện quyền

- Điều kiện thực hiện quyền
 - ✓ **Cổ đông hiện hữu:** Các cổ đông thuộc Danh sách người sở hữu cuối cùng tại ngày chốt danh sách phân bổ quyền mua.
 - ✓ **Cán bộ công nhân viên:** Cán bộ công nhân viên có tên đến thời điểm chốt danh sách cổ đông.
- Thời gian thực hiện quyền
Theo thời gian nêu trong lịch trình dự kiến tại mục V.7
- Phương thức thanh toán quyền mua cổ phần
 - ✓ Đối với cổ đông đã lưu ký cổ phần tại các Công ty chứng khoán: việc đăng ký mua cổ phần, thanh toán tiền mua và chuyển giao cổ phần được thực hiện tại các công ty chứng khoán nơi cổ đông mở tài khoản.
 - ✓ Đối với cổ đông chưa lưu ký cổ phần tại các Công ty chứng khoán: việc đăng ký mua cổ phần, chuyển nhượng quyền mua cổ phần, thanh toán tiền mua và chuyển giao cổ phần được thực hiện tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I.
- Chuyển giao cổ phiếu
Trong vòng 30 ngày sau khi hoàn tất đợt phát hành, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I sẽ chuyển giao Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần cho các cổ đông chưa lưu ký tại Trụ sở chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I.
- Quyền lợi người mua cổ phiếu
Cổ đông hiện hữu được quyền mua cổ phiếu có quyền từ chối quyền mua hoặc chuyển nhượng quyền mua của mình trong thời gian quy định tại Mục V.7. Các cổ đông có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phần của mình (nhưng chỉ được chuyển nhượng một lần – không chuyển nhượng cho người thứ ba) cho người khác theo giá thỏa thuận giữa bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng. Bên chuyển nhượng và Bên nhận chuyển nhượng tự thỏa thuận mức giá chuyển nhượng và thanh toán tiền chuyển nhượng quyền.

10. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Sau khi niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, tỷ lệ nắm giữ của người nước ngoài tuân theo quy định tại Quyết định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15 tháng 04 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài trên Thị trường chứng khoán Việt Nam thì tổ chức, cá nhân nước ngoài mua bán trên SGCK được nắm giữ tối đa 49% tổng số cổ phiếu phát hành ra công chúng. Trong trường hợp cổ đông nước ngoài đã nắm giữ vượt tỷ lệ 49% tổng số cổ phiếu phát hành ra công chúng trước khi cổ phiếu được niêm yết thì phải thực hiện bán cổ phiếu đó để đảm bảo

tỷ lệ nắm giữ của bên nước ngoài tối đa là 49%.

11. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng

- Các cổ đông có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phần của mình nhưng chỉ được chuyển nhượng một lần và không chuyển nhượng cho người thứ ba;
- Số lượng cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu trong đợt này là cổ phiếu phổ thông không bị hạn chế chuyển nhượng kể từ ngày phân phối;
- Cổ phiếu chào bán cho cán bộ công nhân viên trong đợt phát hành này bị hạn chế chuyển nhượng trong thời hạn 01 năm, kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.

12. Các loại thuế liên quan đến hoạt động giao dịch chứng khoán

Đối với nhà đầu tư cá nhân

Theo Luật Thuế Thu nhập Cá nhân số 04/2007/QH12, ban hành ngày 21/11/2007 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2009 thì:

Thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân bao gồm: Thu nhập từ đầu tư vốn (lợi tức cổ tức) và thu nhập từ chuyển nhượng vốn (thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán).

Mức thuế suất đối với từng loại như sau:

- Thuế suất đối với thu nhập từ đầu tư vốn (lợi tức cổ tức): 5%.
- Thuế suất đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn (thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán) được xác định như sau:
 - Trường hợp cá nhân chuyển nhượng chứng khoán đăng ký nộp thuế theo biểu thuế toàn phần với thuế suất là 20% tính trên lãi chuyển nhượng.
 - Trường hợp người chuyển nhượng chứng khoán không đăng ký nộp thuế theo biểu thuế toàn phần với thuế suất 20% thì áp dụng thuế suất 0,1% tính trên giá trị chuyển nhượng chứng khoán từng lần và không phân biệt việc chuyển nhượng được thực hiện tại Việt Nam hay tại nước ngoài.
 - Cá nhân chuyển nhượng chứng khoán đã đăng ký nộp thuế theo thuế suất 20% vẫn phải tạm nộp thuế theo thuế suất 0,1% trên giá trị chuyển nhượng chứng khoán từng lần.

Kỳ tính thuế:

- Kỳ tính thuế đối với cá nhân không cư trú được tính theo từng lần phát sinh thu nhập áp dụng đối với tất cả thu nhập chịu thuế.
- Kỳ tính thuế đối với cá nhân cư trú được quy định như sau: Kỳ tính thuế theo từng lần phát sinh thu nhập áp dụng đối với thu nhập từ đầu tư vốn; thu nhập từ chuyển nhượng vốn. Kỳ tính thuế theo từng lần chuyển nhượng hoặc theo năm đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán.

Đối với nhà đầu tư tổ chức

Nhà đầu tư là tổ chức đăng ký kinh doanh tại Việt Nam phải chịu một khoản thuế đóng trên phần chênh lệch giá khi bán cổ phiếu như sau:

Thuế thu nhập từ chênh lệch giá do bán cổ phiếu = Thu nhập chịu thuế x Thuế suất



Trong đó:

- Thu nhập chịu thuế = Tổng giá trị chứng khoán bán ra trong kỳ - Tổng giá mua chứng khoán được bán ra trong kỳ - Chi phí mua bán chứng khoán + Lãi trái phiếu từ việc nắm giữ trái phiếu.
- Thuế suất = Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp của tổ chức đầu tư.

Nhà đầu tư là tổ chức nước ngoài không có đăng ký kinh doanh tại Việt Nam, chỉ mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại Việt Nam phải chịu một khoản thuế khoán khi bán cổ phiếu như sau:

Thuế khoán từ việc bán cổ phiếu = Tổng giá trị cổ phiếu bán ra của từng giao dịch chuyển nhượng x 0,1%.

13. Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu

Toàn bộ số tiền thu được từ đợt phát hành sẽ được chuyển vào tài khoản phong tỏa số: 0151 000 505 129 tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi Nhánh An Giang của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I.

VI. Mục đích chào bán

1. Mục đích chào bán

Nhằm đáp ứng nhu cầu vốn cho hoạt động kinh doanh, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I đã thông qua phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, cán bộ công nhân viên và cổ đông chiến lược, đồng thời cũng thông qua phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán. Theo đó, tổng số tiền thu được từ đợt chào bán sẽ được sử dụng nhằm các mục đích như sau:

- Bổ sung vốn trung và dài hạn cho dự án nhà máy tinh luyện dầu ăn;
- Xây dựng nhà máy thức ăn thủy sản công suất 120.000 tấn/ năm;
- Đầu tư phát triển vùng nguyên liệu đảm bảo chủ động 80% công suất nhà máy;
- Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

2. Phương án khả thi

2.1. Bổ sung vốn trung và dài hạn cho dự án nhà máy tinh luyện dầu ăn

a. Thông tin dự án

- Tên dự án: Nhà máy tinh luyện dầu ăn
- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I
- Đơn vị lập dự án: Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng và Đầu tư tài chính (AFC)
- Vị trí: Cụm công nghiệp Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, Đồng Tháp
- Quy mô sản xuất: 100 tấn nguyên liệu/ngày
- Tổng diện tích dự án: 10.600 m²
- Thời gian thực hiện: Năm 2011 – Quý IV/2013
- Tổng mức đầu tư: 278.466 triệu đồng

b. Hiệu quả đầu tư dự án

STT	Các chỉ tiêu kinh tế	Đơn vị	Giá trị
2	Giá trị hiện tại thuần (NPV) (Tỷ suất chiết khấu 18%)	Triệu đồng	28.343
3	Thời gian thu hồi vốn	Năm	6,58
4	Tỷ suất thu hồi vốn nội bộ (IRR)	%	21,01

c. Tình hình triển khai dự án

Từ năm 2007, nắm bắt nhu cầu ngày càng cao của thị trường trong và ngoài nước, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I đã định hướng chiến lược nghiên cứu, đầu tư cho lĩnh vực tinh luyện dầu cá. Sau bốn năm tìm hiểu thị trường công nghệ của nhiều nước trên thế giới, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I đã lựa chọn Tập đoàn Desmet Balesstra – Vương quốc Bỉ để đặt hàng nghiên cứu độc



quyền công nghệ, đáp ứng tối ưu yêu cầu chế biến, tinh luyện mỡ cá tra – ba sa thành nhiều loại mặt hàng thực phẩm dinh dưỡng, gồm có 1) Dầu tinh luyện nguyên liệu cung cấp cho ngành Dược (Dầu viên cá Omega3); 2) Dầu tinh luyện dạng lỏng (dầu thực phẩm không qua chế biến): Dầu ăn, Dầu trộn; và 3) Dầu tinh luyện dạng cô đặc: Dầu Shortening (dùng trong công nghiệp chế biến Mì ăn liền), Bơ Magarine; Bột nhào Puff Pastry (dùng trong công nghiệp thực phẩm cao cấp như làm bánh lớp Crossaint, bánh Pate Chaud ...). Hiệu suất thu hồi sản phẩm của công nghệ đạt 97% trên nguyên liệu là mỡ cá thô.

Được UBND Tỉnh Đồng Tháp cấp Giấy chứng nhận đầu tư lần đầu tháng 11/2008, từ năm 2011 đến tháng 9 năm 2013, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I hoàn thiện đầu tư xây dựng, nghiệm thu Nhà máy và lắp đặt thiết bị tinh luyện Dầu cá tại Cụm Công nghiệp Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp trên diện tích đất sử dụng là 10.600 m² với tổng mức đầu tư trên 278 tỷ đồng, công suất thiết kế đạt 100 tấn mỡ cá nguyên liệu/ngày. Từ tháng 10 đến tháng 12/2013, công ty đã tiến hành sản xuất thử nghiệm và sản xuất chính thức, công suất vận hành đạt 50% so với công suất thiết kế.

Các sản phẩm Dầu nền và Dầu Shortening ngay khi xuất hiện đã được thị trường nội địa đón nhận, khách hàng là các doanh nghiệp gia công dầu ăn, sản xuất bánh và mì ăn liền.

Đối với các sản phẩm Dầu Cooking và Dầu ăn dinh dưỡng cao cấp, Công ty đã ký hợp đồng với đối tác tư vấn nghiên cứu thị trường, xây dựng thương hiệu, tư vấn phát triển sản phẩm và xây dựng hệ thống bán hàng ... Dầu Cooking và Dầu ăn dinh dưỡng cao cấp của Công ty hiện đã được cấp Giấy chứng nhận Halal, được phép xuất khẩu và các thị trường Hồi giáo. Công ty đang tiếp tục hoàn thiện hồ sơ để xin cấp mã sản phẩm (Code) vào thị trường Mỹ và Châu Âu. Hiện các thị trường Mỹ, Châu Âu, Trung Đông đều đã có đơn hàng thử nghiệm. Dự kiến, tháng 8 năm 2014, Công ty sẽ chính thức có thương hiệu Dầu Cooking và Dầu ăn dinh dưỡng cao cấp trên thị trường nội địa và xuất khẩu.

d. Mục đích huy động vốn để phát triển dự án nhà máy tinh luyện dầu ăn

Nhận thấy tiềm năng của dầu cá là rất lớn, do đó Công ty đặt kế hoạch tiêu thụ 15.962 tấn dầu sản phẩm các loại, đạt doanh thu hơn 494 tỷ đồng trong năm 2014 và tiếp tục đầu tư công nghệ để nâng cấp dây chuyền đáp ứng nhu cầu tiêu thụ và mở rộng thị trường trong các năm tiếp theo. Để đạt được mục tiêu này, kế hoạch phát triển, đầu tư các hạng mục dây chuyền của Công ty trung và dài hạn cụ thể như sau:

- Đầu tư máy móc, thiết bị và dây chuyền sản xuất để nâng công suất lên 200 tấn dầu cá nguyên liệu/ngày (hiện tại công suất thiết kế là 100 tấn dầu cá nguyên liệu/ngày): 7 triệu Đô la Mỹ (tương đương 110 tỷ đồng)
- Đầu tư dây chuyền chiết rót đóng chai tự động (hiện tại Công ty đang sử dụng dây chuyền đóng chai bán tự động): 30 tỷ đồng
- Đầu tư dây chuyền sản xuất shortening: 30 tỷ đồng

e. Kế hoạch sử dụng vốn

- Vốn huy động dự kiến từ đợt phát hành lần này: 60.000 triệu đồng, chi tiết như sau:

- ✓ Đầu tư dây chuyền chiết rót đóng chai tự động : 30.000 triệu đồng

- ✓ Đầu tư dây chuyền sản xuất shortening: 30.000 triệu đồng
- Thời gian sử dụng nguồn vốn dự kiến là từ Quý IV/2014 đến Quý II/2015.

2.2. Xây dựng nhà máy thức ăn thủy sản công suất 120.000 tấn/ năm

a. Thông tin dự án

- Tên dự án: Nhà máy chế biến thức ăn thủy sản IDI
- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I
- Đơn vị lập dự án: Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng và Đầu tư tài chính (AFC)
- Vị trí: Cụm công nghiệp Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, Đồng Tháp
- Quy mô sản xuất: 120.000 tấn/năm, trong đó thức ăn viên nổi cho cá theo các lứa tuổi.
- Quy mô xây dựng: 45.885 m²
- Thời gian thực hiện: Năm 2014 - 2016
- Tổng mức đầu tư: 299.000 triệu đồng

Nhà máy chế biến thức ăn thủy sản IDI là cơ sở sản xuất các loại thức ăn cho các loại thủy sản trực thuộc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I quản lý được đầu tư xây dựng mới với công nghệ chế biến hiện đại của châu Âu, đạt tiêu chuẩn vệ sinh và an toàn thức ăn công nghiệp theo tiêu chuẩn ngành chăn nuôi thủy sản. Thị trường chính là cung cấp thức ăn công nghiệp cho các vùng chăn nuôi có quy hoạch cụ thể trong tỉnh hoặc ngoài tỉnh.

b. Sự cần thiết của việc đầu tư nhà máy chế biến thức ăn

Hiện tại, mỗi năm Công ty mua thức ăn cho cá từ các công ty chế biến thức ăn với số tiền gần 900 tỷ đồng và ngày càng tăng cùng với sự phát triển của Công ty. Trước tình hình đó, Ban điều hành Công ty đã có kế hoạch đầu tư nhà máy chế biến thức ăn thủy sản, dự kiến khởi công cuối năm 2014. Nhà máy được đầu tư thiết bị, công nghệ hiện đại từ Châu Âu, sản phẩm dự kiến sẽ tốt hơn thức ăn thủy sản của các công ty hiện tại đang bán ở Việt Nam. Vốn đầu tư dự kiến là 299 tỷ đồng, công suất thiết kế giai đoạn 1 là 400 tấn nguyên liệu/ngày. Dự kiến cuối năm 2016 sẽ hoàn thành và đi vào sản xuất. Nhà máy tận dụng nguồn nguyên liệu bột cá từ nhà máy Trisedco nên có nguồn nguyên liệu ổn định, nằm trong chuỗi giá trị khép kín của Công ty. Đồng thời, điều này góp phần hạ giá thành sản phẩm, nâng cao giá trị gia tăng cho sản phẩm đầu ra và có tính chất cạnh tranh hơn so với đối thủ.

c. Hiệu quả đầu tư

STT	Các chỉ tiêu kinh tế	Đơn vị	Giá trị
1	Giá trị hiện tại thuần (NPV) (Tỷ suất chiết khấu 12%)	Triệu đồng	150.710
2	Thời gian thu hồi vốn	Năm	12
3	Tỷ suất thu hồi vốn nội bộ (IRR)	%	28,24

d. Thời gian thực hiện dự án

- Từ Quý III đến Quý IV 2014 - Giai đoạn chuẩn bị đầu tư: Hoàn tất việc lập dự án đầu tư và hồ sơ cấp giấy chứng nhận đầu tư, triển khai thiết kế kỹ thuật
- Từ Quý IV/2014 đến Quý III năm 2016 - Giai đoạn thực hiện đầu tư: Hoàn thành việc thi công xây dựng hạ tầng kỹ thuật, công trình trong dự án. Đồng thời, hoàn thành việc lắp đặt thiết bị cho nhà máy, tổ chức vận hành chạy thử thiết bị.
- Quý IV năm 2016: Giai đoạn bàn giao và đưa nhà máy đi vào sản xuất kinh doanh.

e. Kế hoạch sử dụng vốn

- Tổng nguồn vốn đầu tư dự kiến: 299.000 triệu đồng
 - ✓ Chi phí xây dựng: 80.000 triệu đồng
 - ✓ Chi phí thiết bị: 150.000 triệu đồng
 - ✓ Chi phí quản lý dự án: 2.500 triệu đồng
 - ✓ Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 4.800 triệu đồng
 - ✓ Chi phí khác: 34.500 triệu đồng
 - ✓ Dự phòng phí: 27.200 triệu đồng
- Vốn huy động dự kiến từ đợt phát hành lần này: 150.000 triệu đồng, phục vụ chi phí xây dựng, thiết bị công trình.

2.3. Đầu tư phát triển vùng nguyên liệu đảm bảo chủ động 80% công suất nhà máy

a. Thông tin dự án

Công ty có 2 vùng nuôi là An Thạnh Trung và Tân Hòa. Hai vùng nuôi đã hình thành được quy trình nuôi, cách xử lý khi gặp dịch bệnh, cách nhận diện quá trình tăng trưởng của cá. Hiện tại, vùng tự nuôi và vùng nuôi liên kết chiếm tỷ lệ 68,68% nguyên liệu cung cấp cho nhà máy sản xuất của IDI.

Để đáp ứng được đơn hàng xuất khẩu, Công ty đang thực hiện các chương trình quản lý chất lượng như sau:

- Vùng nuôi Tân Hòa đang thực hiện theo tiêu chuẩn ASC, kinh phí khoảng 600 triệu đồng. Hiện UBND tỉnh Đồng Tháp đã thực hiện hỗ trợ 65 triệu đồng, WWS hỗ trợ 40%, phần còn lại do Proconco hỗ trợ.
- Vùng nuôi An Thạnh Trung đã được cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn Global GAP, BAP. Với tiêu chuẩn BAP đây là tiêu chuẩn áp dụng cho các lô hàng vào thị trường Mỹ.

Hiện, Công ty đang mở rộng thêm vùng nuôi tại Ô Môn và Tân Lộc, nâng tổng diện tích tự nuôi lên 40 ha. Theo kế hoạch kinh doanh của Công ty từ 2014 đến 2018, Công ty sẽ mở rộng vùng nguyên liệu tự nuôi để đáp ứng 80% công suất nhà máy, mục tiêu cao hơn là 85%. Cụ thể, chỉ tiêu diện tích nuôi trồng năm 2014 sẽ được mở rộng và dự kiến tăng thêm khoảng 20 ha và đến năm 2015 tăng thêm 30 ha.

b. Kế hoạch sử dụng vốn

Chi tiết kế hoạch mở rộng vùng nguyên liệu tự nuôi của Công ty và số vốn cần đầu tư cho giai đoạn 2014 – 2018 như sau:

Năm	Mục tiêu	Số tiền đầu tư (triệu đồng)
2014	Mở rộng vùng nguyên liệu thêm 20 ha	40.000
2015	Mở rộng vùng nguyên liệu thêm 30 ha	49.000
2016	Mở rộng vùng nguyên liệu thêm 30 ha	50.000
2017	Mở rộng vùng nguyên liệu thêm 30 ha	40.000
2018	Mở rộng vùng nguyên liệu thêm 40 ha	65.000
	Tổng	244.000

- Vốn huy động dự kiến từ đợt phát hành lần này: 89.000 triệu đồng, trong đó mục đích đầu tư cho cải tạo đất, xử lý nước thải, đầu tư con giống và chi phí thức ăn cho cá.

2.4. Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh

- Số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động cho Công ty là: 100.000 triệu đồng.
- Hiệu quả kinh doanh sau khi tăng vốn:

Có thể nói, việc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I tăng vốn điều lệ là cần thiết và không chỉ có ý nghĩa quan trọng nhằm nâng cao năng lực tài chính, năng lực hoạt động và khả năng cạnh tranh của Công ty mà góp phần thực hiện chiến lược kinh doanh của Công ty trong năm 2014 và những năm tiếp theo đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 của IDI thông qua. Cụ thể, theo định hướng kinh doanh của Công ty trong những năm tới, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I hướng tới nằm trong top 2 doanh nghiệp xuất khẩu cá tra đông lạnh lớn nhất Việt Nam vào năm 2018 và hoàn thiện chuỗi sản xuất khép kín.

Việc tài trợ cho vốn lưu động của Công ty thông qua đợt phát hành lần này cũng giúp Công ty giảm sự phụ thuộc vào vay ngân hàng và áp lực lãi vay mà vẫn đảm bảo nguồn vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

STT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2012	Năm 2013
1	Tài sản ngắn hạn	triệu đồng	934.502	1.063.980
2	Nợ ngắn hạn	triệu đồng	839.321	1.200.869
3	Khả năng thanh toán			
	<i>Hệ số thanh toán ngắn hạn</i>	<i>Lần</i>	<i>1,11</i>	<i>0,89</i>
	<i>Hệ số thanh toán nhanh</i>	<i>Lần</i>	<i>0,61</i>	<i>0,70</i>
4	Doanh thu thuần	triệu đồng	1.331.157	1.804.414

Theo các số liệu tài chính năm 2012, 2013, hiện nay, khả năng thanh toán của Công ty đảm bảo tính ổn định trước các khoản nợ với khách hàng, tốc độ tăng trưởng doanh thu cao thể hiện qua doanh thu năm 2013 tăng 35,6% so với năm 2012.

- Năm 2014, nền kinh tế có nhiều sự chuyển biến tích cực của nền kinh tế thế giới nói chung và nền kinh tế Việt Nam nói riêng. Đây là cơ hội để Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I thực hiện chiến lược kinh doanh của mình. Do đó, để thực hiện được điều này, việc huy động thêm vốn lưu động là hết sức cần thiết,



đặc biệt là huy động từ cổ đông của Công ty. Nhu cầu vốn lưu động bổ sung cho sản xuất kinh doanh dự kiến được tính theo phương pháp dựa tỷ lệ trên Doanh thu.

- ✓ Theo kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014, doanh thu thuần của Công ty năm 2014 là: 2.955.691.238.724 đồng.
- ✓ Tỷ lệ phần trăm tài sản lưu động và nguồn vốn đương nhiên so với doanh thu thuần năm 2013 như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2013	% DTT
Doanh thu thuần (DTT)	1.804.413.711.320	
Tài sản lưu động (TSLĐ)	1.063.980.356.682	59%
Nguồn vốn đương nhiên (NVĐN)	300.577.019.814	17%
<i>Trong đó:</i>		
- Phải trả người bán	263.652.526.133	
- Người mua trả tiền trước	19.888.216.057	
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	58.027.608	
- Phải trả người lao động	16.978.250.016	

- ✓ Nhu cầu vốn lưu động năm 2014 của Công ty được xác định như sau:

$V\text{LĐ tăng thêm} = (DTT\ 2014 - DTT\ 2013) \times (\% TSLĐ/DTT\ 2013 - \% NVĐN/DTT\ 2013)$

$V\text{LĐ tăng thêm} = (2.955.691.238.724 - 1.804.413.711.320) \times (0,59 - 0,17)$

$V\text{LĐ tăng thêm} = 483.536.561.510$ đồng

- ✓ Để tài trợ cho nhu cầu vốn lưu động tăng thêm, Công ty dự kiến huy động từ các nguồn sau:
 - Vốn từ phát hành thêm cổ phiếu: 100.000.000.000 VNĐ
 - Vốn vay (Vay cá nhân, ngân hàng và các tổ chức khác): 383.536.561.510 VNĐ

▪ **Hiệu quả kinh doanh sau khi tăng vốn**

Chỉ tiêu	Năm 2014	
	Kế hoạch (triệu VND)	% tăng giảm so với năm 2013
Vốn điều lệ (*)	1.000.000	163%
Tổng doanh thu	2.955.691	64%
Lợi nhuận trước thuế	150.082	278%
Lợi nhuận sau thuế	142.051	246%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	4,8%	-
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	14,2%	-
Cổ tức	10%	-

VII. Kế hoạch sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán

Dự kiến số tiền thu được từ đợt chào bán như sau;

- Số vốn điều lệ tăng thêm: **399.000.000.000 đồng**
- Tổng số tiền thu được từ đợt chào bán: **399.000.000.000 đồng**

Mục đích sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán đã được nêu tại mục VI.1. Chi tiết kế hoạch sử dụng số tiền này như sau:

Bảng 35: Kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán

Mục đích	Số tiền đầu tư (đồng)
Bổ sung vốn trung và dài hạn cho dự án nhà máy tinh luyện dầu ăn	60.000.000.000
Xây dựng nhà máy thức ăn thủy sản công suất 120.000 tấn/năm	150.000.000.000
Đầu tư mở rộng vùng nguyên liệu đảm bảo chủ động 80% công suất nhà máy	89.000.000.000
Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh	100.000.000.000
Tổng cộng	399.000.000.000

Số tiền tối thiểu cần thu được và phương án xử lý trong trường hợp không chào bán đủ số tiền tối thiểu

Tỷ lệ chào bán thành công tối thiểu đối với dự án xây dựng nhà máy thức ăn thủy sản là 30% tổng số tiền dự kiến thu được sử dụng để đầu tư cho dự án. Chi tiết như sau:

Mục đích	Số tiền dự kiến huy động được từ đợt phát hành này (đồng)	Số tiền tối thiểu cần huy động được từ đợt chào bán này (đồng)
Xây dựng nhà máy thức ăn thủy sản công suất 120.000 tấn/ năm	150.000.000.000	45.000.000.000

Trong trường hợp, chào bán không đủ số tiền trên cho các dự án này, để đảm bảo việc thực hiện dự án, Công ty sẽ có phương án xử lý như sau:

- Sử dụng nguồn lợi nhuận sau thuế giữ lại, hoặc các nguồn khác để đảm bảo đủ nguồn vốn đối ứng 30%, phần còn lại sẽ vay ngân hàng dùng tài sản thế chấp là tài sản hình thành từ nguồn vốn vay và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp pháp, hợp lệ của Công ty IDI hoặc của bên thứ 3 để thế chấp vay vốn bổ sung cho dự án.



- Giảm vốn đầu tư của dự án, chuyển phần dự án chưa được thực hiện sang các năm tiếp theo.



VIII. Các đối tác liên quan tới đợt chào bán

Tổ chức tư vấn

Công ty cổ phần Chứng khoán MB

Điện thoại : (84-4) 3726 2600 Fax: (84-4) 3726 2601
Địa chỉ : 3 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội
Website : www.mbs.com.vn
Bloomberg : MBSV<GO>

Tổ chức kiểm toán

Báo cáo Kiểm toán năm 2012 và năm 2013 được kiểm toán bởi:

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCs)

Địa chỉ : 29 Võ Thị Sáu, P. Đa Kao, Q.1, TP. HCM
Điện thoại : (84-8) 3820 5944 Fax : (84-8) 3820 5942
Website : www.aasc.com.vn



IX. Phụ lục

1. Phụ lục 1: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
2. Phụ lục 2: Bản sao hợp lệ Điều lệ công ty ;
3. Phụ lục 3: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2012, năm 2013, Báo cáo tài chính cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2014 đã được soát xét
4. Phụ lục 4: Các tài liệu khác



X. Ngày tháng, chữ ký, đóng dấu của đại diện tổ chức phát hành, tổ chức tư vấn

Hà Nội, ngày ...tháng... năm 2014

Đại diện tổ chức tư vấn

Công ty Cổ phần Chứng khoán MB

Tổng Giám đốc

Trần Hải Hà

Đại diện tổ chức phát hành

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Lê Thanh Thuán

Tổng Giám đốc

Lê Văn Chung

Trưởng Ban kiểm soát

Lê Hoàng Cường

Giám đốc tài chính

Trương Công Khánh